

BÁCH KHOA

SỐ 32 — NGÀY 1-5-1958

Trong số này :

- | | |
|---------------------------------|--|
| HUỖNH-VĂN-LANG | Nhìn sang sự Chấn hưng Kinh tế Tây-Đức. |
| HOÀNG-MINH-TUỖNH | Chế độ Dân-chủ mácxít. |
| TRẦN-HỒNG-HỦNG | Kỷ niệm ngày lễ quốc-tế lao-động. |
| PHAM-DUY-LÂN | Công ty Bảo hiểm Quốc gia. |
| TIỂU-DÂN | Liên-Hiệp-Quốc trong giờ trách nhiệm. |
| MỸ-VIỆT | Vấn đề bảo vệ Luân lý. |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | Lược đàm truyện Thủy-Hử. |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í | Vấn đề Thoại và vài ý kiến về Thoại. |
| TÂN-FONG-HIỆP | Nhân ngày giỗ Nguyễn-văn-Vĩnh tiên sinh. |
| PHAN-LAC-TUYÊN | Những hoàng hôn tím (thơ). |
| CÔ-LIỂU | Chung quanh tổ phở. |
| NGUY-TÂN-THƯƠNG | Vọng bốn phương (thơ). |
| YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN | Ánh trăng trong lòng đá. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | Thomas Alva Edison. |
| VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) | Khói lửa kinh thành. |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie cũ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Trũ"

— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Trũ"

SI-RÔ "Verigoud" :

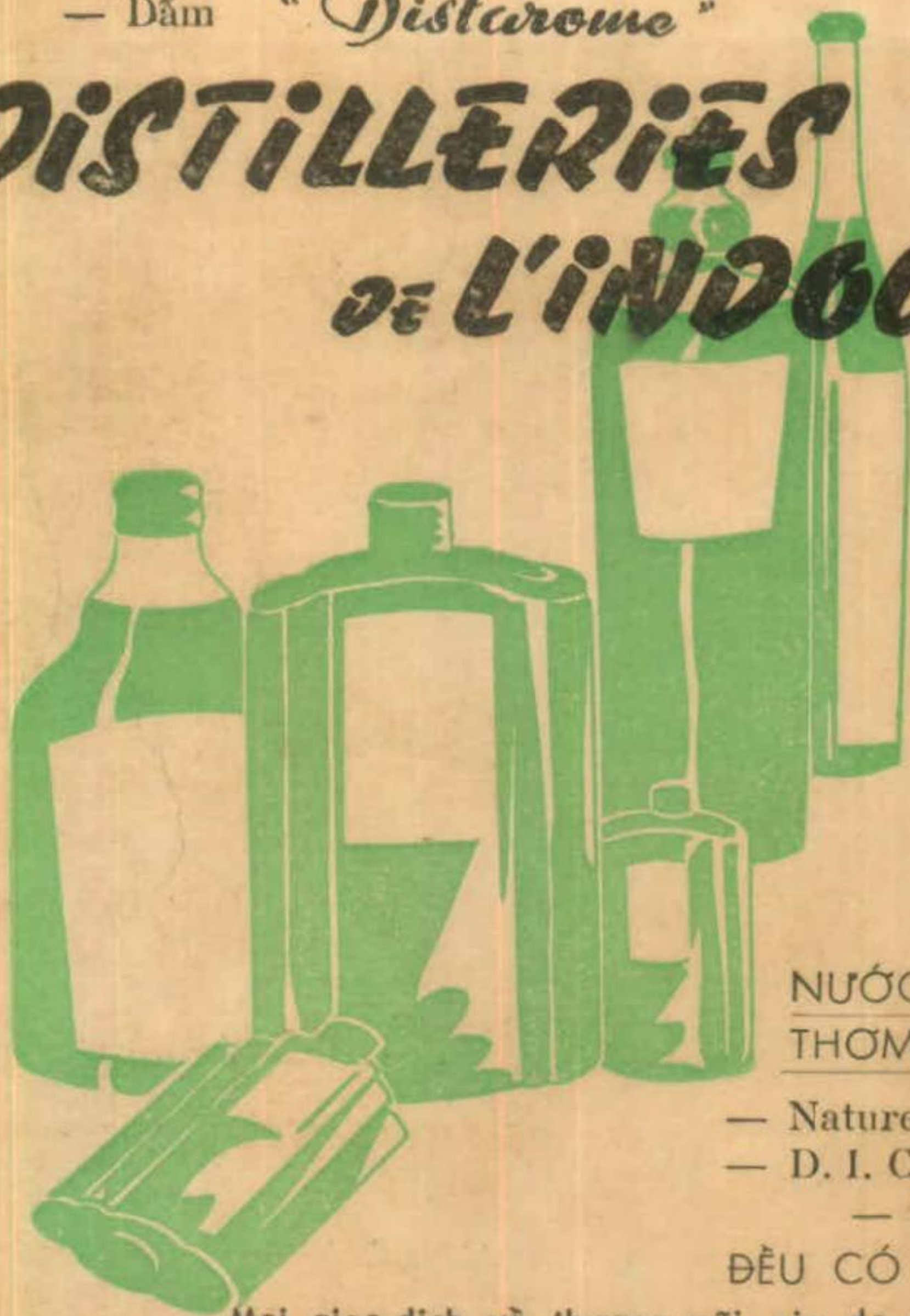
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHÁP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ

(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30

} mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : *mỗi Chúa nhật và thứ Năm*

HONG-KONG SAIGON : *mỗi thứ Hai và thứ Sáu*

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25 26



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

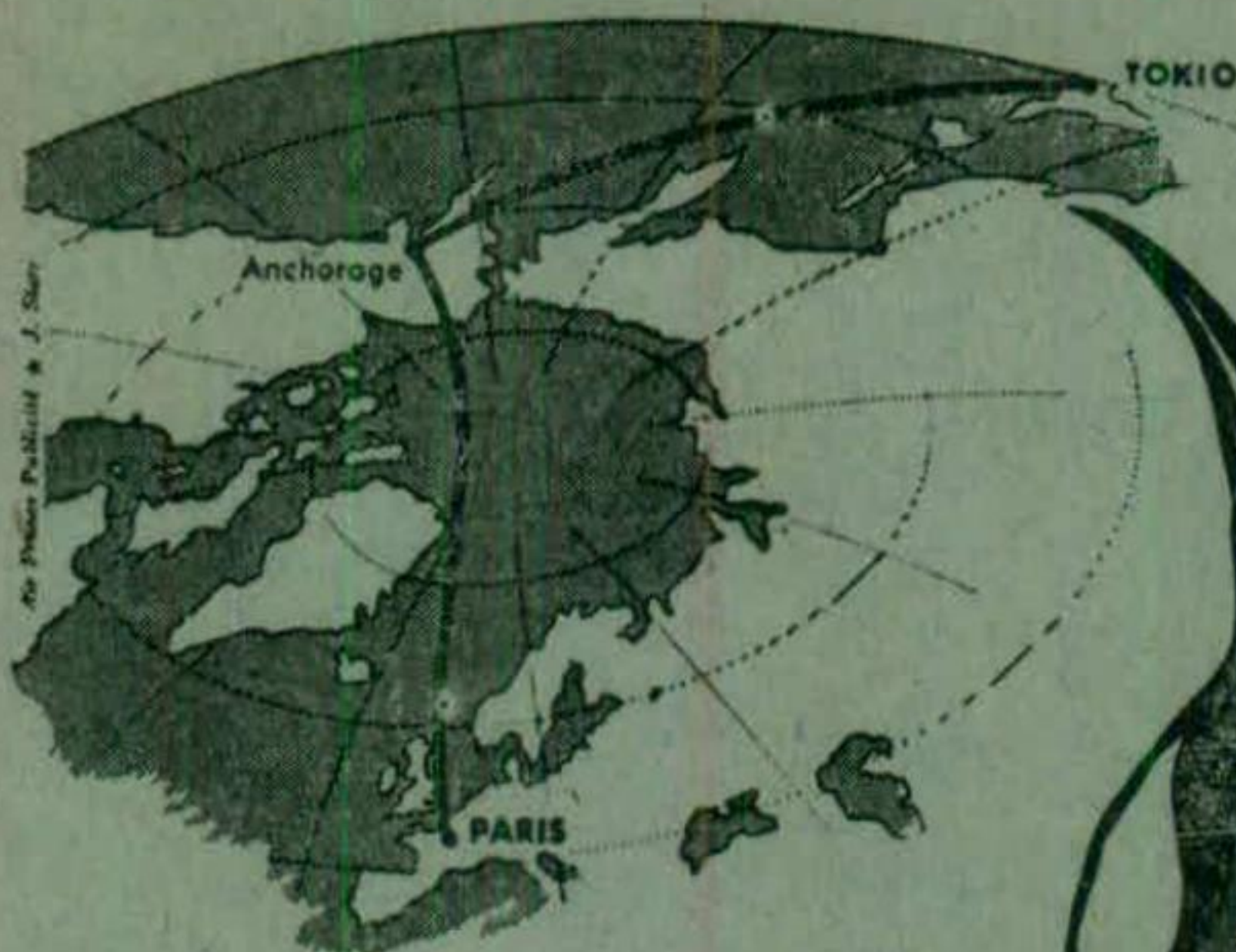
18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



TOKIO-Paris par le pôle...

Air France inaugure au mois d'Avril la ligne la plus rapide au départ d'Europe à destination du Japon.

TOKIO-PARIS EN MOINS DE 30 H. DE VOL.

C'est grâce au fameux Superstarliner, l'appareil commercial au plus long rayon d'action du monde qu'Air France va pouvoir relier Tokio à Paris avec une seule escale à Anchorage (Alaska).

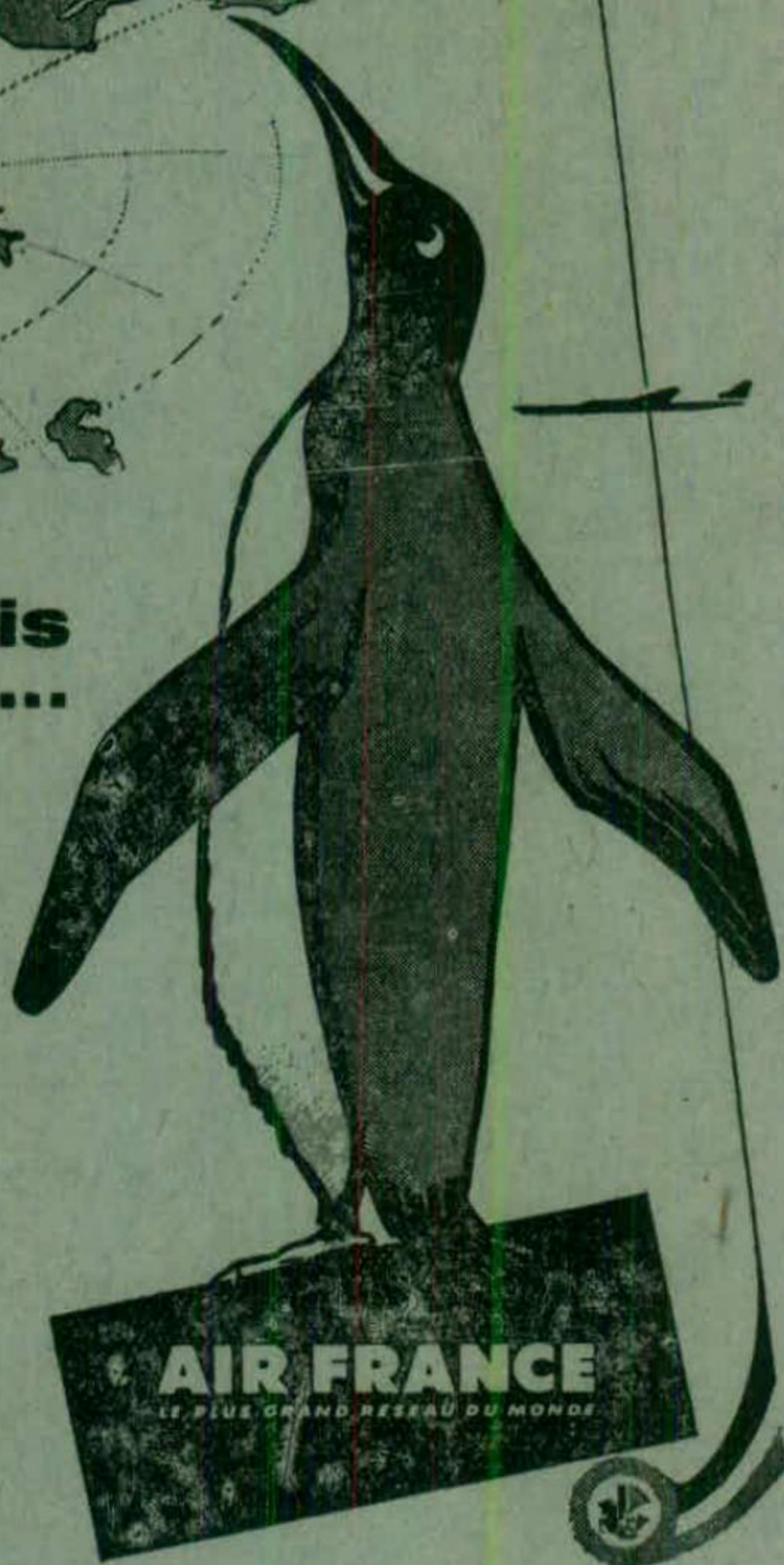
PAR LA ROUTE DES AUBORES BOREALES.

La route polaire Air France traverse la zone calme où s'éploient les aurores boréales. Sereine, elle survole les territoires du grand nord jalonnés de nombreux aérodrômes.

AU DEPART DE SAIGON. Air France offre désormais à ses passagers à destination de Paris le choix entre la route polaire et celle des Indes et de la Birmanie.

Trois vols par semaine mettent TOKIO à 12 heures de SAIGON.

Lundi via Hongkong
Mercredi via Manille
Vendredi via Manille.



SAIGON, 12 Bd THONG-NHUT — Tel: 20.981 à 20.984
ET TOUTES AGENCES DE VOYAGES AGRÉÉES



BÁCH-KHOA

Số 32 — Ngày 1-5-1958

- HUỖNH-VĂN-LANG *Nhìn sang sự Chấn hưng Kinh tế Tây-Đức.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH *Chế độ Dân-chủ mác-xít.*
- TRẦN-HỒNG-HÙNG *Kỷ niệm ngày lễ quốc-tế Lao-động.*
- PHẠM-DUY-LÀN *Công ty Bảo hiểm Quốc gia.*
- TIÊU-DÂN *Liên-Hiệp-Quốc trong giờ trách nhiệm.*
- NGUYỄN-HUY-KHÁNH *Lược đàm truyện Thủy-Hử.*
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC)
và NGUYỄN-NGU-Í } *Vấn đề Thời và vài ý kiến về Thời.*
- TÂN-FONG-HIỆP *Nhân ngày giỗ Nguyễn-văn-Vĩnh tiên sinh.*
- PHAN-LẠC-TUYÊN *Những hoàng hôn tím (thơ).*
- CÔ-LIÊU *Chung quanh tô phở.*
- NGUY-TẦN-THƯƠNG *Vọng bốn phương (thơ).*
- YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN *Ánh trắng trong lòng đá.*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Thomas Alva Edison.*
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

X X X

HOÀNG-MINH-TUYNH
TRỰC-ĐỊNH
PHAN-KHOANG
NGUYỄN-VĂN-HÀM
NGUYỄN-THIỆN-LÂU

TRẦN-HÀ

THÁI-VĂN-KIỀM

TỪ-QUYÊN ĐẶNG-V.-NHÂM :

NGUYỄN-NGU-Í

PHẠM-HOÀN-MĨ

VÕ-PHIẾN

VŨ-HẠNH

KIỀU-YIÊU

: *Nhìn qua tổ chức lãnh đạo tiền lệ của Đức.*

: *Chế độ dân chủ mác-xít (tiếp theo).*

: *Bão tố trên lục địa Trung-Hoa.*

: *Dư luận và Thanh nghị.*

: *Nếp sống Đông-Phương.*

: *Mấy sử liệu về sự khàn hoang đồng bằng Nam-Việt vào năm kỷ Dậu 1789.*

: *Những vấn đề cần được xét lại trong lịch sử Trung-quốc : Hoàng-đế xuất hiện từ lúc nào ?*

: *Người Mỹ đầu tiên tới Việt-Nam.*

: *Những di tích Lịch sử Việt-Nam qua các tài liệu chính xác.*

Huỳnh-thúc-Kháng, một ông già đáng thương.

: *Triều-Sơn, một người trai dám sống.*

: *18 vị vua dựng nước ta là Lạc-vương hay Hùng-vương ?*

: *Đông Tây hai ngả.*

: *Một chuyến xe.*

: *Những truyện liêu trai chưa từng dịch.*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Bưu phiếu xin đề cho : Ô. Huỳnh-văn-Lang

Hộp thư 339 — SAIGON

MỘT BÀI HỌC CHO VIỆT - NAM

HUỲNH-VĂN-LANG

CHIẾN tranh thứ hai từ 1939 đến 1943, kể đến sự chiếm đóng của đồng minh làm bốn khu Anh, Mỹ, Pháp, Nga từ 1943 đến 1948, tất cả gần mười năm đã đưa kinh tế nước Đức đi đến chỗ tàn bại mà ai ai ngày nay nhớ lại cũng không bao giờ nghĩ nước Đức có thể chỗi dậy được. Thế mà mười năm sau, từ 1948 đến 1958, trong một thời gian kỷ lục, kinh tế nước Đức đã phục hưng một cách mạnh mẽ làm cho thế giới phải ngạc nhiên. Ở đây tôi muốn nói là kinh tế Tây Đức, còn miền Đông Đức thì bị chế độ Cộng Sản chi phối, bắt kinh tế Đông Đức phải gia nhập hẳn vào hệ thống kinh tế Cộng sản, cho nên bài này không đề cập tới.

Ngày nay kinh tế Tây Đức từ hàng chót đã lên hàng đầu ở Âu Châu, một điều rõ ràng không cần phải chứng minh làm chi nữa. Bài này chỉ có chút tham vọng muốn tìm xem vì đâu, nhờ những yếu tố gì mà Tây Đức phục hưng kinh tế vừa nhanh vừa mạnh đến thế?

Có dịp đem gương xir người ra đề cập để tìm một bài học thì thường gặp những câu đối thoại hoặc vô ý thức hoặc hàm xúc một tinh thần lười biếng. Khi nói đến sự phục hưng vừa nhanh vừa mạnh của Tây Đức thì có người thường bảo rằng miền Tây Đức họ đã sẵn có căn bản nhất là về kỹ thuật hay tài chánh, nhưng ta quên rằng Tây Đức đã bị tàn phá hết sức nặng nề, và đã bị Mỹ, Anh, Pháp, Nga chiếm đóng mỗi nước một khu với một luật lệ riêng biệt, đến cả tiền tệ cũng riêng biệt, nghĩa là người ta thường quên đi những cái

khó khăn to lớn mà nước Đức phải đương đầu. Còn có người không muốn tìm hiểu sự phục hưng của nước Đức xa hơn nữa, mà cũng bảo rằng vì nước Đức đã sẵn người đã sẵn kỹ thuật... để che đậy sự lười biếng của mình mà quên đi cái gương siêng năng, cố gắng của kẻ khác.

Nước Đức bị giặc giã, tuy trong một thời gian ngắn hơn Việt-Nam, nhưng sự tàn phá tương đối không gì thua kém cả mà có khi còn hơn nữa. Nước Việt-Nam trước kia có những cơ sở kinh tế thuộc địa, đang khi đó thì nước Đức có một kinh tế chiến tranh do Phát-xít điều khiển. Nước Đức có một dân số quá đông, so sánh với tài nguyên đất đai, hơn cả nước Việt-Nam nhiều. Đến khi hết chiến tranh, Việt-Nam bị chia cắt làm đôi và miền Nam phải giải quyết vấn đề di cư, định cư cho gần một triệu đồng bào. Đang khi đó, nước Đức chẳng những bị chia đôi mà đầu tiên còn bị chia tư và Tây Đức lại phải giải quyết vấn đề di cư, định cư cho những 14 triệu đồng bào của họ. Trái lại đã đành Tây Đức có rất nhiều yếu tố tiện lợi hơn Việt-Nam, nhưng nước Việt-Nam cũng được những yếu tố tiện lợi mà nước Đức không có và, đã hẳn là hai nước cũng có nhiều điều dị đồng, nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng hai nước cũng có nhiều chỗ trở ngại giống nhau, hay có khác chẳng là chỉ khác về bề rộng, bề lớn thôi.

Nước Việt-Nam mới độc lập, hết chiến tranh chỉ gần bốn năm nay, còn nước Đức được thống nhất ba miền Tây Đức và bớt bị Mỹ, Anh, Pháp kèm hãm đã từ mười năm rồi. Trong 6 năm nữa, Việt-Nam ta sẽ có một nền kinh tế phục hưng, không phải giống hệt như nước Đức, nhưng được tương đối mạnh mẽ và tốt đẹp như nước Đức hay không, đó còn là một câu hỏi. Muốn trả lời thì chúng ta phải nhìn về bốn năm qua và sáu năm sắp tới, nhưng đó lại là một chuyện khác. Ở đây chúng ta hãy chỉ trông gương xir người để họa may rút được một ít bài học cụ thể và ích lợi, còn muốn so sánh kết quả thì phải sáu năm sau ta mới rõ. Nhưng ngày mai không thể có được nếu không có một ngày nay và không thể có ngày mai tươi sáng được nếu ngày nay không dự bị đầy đủ và hiệu nghiệm. Mặt trời hôm nay mọc lên cũng tươi đẹp, cũng sáng tỏ như hôm qua, nhưng kinh tế ngày mai không thể hùng mạnh được nếu ngày nay ta không dự bị cho khéo và cho đúng.

Trong khi khảo sát sự phục hưng của Tây Đức thì ai ai cũng công nhận những yếu tố sau đây là căn bản cho sự chỗi dậy nhanh chóng và sức mạnh mẽ của nước Đức. Trước tiên là yếu tố kỹ thuật

sẵn có của Đức, người thợ Đức rất giỏi, kỹ thuật Đức rất vững, khoa học Đức rất tiến. Đó là một yếu tố căn bản nhưng không phải yếu tố duy nhất. Vì có người, có kỹ thuật mà không có tài chánh thì làm gì được. Cho nên sau chiến tranh, nước Đức, người Đức nghèo, nhưng Chánh phủ của họ biết xử dụng đồng tiền, nhất là có một chánh sách tín dụng hết sức hiệu nghiệm, Chánh phủ biết tập trung tiết kiệm. Đồng tiền của quốc gia ít ỏi, nhưng không bị lạm dụng vô ích và nhất là không bị bỏ không. Trừ ra những yếu tố tiền tệ kinh tế, mọi người đều công nhận còn hai yếu tố về tinh thần mà có lẽ là hai yếu tố chủ động và hiệu nghiệm nhất trong công cuộc chấn hưng nước Đức ngày nay. Tác giả bài này không cần phải dài dòng về những yếu tố kinh tế, tài chính, kỹ thuật, mà ai ai có hiểu chút kinh tế học cũng nhận ra vai trò của nó ngay, mà cũng không cần thêm bớt sự quan trọng của nó.



Riêng cho Việt-Nam, có lẽ chúng ta nên lưu ý nhất là hai yếu tố tinh thần mà tôi muốn đặc biệt bàn ra đây :

Trước tiên là tinh thần kinh doanh và đầu tư của người Đức. Sau chiến tranh, mọi người Đức, từ nhà doanh nghiệp cho đến nông phu, thương gia, sinh viên... ai cũng có một ý niệm và một tham vọng, là đầu tư : người dân đã mất cái nhà vì nạn bom đạn, nên cố gắng hy sinh tiêu pha này nọ để xây cất cho kỳ được ; nhà doanh nghiệp bốn ba là một tham vọng : xây cất lại các xưởng máy, sự nghiệp đã tiêu tán, ít ra là như trước ; sinh viên có cảm tưởng bị trễ tràng học hỏi nên cố gắng đầu tư tinh thần, học hành chăm chú hơn. Tóm lại, trong cả nước Đức có một phong trào đầu tư mãnh liệt. Tức nhiên là đầu tư hàm xúc sự cố gắng, hy sinh tiêu pha hiện tại. Mọi người đều nghĩ đến ngày mai hơn là hiện tại.

Điều may mắn hơn nữa là chánh quyền am hiểu phong trào đầu tư này và chẳng những là hết sức khuyến khích mà còn nuôi dưỡng và giúp đỡ mọi cách, mọi thể. Nếu đem nghiên cứu chánh sách của Chính phủ Đức đối với tinh thần đầu tư của dân tộc Đức chần chẫn Việt-Nam ta sẽ tìm được một bài học vô cùng hiệu nghiệm.

Ở Việt - Nam ta, trái lại tinh thần đầu tư rất kém, đang khi phong trào tiêu thụ lại hết sức mãnh liệt. Sự đầu tư có khi bị bỏ qua, không được giúp đỡ đến nơi đến chốn, nếu không bị đè ép, chà đạp. Trái lại sự tiêu thụ còn có cơ được khuyến khích là khác. Chúng ta thử xét lại tinh thần đầu tư ở Việt-Nam đã yếu, mà có

được khuyến khích và nâng đỡ không? Khuyến khích thì chắc chắn là không thiếu: từ diễn văn của Tổng-Thống ở Đồng-Cam, đến những thông tư về đầu tư mới gần đây. Từ lời nói đến việc làm đã đành không phải là một việc dễ. Nhưng một chánh sách nâng đỡ đầu tư trong nước hầu như là không có hay là đã có mà không được theo dõi cho đến nơi đến chốn. Chúng ta tự hỏi: tại sao có nạn doanh nghiệp vừa mở cửa lại phải đóng cửa, tại sao những doanh nghiệp mọc lên không đủ để thay thế những doanh nghiệp đã chết hay sắp chết? Phải rồi: các nhà doanh nghiệp Việt-Nam còn kém cỏi về kỹ thuật, tài chánh có khi cả phong hóa là khác. Nhưng kiểm điểm lại ta làm gì để nâng đỡ họ, giúp đỡ họ đến nơi đến chốn giống như khi ta chung đậu hùn hạp với ngoại kiều? Phải rồi: ngoại kiều tài chánh dồi dào hơn, kỹ thuật giỏi hơn có khi lương thiện hơn. Nhưng không lẽ Chánh phủ chỉ muốn đi đôi với tư bản ngoại quốc và bỏ rơi người Việt. Đối với người Việt có khi ta chỉ biết kiểm soát hơn là lo giúp đỡ họ. Hơn nữa có người dám bảo rằng: nhà doanh nghiệp V. N. nào càng rần hưởng ứng lời kêu gọi đầu tư kinh doanh và nhất là càng lương thiện thì càng mau phá sản và lấy quây chỉ có ngoại kiều là có cơ hoạt động được. Nếu lời ta thán này là sự thật thì kinh tế độc lập chỉ là một danh từ.

Trái lại sự tiêu pha được triệt để khuyến khích. Đã đành muốn có tiền đối chiếu phải tận dụng ngoại viện, mà ngoại viện không thể dùng để nhập cảng dụng cụ nhiều được vì người tiêu thụ chỉ muốn tiêu thụ còn các nhà doanh nghiệp thì không có mấy. Nghĩa là Chánh phủ vì cần tiền Việt-Nam phải lo dùng hết ngoại viện, mà muốn dùng hết ngoại viện thì phải nuông chiều tâm tánh của quần chúng nếu không phải là khuyến khích.

Và đó là một việc bất đắc dĩ phải làm chớ chánh quyền không phải là không ý thức sự tai hại ấy. Nhưng tại sao chúng ta không đặt lại vấn đề: Chánh quyền phải lãnh đạo quần chúng hơn là nuông chiều một xu hướng không hay của quần chúng. Nếu đặt vấn đề như vậy thì sẽ tìm ra được phương tiện và kế hoạch để lãnh đạo. Vì cần tiền, Việt-Nam phải tận dụng viện trợ, mà nếu không làm gì để khuyến khích kinh doanh đầu tư thì xu hướng tiêu thụ sẽ chỉ phối cả chánh sách dùng ngoại viện của chánh quyền. Chỉ bằng muốn tận dụng ngoại viện mà tận dụng để trang bị hơn là để khuyến khích tiêu thụ, thì phải khuyến khích đầu tư, nâng đỡ kinh doanh, để cho xu hướng kinh doanh hay tinh thần đầu tư được chia xẻ ngoại viện một cách hợp lý và hữu ích cho tương lai kinh tế nước nhà. Một

tỷ dụ có lẽ sẽ dễ hiểu hơn; nếu trong tình trạng A với tinh thần đầu tư kém cỏi của người mình, chỉ cho phép ta xử dụng 5% ngoại viện để trang bị trong khi ta phải xử dụng 95% ngoại viện để nuông chiều xu hướng tiêu thụ hằng ngày của dân tộc. Trong tình trạng B, nếu chánh quyền có một chánh sách nâng đỡ đầu tư, khuyến khích tinh thần doanh nghiệp mạnh mẽ, thì chắc chắn viện trợ cũng sẽ được tận dụng 100%, mà phân xuất để trang bị có khi sẽ lên từ 5% đến 10%, 15% hay 25%. Ở đây không bàn về chánh sách nâng đỡ phải thế nào để gia tăng phân xuất trang bị ấy. Đó là một vấn đề tin dụng và là một vấn đề khác, mà tác giả bài này tin tưởng rằng nếu ta chịu ngồi lại bỏ qua tất cả những chi tiết hằng ngày, cũng có thể tìm ra được một chánh sách và một kế hoạch, để áp dụng một cách vừa hiệu nghiệm vừa hữu ích lâu dài.

Yếu tố tinh thần thứ hai mà chúng tôi muốn nêu ra đây không có ần ý gì hết, song là để chúng ta cùng suy nghĩ. Đó là tinh thần hy sinh, hiểu biết của chủ nhân với nhân công và nhân công đối với chủ nhân. Hiện giờ ở xã hội Việt-Nam ta, thực ra chưa có một giai cấp tư bản. Nếu có chăng nữa thì giai cấp ấy cũng chỉ gồm hầu hết là người ngoại quốc. Người Việt-Nam có giàu lắm cũng chỉ được năm, mười triệu bạc là cùng, mà số người ấy có thể đếm ở đầu ngón tay được, cho nên ta có thể yên trí là giai cấp tư bản Việt-Nam chưa có, hay có chăng là một số ít người khá giả, tượng trưng một số tiền tiết kiệm hết sức ít ỏi không biết bao giờ mới có sức trưởng thành để mở mang những kỹ nghệ to tát được. Hơn nữa số người ấy chưa hợp nhứt được với nhau để có một lực lượng gì đáng quan tâm cho chánh quyền hay cho nhân công. Trái lại bên thợ thuyền sự đoàn kết có vẻ mạnh mẽ và quy củ hơn để thành một lực lượng hùng hậu. Cái lực lượng thợ thuyền không phải là một yếu tố tai hại cho kinh tế, trái lại sự có mặt của lực lượng ấy là một việc đáng mừng cho xã hội Việt-Nam, vì đó là một yếu tố dung hòa xã hội, nhứt là khi tư bản ngoại quốc nắm gần hết các ngành hoạt động kinh tế chánh. Cái đáng ngại là sự xử dụng lực lượng ấy. Nếu xử dụng đứng đắn và tùy theo thời vận kinh tế thích hợp, thì là một cái lợi. Trái lại nếu xử dụng lực lượng ấy một cách độc đoán, bất chấp những điều kiện và thời vận kinh tế, thì lực lượng ấy sẽ thành một trở ngại hết sức quan trọng cho sự phát triển hay chấn hưng kinh tế Việt-Nam. Cộng-sản am hiểu vấn đề này lắm, cho nên Cộng-sản trong chế độ của họ, không bao giờ họ để cho lực lượng thợ thuyền được tự do, trái lại họ triệt để chi phối lực lượng thợ thuyền để làm một yếu tố thuận lợi cho sự thực hiện kế hoạch kinh tế của họ. Ở chế độ

MỘT BÀI HỌC CHO VIỆT-NAM

dân chủ, thì không lẽ vì kinh tế mà giết chết lực lượng ấy, nhưng không lẽ vì lực lượng ấy mà đánh bỏ qua sự phục hưng kinh tế hay không nghĩ đến kế hoạch kinh tế. Cho nên chỉ có một cách là phải dung hòa giữa mục đích kinh tế và mục đích xã hội. Chỉ như thế mới có lợi chung thôi và đó là một bài học của lực lượng thợ thuyền và chủ nhân ở Đức. Họ có ý thức rõ ràng về trách nhiệm của đôi bên trước lịch sử nước nhà và trước sự phục hưng kinh tế, cho nên họ vẫn nhường nhịn nhau, lấy lẽ phải và công bình làm tiêu chuẩn, nhưng không bao giờ quên sự chấn hưng kinh tế nước Đức làm mục đích chung cho đôi bên. Đã đánh các nghiệp đoàn nước Đức không quên mục đích trực tiếp của họ, là tranh đấu cho đời sống, cho chế độ lương bổng của họ, họ vẫn biểu tình, đình công như thợ thuyền ở Pháp hay ở Bỉ. Nhưng vì ích lợi chung, vì ngày mai của nước Đức mà họ bao giờ cũng tránh những sự đòi hỏi quá đáng có thể làm yếu kinh tế nước nhà, tránh những sự biểu tình đình công làm mất quá nhiều thì giờ có thể đầy sự sản xuất đến chỗ suy sụp, hay giảm bớt thái quá. Đó là cái chỗ sáng suốt, ý thức, yêu nước... phân biệt nghiệp đoàn của Tây Đức và các nước lân cận ở Âu Châu. Lẽ tất nhiên là không thể so sánh họ với các nước trong chế độ Cộng-sản được, vì trong các nước ấy vẫn đề đòi hỏi, biểu tình đình công không còn lờn tại nữa, vì người thợ bị quốc gia chi phối hẳn mà quốc gia thì đã có Đảng, có cảnh sát mạnh mẽ vô cùng.

Ở nước Việt-Nam ta ngày nào mà giữa chủ nhân Việt-Nam và thợ thuyền biết nhường nhịn và dung hòa quyền lợi của nhau, thì chắc chắn Việt-Nam ta có một yếu tố thuận lợi để tiến nhanh. Trái lại, nếu chủ nhân chỉ biết bóc lột thợ thuyền để làm lợi cho họ, nếu thợ thuyền chỉ nghĩ đến việc đòi hỏi mà quên mục đích chấn hưng đất nước thì chắc chắn sự chấn hưng kinh tế bị một trở ngại rất nặng nề, bởi vì sự đòi hỏi quá đáng của thợ thuyền là một sự xa xỉ, mà một kinh tế đã kỹ nghệ hóa như Pháp, như Mỹ mới có thể tự cho phép được, cũng như sự bóc lột tàn nhẫn của chủ nhân là một vết thương của những xã hội lạc hậu như xã hội thuộc địa trước kia, hay của những xã hội tư bản gần sụp đổ.

Ngày nào tư bản Việt-Nam thành hình và nhất là có một chánh phủ tư bản phụ vào, thì lực lượng thợ thuyền nên e ngại cho mình, chớ hiện nay thì sự thắng bằng xã hội cũng không có, vì chỉ có lực lượng một đảng thợ thuyền thôi và bên tư bản Việt-Nam chưa có, chỉ có tư bản ngoại quốc thôi mà tôi không muốn lưu ý đến ở đây. Một điều đáng e ngại là khi tranh đấu với chủ nhân Việt-Nam, lực

lượng thợ thuyền cũng có một thái độ đòi hỏi như đối với tư bản ngoại quốc. Như thế thì lực lượng thợ thuyền thành ra trở ngại cho tinh thần kinh doanh của Việt-Nam đã nói trên. Mà nếu tư bản Việt-Nam không có được và không trưởng thành thì ai tranh đấu với tư bản ngoại quốc. Chánh phủ ư? Nếu không ai tranh đấu với tư bản ngoại quốc thì hoặc là lực lượng thợ thuyền một mình tranh đấu mà có chánh quyền giữ vai trò trọng tài. Khi đó thì chánh quyền hoặc giữ vai trò trọng tài suông để giữ thăng bằng giữa hai lực lượng cùng lớn lên theo đà tiến triển kinh tế Việt-Nam. Nhưng Chánh phủ cũng có thể có một vai trò thân bên này hay thân bên kia. Khi đó thì sự thăng bằng xã hội sẽ mất hẳn mà có khi chính kinh tế nước nhà sẽ bị thiệt, và thiệt lây đến cả lực lượng thợ thuyền là khác. Ở đây tôi tự ý không đi sâu vào vấn đề này về phương diện xã hội, nhưng chỉ nêu ra một giả thuyết: nếu tinh thần kinh doanh của Việt-Nam bị lực lượng thợ thuyền làm trở ngại thì sự chấn hưng kinh tế bị chậm đi, nếu không chậm đi thì sự phục hưng kinh tế chỉ có lợi cho tư bản ngoại quốc, trừ ra khi chánh quyền theo dõi một chánh sách xã hội hóa kinh tế.

Phần khác, nếu bên lực lượng thợ thuyền khi tranh đấu biết phân biệt tư bản ngoại quốc và chủ nhân Việt-Nam, mà chủ nhân Việt-Nam không có ý thức xã hội và quốc gia thì kinh tế V. N. cũng sẽ bị thiệt. Nếu chủ nhân Việt-Nam hợp tác với tư bản ngoại quốc đứng hẳn về bên tư bản ngoại quốc quên tinh thần quốc gia và chỉ biết bóc lột thợ thuyền, quên tinh thần xã hội, thì chầy kíp sự tranh đấu giữa thợ thuyền và tư bản sẽ ác liệt hơn, và hại chung cho kinh tế nước nhà.



Những vấn đề đưa ra trên đây sẽ đặt rất nhiều câu hỏi cho chánh quyền trong khi áp dụng một chánh sách đầu tư. Nếu hợp tác với tư bản ngoại quốc mà không nâng đỡ tư bản Việt-Nam là làm một việc bất công và nghịch quyền lợi quốc gia. Nếu diệt tư bản bất chấp là ngoại quốc hay bản xứ là đi đến chế độ xã hội.

Trả lời đầy đủ các câu hỏi ấy là một việc khó. Nhưng không ai cấm ta có một chánh sách duy nhất rõ ràng, tập trung các lực lượng để mưu đồ một cuộc chấn hưng kinh tế vừa nhanh vừa mạnh.

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC - XÍT

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

TRONG bài luận về Chế độ Dân chủ (Bách-khoa số 7, trang 6-8, in fine) chúng tôi đã nói lý do tại sao chúng tôi dùng danh từ dân chủ mác-xít để chỉ chế độ chính trị và xã hội khác biệt sâu xa với chế độ cò điển, loại chế độ cũng tự nhận mình là dân chủ và chỉ cho mình mới thật là dân chủ mà thôi. Chúng tôi cũng đã nói, thật ra, chúng tôi chưa thỏa mãn với một danh từ chưa lột được hết ý, và chúng tôi cũng đã biện minh rằng, tư tưởng mác-xít tuy đã đóng một vai trò trọng yếu trong việc kết tinh và công thức hóa chủ thuyết của các chế độ « không phải cò điển » hiện nay, song tư tưởng ấy thật ra, chính nó, đã bắt nguồn từ những quan niệm của Rút-xô và Rút-xô mới thật là người khai sinh ra chủ nghĩa dân chủ mà chúng tôi xin gọi ngay từ bây giờ là chủ nghĩa dân chủ chuyên chế.

NGUỒN GỐC LÝ TƯỞNG DÂN CHỦ MÁC-XÍT

Từ Rút-xô đến Mác

1. — Rút-xô và chế độ dân chủ tuyệt đối hay dân chủ chuyên chế.

Khi bàn về chủ thuyết Rút-xô, chúng tôi đã nói tư tưởng của ông rất phức tạp và là nguồn gốc của cả trào lưu dân chủ cá nhân và tự do lẫn trào lưu hướng về dân chủ tuyệt đối hay « dân chủ chuyên chế ». Chúng tôi xin trình bày dưới đây cạnh khía thứ hai này.

Nói đến « dân chủ chuyên chế », chúng tôi không khỏi làm cho một số bạn đọc ngạc nhiên, vì có nhiều người cho rằng đã gọi là « dân chủ », sao lại có thể « chuyên chế » được ? Để đáp lại chúng tôi xin mượn lời của Duguit : « Không nên tưởng rằng mọi thuyết dân chủ đều tự do hết.

Điều làm lộn này hiện nay rất phổ thông và cần phải chấm dứt. Chúng tôi gọi là « dân chủ », tất cả những thuyết nào chủ trương nguồn gốc chính quyền là do ý muốn chung của xã hội đã tự ý muốn đặt mình dưới chính quyền ấy, và cho rằng chính quyền sở dĩ chính đáng là do đã xuất phát tự ý muốn chung ấy và lập thành nên cũng bởi ý muốn chung ấy. — Thì chủ trương của các nhà tư tưởng như Hô-bơ (Hobbes) và Rút-xô, đều đi đến chỗ chủ trương « công quyền phải được quyền uy tuyệt đối, và cá nhân phải hoàn toàn lệ thuộc công quyền ».

A. — Cá nhân phải di nhượng quyền mình cho toàn thể.

Ta đã biết Rút-xô chủ trương cá nhân có hai quyền nguyên thủy là : quyền được tự do và quyền được bình đẳng, song, do khế ước xã hội, cá nhân di nhượng mọi quyền nguyên thủy của mình cho đoàn thể xã hội, hầu cho đoàn thể xã hội nắm trọn chủ quyền và chủ quyền trở thành chủ quyền của toàn thể xã hội. Đối với Rút-xô, có được như vậy, nghĩa là cá nhân có chịu hy sinh di nhượng quyền nguyên thủy căn bản như thế, thì sự bình đẳng của mọi người trong xã hội mới có cơ thực hiện được (1).

Do đấy pháp luật có một uy quyền tuyệt đối, uy quyền này không những không phương hại đến tự do của ai, mà còn bảo đảm tự do cho hết mọi người. Bởi vậy, uy quyền của nhà nước có thể, và cần phải là uy quyền tuyệt đối vô hạn.

Cũng như chế độ quân chủ chuyên chế khác với chế độ quân chủ lập hiến, ta có

thể nói chế độ dân chủ, theo khía cạnh trong tư tưởng của Rút-xô, không có tính chất lập hiến, mà có tính chất chuyên chế rõ rệt. Bởi quyền nằm trong tay quốc dân nên gọi là chế độ dân chủ ; bởi quyền ấy không có giới hạn nào, nên gọi là chế độ chuyên chế.

B. — Lý tưởng của chế độ dân chủ trực tiếp.

Ai cũng biết Rút-xô tha thiết với lý tưởng thành lập chế độ dân chủ trực tiếp (nhân dân nắm giữ chính quyền và điều khiển mọi việc). Rút-xô không tin chế độ ấy có thể thực hiện được trong tất cả mọi nước. Song Rút-xô cho rằng càng tiến gần đến chế độ ấy bao nhiêu càng hay bấy nhiêu ; nên ta có thể coi mọi định chế thiết lập sau này trong những chế độ dân chủ cò đi dần hầu hết đều đi ngược lại với lý tưởng của ông. Ta chỉ coi mấy điểm nêu ra sau đây thì đủ rõ :

1) Đối với Rút-xô chủ quyền trong một nước là của nhân dân chứ không phải là của quốc dân trừu tượng. Như

(1) Rút-xô chủ trương : « Mỗi thành phần trong xã hội phải di nhượng hết mọi quyền của mình cho đoàn thể », tuy nhiên di nhượng như vậy không có nghĩa là mỗi phần tử sẽ mất tự do và bình đẳng nguyên thủy ; chính vì di nhượng hoàn toàn như trên mà mỗi phần tử giữ trọn được tự do và bình đẳng của mình. Tại sao thế ? Tại khi mỗi phần tử di nhượng hoàn toàn thì tự nhiên phần di nhượng của mỗi phần tử đều bằng nhau, và bình đẳng tự nhiên sẽ thực hiện và duy trì được. Tự do cũng vậy, vì khi các phần tử đều bình đẳng thì không phần tử nào còn nghĩ đến chuyện áp bức kẻ khác ; áp bức kẻ khác là tự áp bức mình : « Khi mọi người đều đã bình đẳng cả thì không ai còn có lợi gì mà áp bức ai nữa ». (Xem Bách Khoa số 10 « Rút-xô với bộ « Dân ước luận » tr. 9-11).

chúng tôi đã trình bày trước đây, quan niệm chủ quyền này khác xa với quan niệm chủ quyền trong chế độ dân chủ cổ điển, nhất là về điểm đòi cho mỗi cá nhân được đích thân nắm giữ một phần chủ quyền và cho rằng chủ quyền có một ý chí đặc biệt, gọi là ý chí chung, ý chí của toàn thể, tất cả mọi người, trừ những con trẻ, đều được tham dự vào việc lập thành ý chí chung đó. Đi từ quan niệm trên, Rút-xô không chấp nhận bất cứ một thể thức nào có tính cách trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, hạn chế quyền của nhân dân được biểu thị ý chí và hành sử phần chủ quyền của mình, việc thường đã xảy ra trong các chế độ dân chủ cổ điển.

2) Bởi chủ quyền của nhân dân không thể di nhượng (Xem Bách Khoa số 11, « Rút-xô với Bộ Dân ước luận » tr. 8 — a/), nên chế độ đại nghị là một chuyện không thể nào quan niệm được. Ý chí chung là một cái gì không thể để cho ai đại diện. Có thể có những người thừa ủy, nghĩa là chịu quyền nhân dân ủy nhiệm cho, chứ không thể có những người đại diện cho nhân dân hành sử chủ quyền thể nhân dân.

3) Chủ quyền và ý chí chung *không thể phân chia*, nên không thể có vấn đề phân quyền. Trên thực tế, cần phải có một số người quản trị, chuyên lo việc hành pháp, song đó chỉ là *phân công*, chứ không phải *phân quyền*. Nói đến phân quyền, có nghĩa là đặt quyền hành pháp ngang với quyền lập pháp, Rút-xô chủ trương quyền hành pháp, chỉ là quyền thừa ủy, lệ thuộc quyền lập pháp là khí dụng của quyền này, còn chính nó không thể là một quyền tự trị. Cũng vì lẽ chủ

quyền không thể phân chia mà Rút-xô không thể thừa nhận chế độ *lưỡng viện*, trong đó chủ quyền do hai viện nắm giữ.

4) Chỉ nguyên ba điểm trên đủ minh chứng cho ta thấy rõ quan niệm dân chủ của Rút-xô trái ngược hẳn với quan niệm dân chủ cổ điển và tóm cùng là quan niệm chủ trương chế độ « *chuyên chế đa số* », để cho đa số được toàn quyền hành động, và thiểu số phải tuyệt đối phục tùng đa số. Đương nhiên là chủ trương trên đưa người ta đến chỗ tổ chức chính thể càng gần dân chủ trực tiếp (nhân dân trực tiếp nắm chính quyền) bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, như chính thể nghị viện (nghị viện nắm chính quyền), chế độ độc viện (cơ quan lập pháp chỉ gồm có một viện duy nhất).

C.— *Ý niệm xã hội chủ nghĩa trong chủ thuyết của Rút-xô.*

Rút-xô, với đường lối tư tưởng cá nhân chủ nghĩa và tự do trong phạm vi kinh tế, có chủ trương quyền tư hữu chăng ? hay ông chính là người cộng-sản đầu tiên ?

Người bảo ông là cộng sản thì căn cứ vào lòng căm phẫn của ông trước cảnh đồ thán khổ nhục của kẻ nghèo và những danh ngôn của ông còn để lại khi ông mạt sát tính chất độc tài của quyền tư hữu và khi ông đòi mọi người phải làm việc mới được miếng ăn. Còn người bảo ông không phải cộng-sản thì căn cứ vào những danh ngôn khác của ông khi ông ca tụng quyền tư hữu và muốn phân chia cho đồng đều, chứ không muốn phế bỏ tất cả; nhất là họ căn cứ vào lẽ những « điều kiện khách quan »

(nói theo luận điệu mác-xít) thời Rút-xô không « cho phép » ông có ý thức rõ rệt về các mâu thuẫn xảy ra trong một chế độ tư bản còn phôi thai.

Thật ra, nếu muốn gọi Rút-xô là thủy tổ chủ nghĩa xã hội nhất là chủ nghĩa xã hội mác-xít, thì cần phải dựa vào một điểm khác sâu xa hơn: đó là quan niệm của ông về hai chữ *bình đẳng*, hai chữ cốt thiết, then chốt trong chủ thuyết của ông.

D.— Vấn đề bình đẳng trong chủ thuyết của Rút-xô.

Trong tác phẩm của Rút-xô, vấn đề « *bình đẳng* » được đặt trên một vị trí hết sức lớn lao và quan trọng; nó là cội rễ chủ thuyết của ông, mà lại đóng vai trò thuyết minh cho chủ thuyết của ông nữa.

1) Trước hết, Rút-xô chủ trương xã hội sẽ dĩ lập thành là do người ta thỏa thuận kết thúc với nhau một khế ước, gọi là khế ước xã hội. Linh hồn của khế ước xã hội đó là « *bình đẳng* » và không thể có mâu thuẫn nào giữ quyền uy vạn năng của đoàn thể xã hội và quyền lợi của con người. Trong xã hội của những người bình đẳng, ai áp bức kẻ khác, chính là tự áp bức mình, bởi lẽ trước luật pháp mọi người đều bình đẳng. Không nên e ngại đa số áp chế thiểu số: đa số làm vậy là đa số tự áp chế mình vì đa số cũng chịu một thể thức đối đãi như thiểu số mà thôi. Một xã hội gồm toàn những người bình đẳng với nhau không thể nào là một xã hội áp chế: tất cả then chốt tác phẩm của Rút-xô là ở chỗ đó. Không phải tổ

chức pháp lý dung hòa quyền của cá nhân hay hệ thống chính trị quân bình nào bảo đảm được tự do cho dân chúng. Trong một xã hội bình đẳng thật sự, quyền của mọi người ngang nhau, tự do tự nhiên sẽ thực hiện.

2.— Do đấy, ta có thể hiểu rõ ý tưởng của Rút-xô khi ông nói ý chí chung của toàn thể xã hội có thể không chế thiểu số, bắt buộc thiểu số tuân theo mình, mà thiểu số không thể bảo mình bị áp chế. Thật ra, thiểu số khi phục tùng ý chí chung chỉ là tuân theo ý chí của chính mình mà thôi. Muốn cho rõ ràng hơn nữa ta có thể nói ý tưởng của Rút-xô như thế này: Trong một xã hội gồm toàn những người bình đẳng với nhau thì quyền lợi đều là quyền lợi chung. Đa số và thiểu số gồm những cá nhân có ý kiến khác nhau, song ý chí thật thì không khác nhau. Việc người này ở phe đa số, người kia ở phe thiểu số, chỉ là việc ngẫu nhiên, tình cờ, không quan trọng. Giữa phe này và phe kia không có chướng ngại thật sự. Đa số không thể có ý hướng áp bức thiểu số vì thiểu số cũng gồm những cá nhân, về bản thể, không khác gì với những phần tử của đa số. Thiểu số có thể nhận ra ý chí của đa số là ý chí của chính mình, vì sự khác nhau về ý kiến không phải do tự những nguồn gốc sâu xa nào: ý kiến tuy có khác nhau, song bản thể của những người có ý kiến khác nhau chỉ là một.

3.— Những ý tưởng trên của Rút-xô đưa ông tới chỗ chủ trương một lý tưởng trái ngược hẳn với mọi lý tưởng dân chủ về căn bản. Lý tưởng dân chủ

đặt nền tảng trên hai chữ tự do. Song tự do có hai mặt. Trên bình diện cá nhân, tự do có nghĩa là *mỗi người* chỉ tuân theo mình. Trên bình diện tập thể, tự do có nghĩa là *nhân dân* chỉ tuân theo mình. Cá nhân, thiểu số đối lập với nhân dân, đa số; tự do của cá nhân đối lập với quyền uy vạn năng của đa số. Rút-xô, trái lại, lại nghĩ khác. Đối với Rút-xô, ý chí chung, trong một xã hội bình đẳng, là ý chí của toàn thể, những sự bất đồng ý kiến của từng cá nhân chỉ là những sự ngẫu nhiên, tình cờ, không mấy quan trọng. Quyết định của từng cá nhân, rút cuộc, sẽ phù hợp với quyết định của đoàn thể.

4.— Tư tưởng sâu xa của Rút-xô, hiểu theo như vậy, thì thấy rất gần với tư tưởng của Mác. Mác chủ trương một khi giai cấp không còn thì sự tranh chấp giữa tự do của cá nhân và tự do của đoàn thể cũng sẽ biến đi. Và người Cộng-sản ngày nay cắt nghĩa sở dĩ tại Liên-xô không còn có đối lập và mọi người đều nhất trí cũng là do bởi xã hội của họ không còn có giai cấp nữa.

Điều ấy đúng chẳng, đó không phải là vấn đề chúng tôi muốn bàn ở đây. Duy có điều tư tưởng của Rút-xô và tư tưởng của Mác giống y nhau ở điểm này: bình đẳng đảm bảo cho tự do; trong một xã hội bình đẳng, các tranh chấp xã hội không còn nữa; ý nghĩa dân chủ trên bình diện cá nhân phù hợp với ý nghĩa dân chủ trên bình diện xã hội; trong một xã hội mà tội lỗi đã được tẩy sạch, không

thề nào còn có đấu tranh và xung đột, trái lại, mọi người sẽ đồng tâm, nhất trí với nhau.

Chỗ khác nhau là hai người hiểu ý nghĩa « *bình đẳng* » khác nhau. Rút-xô sống trong thời đại mà sự bất bình đẳng « *chương mắt* » nhất là sự bất bình đẳng trước pháp luật, nên ông cho rằng làm sao thực hiện được sự bình đẳng trước pháp luật là lý tưởng và nguyện vọng của ông sẽ đạt được. Mác, trái lại, cho chủ yếu sự bất bình đẳng nằm trong sự cách biệt giữa tư bản và vô sản không phải chỉ nguyên về phương diện pháp lý, mà còn và nhất là, về phương diện *sinh hoạt xã hội*. Rút-xô chủ trương bãi bỏ giai cấp hiểu theo nghĩa thế kỷ XVIII bên Âu-châu (giáo đoàn, quý tộc và đệ tam giai cấp). Mác chủ trương bãi bỏ giai cấp hiểu theo nghĩa thế kỷ XIX phát sinh bởi mâu thuẫn trên nền tảng kinh tế bất bình đẳng.

Rút-xô và Mác cùng đi một đường, nên trước đây, khi Mác chưa lập thành lý thuyết một cách minh triết và có hệ thống, những người đi tìm một lý thuyết dân chủ xã hội thường truy cứu tư tưởng của Rút-xô và cố gán cho tư tưởng của ông một ý nghĩa cụ thể không có trong ý ông, và cho ông chủ trương sự bình đẳng về *điều kiện sinh hoạt xã hội*, trong khi thực sự ông chỉ chủ trương sự bình đẳng về phương diện *pháp luật* mà thôi.

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

BÁCH KHOA XXXII

<http://tieuun.hopto.org>

KỶ NIỆM NGÀY 1 THÁNG 5:

NGÀY LỄ QUỐC TẾ LAO ĐỘNG

NGÀY 1 tháng 5 năm nay, là ngày lễ quốc tế lao động thứ 69.

69 năm qua từ ngày Tổng thư ký Liên-hiệp nghiệp đoàn, ông Raymond Lavigne, trong phiên đại hội quốc tế lao động mở tại Paris, đề nghị lấy ngày 1 tháng 5 làm ngày biểu tình lao động quốc tế để:

đòi hỏi hạnh phúc cho lao động.



Rồi từ năm sau, năm 1890, ngày 1 tháng 5 trở nên một ngày lịch sử, một ngày lịch sử cho giới cần lao thế giới, mà cũng là một ngày lịch sử cho các dân tộc **cấp tiến** đã thực hiện ít hoặc nhiều những điều mà người ta gọi là : « **công bình xã hội** ».

Những đòi hỏi chánh đáng được đưa ra :

— làm việc vừa sức của con người : 8 giờ một ngày.

— nhận đạo đối với kẻ làm công vốn yếu đuối: đàn bà và con trẻ.

— ban đêm **đề** nghỉ ngơi, đề đoàn tụ với vợ, con, cha mẹ, vậy cấm làm việc ban đêm.

— người thợ, người làm ruộng không phải là cái cưa, con ngựa, vậy triệt đề bãi bỏ những cơ sở cho thuê thợ thuyền.

Và những ngày 1 tháng 5 đẫm máu làm nhà cầm quyền và giới chủ nhân ngất ngời.

Trước đó, tại Chicago (ở Mỹ, năm 1886): toàn thể lao động đình công, yêu sách ngày làm việc 8 giờ; hôm sau, lại biểu tình quanh nhà máy chế tạo nông cụ Mac Cormick, xung đột dữ dội giữa lính và thợ làm chấn động dư luận năm châu: 20 người thợ bị thương. 7 cảnh sát viên bị chết. Cuộc xung đột kéo dài đến ngày 4 tháng 5 mới chấm dứt; số người bị thương đến 60.

Sau đó, tại Fourmies (miền Bắc nước Pháp), lại xảy ra một cuộc đình công lưu huyết: 10 người chết, 30 người bị thương.

Sự đoàn kết của lớp người « đem mồ hôi đổi lấy miếng ăn » mỗi năm mỗi khảng khít, và được biểu lộ công khai mỗi ngày 1 tháng 5.

Cho nên giới chủ nhân đã tỏ ra giấc ngộ, không còn bóc lột nhân công như trước nữa, khẩu hiệu « **giai cấp đấu tranh** » đã phải nhường cho chủ trương « **lao tư hợp tác** ».

Kẻ có tiền góp vốn, người không tiền góp sức, chủ và thợ tự ràng buộc số phận mình với nhau. Không có tư bản của chủ, người lao động đành khoanh tay; không có công khó của kẻ cần lao, người chủ đành ngồi ngó.

Đòi hỏi phải chăng, nhân nhượng phải lúc, thấu hiểu tình cảnh nhau... đề cùng nhau hưởng lợi, phải chăng đó là châm ngôn của giới chủ nhân sáng suốt và của giới cần lao nhìn xa? Sáng suốt đề khỏi tự mình gây cảnh « **tức nước vỡ bờ** »; nhìn xa đề khỏi mơ « **Thiên đường giả tạo của giới công nhân** », nơi đó mình bị bắt buộc làm việc quá sức, bị bóc lột quá mức, mà chẳng thể mở miệng được, đề khỏi tự « **đào hố chôn mình** » mà chẳng biết.

Riêng về nước ta, những ngày 1 tháng 5 hội Pháp thuộc, là ngày mà các chí sĩ quốc gia cùng các lực lượng thợ thuyền, nông dân, trí thức khéo lợi dụng cơ hội để buộc Chính phủ thực dân phải nới xích xiềng và cải thiện đời sống người lao động, chân tay cũng như trí óc và tâm can.

Chế độ Cộng hòa thành lập, Chính phủ đã tỏ ra đặc biệt săn sóc quyền lợi và nhân phẩm của hạng người vốn là sức mạnh của dân tộc: sức của bắp thịt, sức của trí não, của tâm tư.

Nước ta là một nước nhỏ, yếu, chậm tiến, đã bị kiệt quệ suốt trăm năm; mười năm kháng chiến lại làm cho non nước xác xơ. Và hiện đang gặp lắm khó khăn, nhất là về ngành công, kỹ nghệ.

Kiến thiết lại xứ sở — nhất là về mặt kinh tế — là điều rất cần, rất gấp, mới mong hàn gắn bao vết thương sâu để cùng các nước năm châu góp sức chung tài đem lại sự giàu mạnh cho non sông — trong đó có mình — và một đời sống ấm, no cho cả mọi người chan hòa công bằng và thân ái.

Vị trí, hoàn cảnh, lịch sử nước ta có thể cho là đặc biệt. Lại thứ mà các nước Âu-Mỹ đầy đầy, thứ tư bản, nước ta xem lại có hay không? mà có thể được bao nhiêu có thể sánh với tư bản nước người.

Vậy thì người đem sức lực và trí óc, tâm can mình để đổi lấy miếng ăn ở nước ta, có nên nghe những thuyết xa lạ, không hợp với hoàn cảnh hiện tại nước mình cùng nếp sống tình cảm tự ngàn xưa của dân tộc mà sắp thành hàng ngũ riêng, mà tranh đấu quyết liệt, mà yêu sách đến cùng, mà khơi hố rẽ chia, mà đốt lửa căm hờn để cho kinh tế nước nhà suy sụp, rồi có thể do đó mà nước mất, nhà tan, thân phận mình như bèo giữa bể.

Vậy thì kẻ bỏ tiền của, bỏ đất đai để mà kinh dinh, có nên chỉ biết cái lợi trước mắt không thôi, cái lo đầy túi tham không đáy, có nên chỉ biết hạnh phúc của riêng mình để thẳng tay bóc lột người giúp việc, để chẳng nghe lời kêu ca của kẻ cộng sự, để chẳng đoán trước đặng thỏa mãn những nguyện vọng chánh đáng của những người chung sức, chung tài với mình ?

« Sóng gió một con thuyền chung chạ »

mà chủ ghe với bè bạn, tay lái với tay chèo hục hặc nhau, muốn hại nhau, thì tai nạn phải xảy ra : thuyền đã chẳng còn mà chủ, bạn, lái, chèo cũng còn đâu nữa :

Nhắm mắt mà bắt chước ai đâu hô hào :

« Giai cấp đấu tranh ? »

Mở mắt nhìn mình, nhìn nhà, nhìn nước, nhìn xung quanh, giờ đây, mà cùng hăng hái thực hiện :

« Lao, tư hợp tác ? »



Và Hạnh phúc con người, phải chăng chỉ gồm trong hai việc : ăn no, mặc đủ, với hạng người này, hay : « ăn dư, mặc giả », với hạng người kia ? Còn đất nước sẽ ra sao, con cháu sẽ thế nào, mặc kệ ?

Thiết tưởng giới làm công cùng giới làm chủ của nước Việt cộng hòa đã trả lời, đã chọn lựa.

Khu Bàn-cờ, một ngày của mùa Nóng 1958

TRẦN-HỒNG-HÙNG

CÔNG-TY BẢO-HIỂM QUỐC-GIA

PHẠM-DUY-LÂN

Kỹ nghệ bảo hiểm, là một ngành hoạt động kinh tế tối quan trọng, vừa có ảnh hưởng trực tiếp tới nền tài chánh Quốc-Gia, nhờ sự xử dụng các khối tiền dự trữ khổng lồ, vừa có ảnh hưởng tới đời sống xã hội, thương mại, nhờ sự thỏa mãn các nhu cầu an ninh của nhân dân, thương gia, trước các sự rủi ro, thiên tai, nên việc quốc hữu hóa các công ty Bảo hiểm không còn là một vấn đề đáng bàn cãi nữa.

Mỗi quốc gia có thể chọn một giải pháp thích hợp với hoàn cảnh kinh tế, chánh trị, tài chánh, hối đoái riêng biệt của mình. Bởi vậy, vấn đề được nêu ra là sự lựa chọn một giải pháp đặc biệt đối với hoàn cảnh nước Việt-Nam.

VÀI GIÒNG LỊCH SỬ

Các công ty Bảo hiểm ngoại quốc, tuy có mặt ở nước ta từ nửa thế kỷ nay, nhưng chỉ sau trận Thế giới đại chiến

lần đầu mới tích cực hoạt động. Trong giai đoạn đầu, các xí nghiệp lớn, các đồn điền cần bảo hiểm chống hỏa tai, nên các công ty khuếch trương ngành này trước nhất. Sau đó tới ngành Bảo hiểm vận tải, tai nạn xe cộ được khai thác. Trong nhiều năm, hoạt động bảo hiểm chỉ tập trung ở các nơi thành phố lớn, có nhiều người ngoại quốc cư trú. Đa số dân chúng, chịu ảnh hưởng của đạo Phật, đạo Không, đạo Lão, coi mệnh số ở đời đều do Định-mệnh quyết định, tất nhiên lơ là với sự bảo hiểm. Giả tí có bị mất trộm thì coi như « tiền của đi thay người », bị nạn mất cắp tất tránh được nạn đau ốm. Với một tâm trạng như thế, ngành bảo hiểm không thể hoạt động được và các công ty bảo hiểm, có khuynh hướng chỉ nhờ những xí nghiệp thương mại tại chỗ đứng làm đại lý. Bởi vậy, thiếu hẳn sự chuyên môn cần thiết để khai thác và khuếch trương thị trường.

Sau này, nhờ sự mở mang nền kinh tế, việc thông thương trở thành phần thịnh, xuất nhập cảng và hoạt động tài chánh gia tăng, nên các công ty Bảo hiểm tiến tới chỗ phải lập thêm nhiều các đại lý và giao cho các chuyên viên bảo hiểm chịu trách nhiệm. Một vài phân cục được thiết lập để hoạt động có hiệu quả hơn.

Cho tới năm 1953, trừ một vài Công Ty bảo hiểm hồ tương tầm hoạt động nhỏ bé, gần năm chục đại lý, phân cục đều thuộc các công ty ngoại quốc. 80% tiền đóng góp bảo hiểm do các công ty bảo hiểm Pháp Quốc thu hút.

Không những chúng ta không có một Công-Ty Bảo-hiêm quan trọng nào, vốn liếng của Việt-Nam, mà chúng ta cũng rất thiếu sót về phương diện chuyên viên.

MỘT GIẢI PHÁP DỄ DÀNG

Một cách giải quyết, tương đối dễ dàng hơn cả, là quốc hữu hóa các công ty Bảo hiểm.

Nhìn qua đạo luật quốc hữu hóa ban bố tại Pháp Quốc sau trận đại chiến thế giới lần thứ nhì, ngày 25 tháng 4 năm 1946, chúng ta thấy có 11 Liên hợp công ty được quốc hữu hóa, bao gồm 34 công ty, trong số 995 Công-Ty hoạt động trên đất Pháp, mà 475 có Pháp tịch và 480 ngoại tịch. Dự án luật, nêu ra những lý do sau đây :

1) Sự kiểm soát tuy đã chặt chẽ, nhưng không thể giữ mãi tính cách thụ động, như một cái thang, để kìm các công ty quản trị không đứng đắn, trái

lại, phải có tính cách tác động, để hợp lý hóa và tổ chức lại kỹ nghệ bảo hiểm.

2) Buộc các công ty phải hoạt động dưới hình thức hồ tương, cũng không bảo vệ quyền lợi người được bảo hiểm một cách hoàn hảo vì thực tế đã cho biết, các hội hồ tương lớn lao quá, cũng có nhiều khuyết điểm như các hội vô danh vậy.

— Dự án luật cố gắng đem lại cho Quốc gia, sự quản trị các xí nghiệp, tầm quan trọng có thể làm phương hại đến quyền lợi chung, nhưng vẫn để một khu vực hoạt động tự do cho các công ty ngoại quốc, các hội hồ tương, và các công ty cổ phần, hạng trung bình.

Theo đạo luật quốc hữu hóa, các công ty Pháp Quốc thu được trên một tỷ phạt lãng tiền đóng góp hàng năm, phải chuyển cổ phần cho Quốc gia, các sở hữu chủ được bồi thường bằng những phần hưởng lợi, có thể đem chuyển nhượng lại, và hàng năm được hưởng một phần lợi có bảo đảm tối thiểu.

Kinh nghiệm mười hai năm hoạt động cho biết các công ty quốc hữu hóa đạt được kết quả rất khả quan. Tuy nhiên chúng ta không thể áp dụng giải pháp trên đây tại Việt-Nam vì nhiều lý do :

1. — Các công ty bảo hiểm quan trọng đều của người ngoại quốc. Ngành bảo hiểm có tính chất hết sức quốc tế, càng phân chia sự rủi ro ra chừng nào, càng lợi cho người được bảo hiểm chừng nấy. Tỷ dụ cháy một cái nhà đáng giá 100 ngàn đồng. Nếu chỉ có một trăm người đóng góp, tất phải trả một ngàn đồng. Nếu có một trăm ngàn người

đóng góp chỉ còn phải trả có một đồng. Thực tế tuy không đơn giản như vậy, nhưng nguyên tắc vẫn là càng phân chia sự rủi ro trên hoàn cầu, càng có lợi cho nhân dân một quốc gia. Dầu tại các cường quốc, sự hiện diện của các công ty bảo hiểm ngoại quốc vẫn là điều cần thiết. Nước ta cũng cần phải cho phép các công ty ngoại quốc tồn tại, nhất là trong vai trò tái bảo hiểm của họ.

2.— Chính Phủ hiện nay đương thi hành chính sách kêu gọi vốn liếng ngoại quốc đem đầu tư trong nước. Việc quốc hữu hóa các xí nghiệp ngoại quốc, càng tránh được chừng nào càng hay chừng ấy.

3.— Trong trường hợp bất đắc dĩ, phải quốc hữu hóa các xí nghiệp bảo hiểm quan trọng, số ngoại tệ phải bồi thường rất lớn lao, và trong nhiều năm có ảnh hưởng tai hại đến sự thăng bằng của cán cân chi phó.

MỘT CƠ QUAN QUỐC GIA

Nếu không muốn quốc hữu hóa, Chánh Phủ có thể thành lập một Quỹ Bảo-hiêm quốc gia, dưới hình thức một cơ quan tự trị, có tính cách pháp nhân và do công chức điều khiển.

Nhưng thi hành giải pháp này cũng vướng phải nhiều điều bất lợi.

Trước hết, Chính Phủ phải xuất vốn liếng chừng năm trăm triệu đồng trở lên, mới có thể thành lập một cơ sở đứng đắn. Trong khi hoạt động của Chánh Phủ còn hướng vào muôn ngả khác, số vốn phải bỏ ra sẽ là một trở ngại không nhỏ.

Việc tổ chức, điều khiển, chuyên viên, cán bộ thừa hành, đề thiết lập một cơ

sở mới lạ rất khó khăn và phải nhiều năm mới hoàn tất được.

Thành lập đã khó, nhưng sự hoạt động của Quỹ bảo hiểm còn khó hơn nữa. Nếu Chánh Phủ áp dụng nguyên tắc bình đẳng giữa các công ty bảo-hiêm khu vực công và tư, và tự do cạnh tranh, thời một cơ quan sinh sau đẻ muộn, chưa có khách hàng, không tài nào tranh dành ảnh hưởng với những công ty ngoại quốc, thừa vốn liếng, thừa chuyên môn, và hoạt động đã từ nửa thế kỷ nay ở Việt-Nam. Nếu Chánh-Phủ dành nhiều quyền ưu tiên cho Quỹ Bảo-hiêm, lần lần sẽ đi tới chỗ độc quyền, bất lợi về mặt chánh trị và có hại về mặt xã hội, vì một tổ chức hoạt động không có tính cách thương mại, thế nào cũng mất nhiều tổng phí, và rút cuộc, các người đóng góp bảo hiểm phải chịu đựng. Và lại, nếu giữ độc quyền thì chánh phủ phải chịu trách nhiệm về những sự cam kết của Quỹ bảo hiểm. Nếu quản trị không khéo, Chính Phủ sẽ phải bồi thường rất nhiều, khi xảy ra các sự rủi ro lớn lao, khiến cho Ngân sách Quốc gia mất thăng bằng.

Sau hết, Quỹ bảo hiểm quốc gia rất khó hoạt động ở ngoại quốc. Kỹ nghệ bảo hiểm có tính cách hết sức quốc tế như đã nói ở trên, nên một cơ quan bảo hiểm không thể hạn chế tầm hoạt động trong nội địa quốc gia. Ngay từ khi thành lập, các công ty bảo hiểm lớn trên thế giới, vì hoàn cảnh, đã phải bành trướng hoạt động ra ngoại quốc. Tỷ dụ các công ty nước Anh, gần hai thế kỷ nay, đã đề cao khẩu hiệu rất sát thực tế: « Bảo hiểm phải đi theo ngoại thương ». Ở đâu có bóng hàng hóa

nước Anh, là có bóng người đại lý các Công Ty bảo hiểm. Ngày nay, sự giao dịch trên thế giới càng phồn thịnh, các công ty càng phải có chi nhánh ở ngoại quốc. Xe hơi bảo hiểm ở Việt-Nam, có thể qua Mên, Lào, máy bay Việt-Nam thường qua Âu, Á, nên bó buộc Quý Bảo hiểm Quốc Gia phải đặt chi nhánh ở Mên, Lào, Thái-Lan, Nhật, Pháp, Anh, Mỹ v.v... Đa số các luật lệ ngoại quốc chỉ cho phép hoạt động tại đất họ các xí nghiệp bảo hiểm dưới hình thức hồ tương hoặc vô danh. Vậy Quý bảo hiểm Quốc Gia không thể nào đảm đương trách nhiệm ở ngoại quốc được.

MỘT HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT

Muốn bảo vệ quyền lợi của dân chúng, đề phòng các ảnh hưởng tài chánh không hay, bành trướng sự hoạt động ra ngoại quốc để đem ngoại tệ về nước, một công ty bảo hiểm, thiết lập với những đặc tính sau đây, sẽ có nhiều phần tồn tại được :

I.—Thành lập công ty

Chánh phủ sẽ đứng ra thành lập một công ty vô danh gồm 50.000 cổ phần, mỗi cổ phần 10.000\$. Các cổ phần thuộc quyền sở hữu của chánh phủ, nhưng đối chiếu với mỗi cổ phần sẽ được đem bán một phần hưởng lợi cho tư nhân. Sở hữu chủ phần hưởng lợi được Chánh Phủ đảm bảo tiền lời đồng niên tối thiểu là 5%. Nếu công ty có lời, có thể chia thêm một phần, nhưng tổng số không quá 10% giá khoán hưởng lợi. Các phần hưởng lợi được phép chuyển nhượng trên thị trường. Như vậy, một phần vốn sẽ do tư nhân xuất ra, còn phần khác do các Công Ty Bảo hiểm hoạt động tại

Việt-Nam cung ứng, bởi lẽ, bình thường luật lệ kiểm soát bảo hiểm, bó buộc các công ty phải dùng tiền dự trữ mua các giá khoán quốc gia, ít nhất là 50%.

Ngân hàng Quốc gia có thể chiết khấu dễ dàng các giá khoán hưởng lợi của Công Ty Bảo hiểm Quốc gia, mỗi khi các công ty Bảo hiểm tư nhân cần đến tiền mặt.

Sau 5 năm, Chánh phủ có thể dùng tiền lời của Công Ty để trả dần các giá khoán hưởng lợi cho tới khi hết nợ.

Dùng vốn hỗn hợp, sẽ giải quyết luôn được vấn đề tổ chức và nhân viên, vì các công ty bảo hiểm hiện tại, xuất ra một số tiền lớn, tất nhiên phải hết sức giúp đỡ về nhân viên và chuyên viên.

II.—Điều kiện Pháp Lý

Công Ty Quốc gia, giữ quy chế pháp lý của một Công Ty Vô Danh, có tư cách pháp nhân, và hoạt động biệt lập đối với Chánh phủ.

Về phương diện Kiểm soát, thuế khóa, Công Ty này cùng chung một điều kiện với các Công Ty ngoại quốc và tư nhân.

Công Ty Quốc Gia không có độc quyền hoặc đặc quyền, phải cạnh tranh trên thị trường thương mại, có tài sản riêng biệt và chịu riêng trách nhiệm đối với các sự cam kết với khách hàng, không liên quan gì đến Chánh phủ cả.

III.—Điều khiển Công Ty Quốc Gia

Công Ty Quốc Gia là một Công Ty vô danh, nên sự điều hành phải theo điều lệ của Công Ty khi thành lập và theo các luật lệ dân sự, thương mại

áp dụng cho các Công ty vô danh. Tuy nhiên, chỉ có mình Quốc Gia là sở hữu chủ các cổ phần, nên có nhiều điểm đặc biệt.

1.— Điều kiện và quản trị

a) Giám đốc — Trái với luật lệ thông thường, theo đó Đại hội đồng chọn ban Quản trị, và ban này cử lấy vị chủ tịch Tổng Giám đốc; Công ty Quốc-Gia, sẽ có một vị giám đốc, do Tổng thống bổ nhiệm bằng sắc lệnh, theo lời đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chánh.

Nhiệm vụ của giám đốc, được ấn định trong điều lệ thành lập công ty.

b) Ban Quản trị. — Ban Quản trị gồm 6 hội viên: ba vị đại diện cho Chánh Phủ, do ông Bộ trưởng Bộ Tài chánh bổ nhiệm (Một đại diện Bộ Tài chánh. Một đại diện Bộ Kinh tế. Một đại diện Viện Hối đoái).

— Ba vị đại diện quyền lợi tư nhân (Một chuyên viên do Bộ Tài chánh quyết định. Một đại diện công kỹ thương gia do Bộ Kinh tế quyết định. Một đại diện các công ty Bảo hiểm tư nhân do nghiệp đoàn các người bảo hiểm cử ra),

2.— Đại hội đồng.

Đề thay thế đại hội đồng, ông Bộ trưởng Bộ Tài chánh cử một hội đồng Tư vấn, gồm 15 người.

a) Chủ tịch hội đồng: Đại diện ông Bộ trưởng Bộ Tài chánh.

b) 7 Đại diện Chánh Phủ:

- Tổng Giám đốc Nha kiểm soát Bảo hiểm.
- Tổng Giám đốc Ngân khố.
- Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia.

- Tổng Giám đốc Viện Hối đoái.
- Một công chức Bộ Kinh tế.
- Một công chức Bộ Lao động.
- Một công chức Bộ Canh nông.

c) 7 Vị đại diện tư nhân:

- 1 đại diện Phòng Thương mại.
- 2 đại diện các công ty Bảo hiểm.
- 2 đại diện Nhân viên công ty Quốc gia.
- 2 đại diện công ty Bảo hiểm tư nhân.

Hội đồng tư vấn, hàng năm nhóm họp một lần để xét về kết quả hoạt động của Công ty, do vị Giám đốc đưa trình. Hội đồng có nhiệm vụ xét về tá thại đối chiếu biểu, và đề nghị phân phối tiền lời của Ban Quản trị. Các văn kiện do Hội đồng thông qua, được đệ trình lên ông Bộ trưởng Bộ Tài chánh, cùng với một tờ trình tổng quát, để thuộc quyền quyết định.

IV.— Nhân viên và phương pháp hoạt động

Cách thức tuyển dụng, tăng lương, sa thải và lương bổng theo đúng khu vực bảo hiểm tư nhân. Quy chế sẽ do Ban Quản trị đề nghị, Hội đồng tư vấn thông qua và Bộ Tài chánh chấp thuận. Các cán bộ bảo hiểm, trực tiếp với dân chúng và các đại lý, theo đúng các quy chế đương áp dụng cho khu vực tư nhân.

Phương pháp áp dụng là phương pháp thương mại. Công ty Quốc gia sẽ kiếm khách hàng bằng cách quảng cáo, tuyên truyền, và nhờ các trung gian giúp sức.

V.— Kiểm soát các Công ty Bảo hiểm Quốc gia

Công ty bảo hiểm quốc gia, cũng như các Công ty bảo hiểm khu vực tư nhân, phải

tuân theo các luật lệ hiện hành về kiểm soát bảo hiểm, nhất là về phương diện thừa nhận giá biểu tiền đóng góp, điều kiện bảo hiểm, quỹ dự trữ, đầu tư, kế toán v.v...

Các kiểm soát viên Nha kiểm soát bảo hiểm, sau này phải được đặt tại Bộ Tài chánh, sẽ kiểm soát chặt chẽ về sổ sách,

khế ước, cũng như kiểm soát một Công ty tư nhân vậy.



CƯỚC CHÚ.— Tác giả mong rằng các đề nghị trên đây, tuy thô thiển, cũng được các vị chuyên viên bảo hiểm, các nhà kinh tế học, nhiệt thành với sự phát triển nền bảo hiểm nước nhà, thành thực phê bình và bổ khuyết, ngõ hầu giải quyết được vấn đề quốc hữu hóa các Công ty bảo hiểm.

PHẠM-DUY-LÂN

BUỔI TRÌNH DIỄN NHẠC DƯƠNG CẦM

của

NGHIÊM-PHÚ-PHI

Tiếp theo buổi tấu nhạc vừa tổ chức hôm 24-4-1958 để giới thiệu tài nghệ của nhạc sinh, nhạc sĩ dương cầm NGHIÊM-PHÚ-PHI, tốt nghiệp Viện Quốc-Gia Âm-Nhạc Paris, sẽ đứng ra trình diễn nhạc dương cầm tại rạp hát Thống-Nhứt, ngày 8-5-1958, từ 21 giờ.

Những nhạc phẩm sắp trình diễn toàn là những danh tác của các nhạc sư trứ danh *Fantasia* của Mozart, *Sonate en Ut dièse mineur* của Beethoven, *Rêves d'amour* của Liszt, *Polonaise en La bémol majeur* của Chopin, *4ème Nocturne* của Fauré, *Clair de Lune* của Debussy, *Prélude en Ut dièse mineur* của Rachmaninoff và một bản nhạc jazz của Gerthwin.

Với một kỹ thuật vững vàng, một ngón đàn lanh lẹ và một hồn nhạc đa cảm của nhạc sĩ Nghiêm-Phú-Phi, theo lời của báo *Journal d'Extrême Orient*, buổi trình nhạc này ắt sẽ làm thỏa mãn các tay sành nhạc và yêu nhạc.

LIÊN - HIỆP - QUỐC

TRONG GIỜ TRÁCH NHIỆM

Tiểu-Dân

- ✧ Phải chăng Liên-Hiệp-Quốc đang phá sản ?
- ✧ Chọn đường nào ở ngã quẹo lịch sử ?
- ✧ Xây dựng một thực lực tinh thần.
- ✧ Giờ trách nhiệm.

NHỮNG CÁI GAI...

Tháng 3 năm 1945. Khi các đài phát thanh thế giới truyền đi mọi nẻo tin quân Nhật đầu hàng Đồng-minh vô điều kiện, nhân loại thở ra, vui mừng tiếp đón tin lành. Người ta chấp tay, ngửa mặt lên trời cảm tạ Thượng-Đế hoặc cúi nhìn mồ mả, tưởng niệm những người thân mến mà số phận phũ phàng không cho chúng kiến ngày vui. Từ kẻ phế thương đến em bé mồ côi, qua người quả phụ, từ người du kích nông thôn, qua nhà bác bợc, đến người chiến sĩ tiền phương — nói chung, tất cả hạng người — đều nở những nụ cười xinh

tươi nhất, như đóa hồng nở trọn, đề chào mừng một thắng lợi đắt giá nhất: Hòa bình.

Trong khi đó, ở Tổng-hành-dinh các bộ tham mưu của thế giới tự do, qua những phút mừng vui hợp lý, những người có trách nhiệm cúi xuống bản đồ thế giới, đầy lo lắng. Bên cạnh màu xanh của đại dương, sông, núi, của các quốc gia dân chủ, nổi bật lên một màu đỏ nằm vắt từ Đông sang Tây, từ phần lớn lục địa Trung-hoa, qua Nga-sô, đến chín nước Đông-Âu. Kẻ thù Phát-xít vừa ngã gục, thì hải chưa tạo

rã, thì một đối phương khác đã xuất hiện ở chân trời quốc tế: Cộng-sản.

Thêm vào vấn đề Cộng-sản, mấy vấn đề mới khác làm cho thế cờ quốc tế càng rắc rối: phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước hậu tiến và nhu cầu xây dựng các quốc gia bị tàn phá vì chiến tranh.

Hòa bình được vấn hồi tốt đẹp làm sao! Nhưng có những khó khăn của hòa bình, những cái gai dưới đóa hồng tươi, mà giờ đây thế giới tự do phải chú trọng.

SỨ MỆNH VÀ TỔ CHỨC BẢO VỆ HÒA BÌNH

Tình hình thế giới sau Đại chiến như vậy đặt cho tất cả những ai yêu chuộng Hòa-bình, Công-lý và Tự-do, một sứ mệnh thiêng liêng và khàn thiết: Đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới.

Bảo vệ Hòa bình trong điều kiện tôn trọng Công-lý, Tự-do và bên vực Công lý, Tự-do trong điều kiện không thương tổn đến Hòa bình.

Một sứ mệnh hết sức cao quý mà cũng vô cùng phức tạp vậy.

Lẽ dĩ nhiên, thế giới tự do phải nhận lãnh sứ mệnh ấy.

Nhưng thật ra, không phải đợi đến bây giờ thế giới tự do mới ý thức được trách nhiệm của mình. Nói gần nhất là năm 1918, sau khi Đại chiến lần thứ nhất chấm dứt, người ta đã cho ra đời tổ chức bảo vệ hòa bình thế giới mang tên Hội Vạn-quốc Liên-minh, gọi tắt là Hội Quốc-Liên. Nếu lý tưởng của những người sáng lập, trong đó nên

kể cố tổng thống Hoa-kỳ Wilson, đẹp đẽ vì tính cách nhân đạo và hòa bình, sự thật đã chứng tỏ rằng quan niệm về tổ chức hòa bình và đường lối hoạt động của tổ chức ấy thiếu phần kiến hiệu. Cho nên, ngày Hít-le xé hòa ước Lô-các-nô, xua quân xâm chiếm Tiệp-khắc, sau đó, ngày thỏa ước Mui-ních ra đời, gián tiếp thừa nhận tham vọng xâm lược của Phát-xít, nhân loại đã giật mình lo sợ trước sự phá sản của tổ chức, đường lối bảo vệ hòa bình.

Cũng vì thực tế lịch sử ấy mà ngay trong những ngày nóng sốt không khí chiến tranh của Đại chiến lần thứ hai, các nhà lãnh đạo những quốc gia dân chủ, với một niềm tin vững chắc ở thắng lợi cuối cùng, đã bắt đầu cùng nhau hoạch định một trật tự sớm cho thế giới ngày mai. Sự gia nhập của Nga-sô vào khối Đồng-Minh dân chủ diệt Phát-xít càng thúc đẩy thế giới tự do lo lắng hơn.

Các hội nghị Y-an-ta, Bốt-đam, Xan-Phơ-rân-xít-cô, nối tiếp diễn ra trong đó các cường quốc chống Phát-xít bàn bạc với nhau, tìm những phương sách bảo đảm giữ vững hòa bình cho nhân loại, ngày Phát-xít bị tiêu diệt. Người ta đều đồng ý với nhau về nguyên tắc phải thành lập một tổ chức quốc tế bảo vệ hòa bình. Đường lối hoạt động của tổ chức ấy dựa vào một bản hiến chương sẽ được hoạch thảo trong đó những nguyên tắc Dân quyền và Nhân quyền, những nguyên tắc Công lý và Nhân đạo phải được nêu rõ.

Tư tưởng về Liên-hiệp-quốc tổ chức thực hiện sứ mệnh bảo vệ hòa bình thế

giới sau Đại chiến đã nảy mầm, phát triển trong hoàn cảnh ấy.

Tình hình thế giới mới sau khi hòa bình được vãn hồi đã làm cho Đại hội đồng Liên-hiệp-quốc thành hình, trong sự chào đón hân hoan của hàng nghìn triệu con người.

Liên-hiệp-quốc sẽ làm tròn sứ mệnh của mình chăng?

Một câu hỏi, một mối lo âu, đặt ra cho những người đã trải qua hai thế chiến, đang theo dõi sự tiến triển của thời cuộc quốc tế mới, khả quan đấy, nhưng vô cùng phức tạp.

MỘT CUỘC TÍNH SỐ

Liên-hiệp-quốc ra đời và hoạt động mười mấy năm rồi. Số quốc gia hội viên của tổ chức quốc tế bảo vệ hòa bình này đã đến con số tám mươi hai.

Ta thử xem Liên-hiệp-quốc đã có những cống hiến gì cho nhân loại.

Chung quanh vấn đề này, nhiều ý kiến rất khác nhau. Tựu trung có hai ý kiến đáng được lưu ý.

Ý kiến thứ nhất cho rằng tổ chức Liên-hiệp-quốc đã đi theo vết xe đổ của mồ ma Hội Quốc-Liên, đang phá sản vì sự bất lực trong cuộc tranh đấu bảo vệ những nguyên tắc Công lý và Nhân-đạo.

Những người có ý kiến trên cho rằng Nga-sô và phe Cộng là một trở ngại chính cho Liên-hiệp-quốc trong việc thực hiện sứ mệnh cao cả của tổ chức này. Nga-sô và các nước khối Cộng đã luôn luôn dùng Liên-hiệp-quốc làm một diễn đàn tuyên truyền chủ nghĩa, chính sách

Cộng-sản, mưu lời kéo các quốc gia hậu tiến, chia rẽ các quốc gia tự do. Nga-sô đã dùng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo-An Liên-hiệp-quốc, ngăn trở sự tìm kiếm những phương pháp hiệu quả để giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế, chẳng hạn những vấn đề Thống Nhất nước Đức, Tái giảm binh bị. Cuối cùng, cũng do âm mưu của Nga-sô mà những tổ chức có tính cách quốc tế khác được thành lập và hoạt động song song với Liên-hiệp-quốc, ví dụ Phong-trào Bảo-vệ hòa bình thế giới. Những tổ chức này có mục đích gây áp lực chính trị đối với Liên-hiệp-quốc, do đó, cũng tạo thành một trở ngại cho sự hoạt động sẵn khó khăn của Liên-hiệp-quốc.

Như vậy, nếu âm mưu phá hoại hòa bình của Cộng-sản quốc tế không sớm bị đánh tan, thì Liên-hiệp-quốc sẽ hoàn toàn bất lực và cuối cùng, sẽ thất bại.

Ý kiến thứ hai tuy cũng thừa nhận rằng Liên-hiệp-quốc bị Cộng-sản quốc tế gây nhiều khó khăn, trở ngại nhưng lại đồng thời nhấn mạnh về hiệu lực cuộc đấu tranh bảo vệ Hòa bình của phe Dân chủ.

Những người có ý kiến này cho rằng sự có mặt của Nga-sô và các nước Cộng sản, nếu về một phương diện, gây một chướng ngại lớn lao cho sự hoạt động của Liên-hiệp-quốc thì, về một phương diện khác, lại tạo điều kiện cho phe Dân chủ vạch mặt Cộng-sản cũng như ngăn ngừa những âm mưu của họ, điều kiện khó lòng có được, nếu Nga-sô và các nước Cộng-sản ở ngoài Liên-hiệp-quốc, nghĩa

là ngoài vòng ràng buộc của những cam kết quốc tế. Người ta đưa ra hai luận cứ để mình xác nhận định trên. Một : tại Liên-hiệp-quốc luôn luôn phe Cộng bị thiếu số, luôn luôn những quyết nghị của Đại hội đồng có giá trị thừa nhận lập trường của phe Dân chủ. Sự thật này chứng tỏ rằng các lực lượng dân Chủ, tự do thế giới càng ngày thống nhất để làm hậu thuẫn cho Liên-hiệp quốc trong trách vụ của tổ chức này. Hai : Dù sao, cho đến nay, chiến tranh thế giới, vấn đề ám ảnh nhân loại, vẫn không bùng nổ. Nếu về một mặt, Liên-hiệp-quốc không thể giải quyết căn bản và dứt khoát mọi vấn đề tranh chấp quốc tế, về mặt khác, Liên-hiệp-quốc đã có phần đóng góp vào công cuộc duy trì hòa bình.

Như vậy, Liên-hiệp-quốc cũng đã có một cống hiến tích cực cho nền hòa bình, thành tích tuy không giải đáp đúng ước mong của mọi người, cũng đáng được nêu lên để chứng tỏ rằng Liên-hiệp-quốc không đến nỗi hoàn toàn phá sản.

Hai ý kiến trên đây, khách quan mà xét, có giá trị bổ túc cho nhau, do đấy, cần được điều hòa.

Ta không thể, trong thế quân bình lực lượng giữa hai phe hiện nay, quan niệm sứ mệnh của Liên-hiệp-quốc một cách quá cứng rắn hoặc quá yếu mềm.

Không thể, trong khi tranh đấu bảo vệ Công lý và Nhân đạo, thiếu sót một sự liên hệ uyển chuyển với nhu cầu Hòa bình thiết tha của nhân loại.

Cũng không thể, vì muốn Hòa bình, chấp nhận những hành động chà đạp chân chương trên Công lý và Nhân đạo.

Nhận thức này giúp ta hiểu được phần nào thái độ của Hoa-kỳ đối với biến cố Hung-gia-lợi trước đây ; Hoa-kỳ đã đưa vấn đề Hung-gia-lợi ra trước Liên-hiệp quốc trong khi một số người định ninh rằng chiến xa Hồng-quân Nga tiến vào Buy-đa-bết (Budapest) sẽ chạm trán với quân lực can thiệp của Hoa-kỳ.

Dựa vào các ý kiến và nhận thức trên, người ta có những kết luận sau này, về cuộc tính sổ hoạt động của Liên-hiệp-quốc :

a) Liên-hiệp quốc đã thực hiện được phần nào sứ mệnh bảo vệ hòa bình thế giới.

b) Tuy nhiên, Liên-hiệp quốc còn yếu ớt, chưa tranh đấu làm thắng lợi rõ rệt những nguyên tắc Công lý và Nhân đạo, đúng như sự đòi hỏi của mọi người.

Tương nên thêm : Trong tình hình mới của thế giới hiện nay, Liên-hiệp quốc phải nỗ lực hoạt động hơn nữa, để tròn trách vụ.

TÌNH HÌNH MỚI, TRÁCH NHIỆM MỚI

Nhân loại bước qua năm 1958 với một tâm trạng băn khoăn trong đó hy vọng và lo âu lẫn lộn.

Theo dõi thời cuộc quốc tế, người ta nhận thấy một sự kiện có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình thế giới và vận mệnh Liên-hiệp-quốc. Đó là xu hướng « đòi mới » Liên-hiệp-quốc của hai phe Dân-chủ và Cộng-sản.

Chúng ta đã biết về những thông điệp của Chủ tịch hội đồng bộ trưởng

Nga-sô, thống chế Bun-ga-nin, gởi cho các cường quốc Tây phương, đề nghị mở cuộc họp Đông Tây cấp bậc tối cao, đề giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi không phê phán chiến lược của Nga-sô. Chúng tôi chỉ muốn nêu cuộc vận động hòa bình của Mạc-tư-khoa, nhận định thái độ mới của Cộng-sản quốc-tế đối với tổ chức Liên-hiệp quốc. Thái độ ấy như thế nào?

Mọi người đều nhớ rằng, mới đây, Nga-sô đã làm xao xuyến dư luận ở hành lang Liên-hiệp quốc cũng như trên thế giới, với quyết định rút đại diện Nga khỏi Tiểu-ban Tài-bình. Nga tuyên bố rằng với thành phần hiện tại của Tiểu-ban, hai phe sẽ không thể thỏa hiệp với nhau. Sau khi Tây-phương nhân nhượng nói rộng thành phần Tiểu-ban thì Nga lại tỏ thái độ chờ một không khí thuận lợi hơn cho việc thảo luận, như sự tổ chức một hội nghị cao cấp Đông Tây chẳng hạn. Người ta cũng chú ý rằng nội dung các bản thông điệp Bun-ga-nin gởi cho mỗi quốc gia dân chủ Tây-phương có những điểm riêng biệt cho mỗi nước, những điểm liên hệ đến một số vấn đề của từng quốc gia.

Gần đây, dư luận lại bàn tán về đề nghị « chia hai thế giới » giữa Nga và Mỹ mà Mạc-tư-khoa trù liệu đưa ra bàn tay đôi với Hoa-thịnh-đốn.

Qua những sự việc nói trên, người ta nhận thấy Nga-sô muốn giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế, không

phải trong phạm vi thẩm quyền của Liên-hiệp quốc mà ngoài lề của Liên-hiệp quốc.

Có thể rằng những thỏa ước mà Nga-sô đề nghị ký kết giữa hai phe sẽ được Liên-hiệp quốc thông qua để chính thức hóa. Nhưng điểm căn bản là sự thỏa hiệp trong mọi vấn đề phải được thực hiện trước đó và vai trò của Liên-hiệp quốc sẽ chỉ là vai trò chứng nhận mà thôi.

Thái độ Nga như thế có một ý nghĩa rõ ràng: Cộng-sản quốc tế không muốn thừa nhận uy quyền trọng tài và trung gian điều giải của Liên-hiệp-quốc, trong điều kiện tình hình tương quan lực lượng giữa hai phe tại Liên-hiệp-quốc không thuận lợi cho Cộng-sản.

Và xu hướng của Cộng-sản Quốc-tế có thể được hiểu là thay đổi Liên-hiệp-quốc như thế nào cho Cộng-sản thấy có lợi cho đường lối chính trị quốc tế của họ.

Bây giờ nhìn qua thái độ và xu hướng của phe Dân chủ đối với Liên-hiệp-quốc, qua bản phúc điệp của tổng thống Hoa-kỳ gởi cho Nga-sô, cũng như qua một số hoạt động khác.

Trước việc Nga-sô rút lui đại diện khỏi Tiểu ban Tài bình, Hoa-kỳ và một số quốc gia dân chủ đã biểu lộ thiện chí thỏa hiệp bằng cách nói rộng thành phần Tiểu ban ấy. Và trong bản phúc điệp, tổng thống Ết-sân-hao đã đề nghị với Nga sáu điểm khả dĩ được dùng làm căn bản cho việc tiếp xúc Đông Tây, trong đó điểm thứ nhất là Hoa-kỳ và Nga-sô cùng phải cam kết không dùng quyền phủ quyết làm trở ngại cho việc

tìm kiếm những phương pháp giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế.

Qua những sự việc trên, nổi bật thái độ của Hoa-kỳ và phe Dân chủ là *củng cố lại uy tín của Liên-hiệp-quốc*.

Người ta ghi nhận xu hướng của phe Dân chủ là *chỉnh đốn tổ chức Liên-hiệp-quốc như thế nào để thực hiện hữu nghiệm vai trò của tổ chức ấy*.

Đấy, Liên-hiệp-quốc đang đứng trước hai xu hướng ấy của hai phe.

Hai xu hướng cùng đòi hỏi ở Liên-hiệp-quốc một sự đổi mới nhưng lại xuất phát từ hai lập trường chính trị khác nhau.

Nói cho đúng, « đổi mới » theo quan niệm của phe Dân chủ, có nghĩa là « trở về » với tinh thần, với những nguyên tắc căn bản của hiến chương Liên-hiệp-quốc. Trái lại, « đổi mới », theo quan niệm của Cộng-sản, có nghĩa là *phải tùy thuộc vào những điều kiện thực tiễn, dựa vào đó, Cộng-sản quốc tế có thể nói chuyện thỏa hiệp với đối phương*.

Tình hình mới này đòi hỏi ở Liên-hiệp-quốc một trách nhiệm mới. Trách nhiệm chọn lựa một trong hai con đường mà những xu hướng đối lập nói trên đặt ra.

Và sự lựa chọn này có ảnh hưởng quyết định đến sự tiến triển hay suy vong của Liên-hiệp-quốc vậy.

CẦN MỘT THỰC LỰC TINH THẦN

Đối với những người thiết tha với Hòa bình, Công lý và Nhân đạo, đặt hai con đường ấy ra trước Liên-hiệp-quốc chỉ có nghĩa là trình bày cụ thể tình hình. Thật ra, sự lựa chọn đã dứt khoát rồi.

Liên-hiệp-quốc phải tồn tại, phải mạnh mẽ, phải tiếp tục sứ mệnh thiêng liêng mà hàng nghìn triệu con người giao phó. Vấn đề là tạo những điều kiện nào đảm bảo cho sự hoạt động của Liên-hiệp-quốc được hữu nghiệm.

Điều kiện đó không ngoài sự thống nhất ý chí, hành động của phe Dân chủ.

Thống nhất ý chí, hành động theo ý nghĩa là các quốc gia dân chủ sẽ tự mình dần xếp những mâu thuẫn quyền lợi nhỏ nhất giữa một vài nước, sẽ tự mình loại trừ vài sự chống nghịch do ảnh hưởng tư tưởng thực dân quá thời mà người ta còn tìm thấy ở một vài quốc gia.

Thống nhất ý chí, hành động theo ý nghĩa là toàn thể các quốc gia dân chủ cùng đứng một lập trường chống Cộng dứt khoát, cùng chung một quan điểm, chính sách, đường lối giải quyết mọi vấn đề tranh chấp quốc tế, cùng một quyết tâm « *bảo vệ hòa bình trong điều kiện tôn trọng Công lý, Nhân đạo và bảo vệ Công lý, Nhân đạo, trong điều kiện thuận lợi cho hòa bình* ».

Đứng trước một đối phương như vậy, Cộng-sản quốc tế chỉ có thể, hoặc nghiêng mình thỏa hiệp, hoặc tự lật trần chân tướng phản hòa bình.

Nói cách khác, sự thống nhất ý chí, hành động của phe Dân chủ sẽ tạo cho Liên-hiệp-quốc một thực lực tinh thần.

Chỉ với thực lực tinh thần này, Liên-hiệp-quốc mới thực hiện được hiệu quả sứ mệnh của tổ chức, trong tình hình mới của thế giới.

Giờ trách nhiệm của Liên-hiệp-quốc nghĩa là của nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình, đang điềm.

TIỂU-DÀN



LƯỢC ĐÀM TRUYỆN THỦY HỬ

Sưu tầm và phê phán;
NGUYỄN-HUY-KHÁNH

TRONG số truyện Tàu được phổ biến trong dân gian Việt-Nam, « Thủy-Hử diễn nghĩa » (1) là bộ truyện mang tánh chất chống phong kiến rõ rệt và mạnh mẽ nhất. Vì thế, mấy ông sĩ đại phu mới đặt ra câu « trai chẳng nên coi Thủy-Hử » để răn con cháu, sợ e chúng nó học theo « bọn » Lương-sơn-Bạc. Và, cũng vì thế mà truyện Thủy-Hử bị xuyên tạc khá nhiều. Người ta mong làm giảm giá trị của nó bằng

những bóp méo tinh vi. Nhưng ảnh hưởng của Thủy-Hử vẫn cứ lan rộng mãi.

Trong bài này, chúng tôi cố gắng sưu tầm một số sử liệu và phê phán về tác phẩm danh tiếng ấy để cống hiến bạn đọc xa gần.



(1) Theo tiếng đời nhà Minh, tiểu thuyết trường thiên gọi là « diễn-nghĩa », tiểu thuyết đoản thiên gọi là « kỳ quan » hoặc « minh ngôn » ví dụ : Kim cồ kỳ quan.

SƠ LƯỢC CÂU CHUYỆN

TRUYỆN Thủy-Hử chắc không còn xa lạ gì với chúng ta. Nhưng, để cho bạn đọc dễ theo dõi và đối chiếu, chúng tôi xin phép thuật lại một cách rất sơ lược đầu đuôi câu chuyện.



MÙA Xuân năm thứ ba đời Gia-Hựu nhà Tống, ôn dịch hoành hành dữ dội, vua Nhơn-Tông mới sai Hoàng-thái-Úy đến Long-Hồ-Sơn, (thuộc huyện Tín Châu, tỉnh Giang-Tây), tuyên thỉnh Thiên-Sư Trương-Chơn-Nhơn về Kinh làm lễ tống ôn. Thi hành xong nhiệm vụ, Hồng-Thái-Úy bèn lên Thượng-Thanh-Cung du lãm, bỗng thấy một cửa lớn, đề bốn chữ « PHỤC MA CHI ĐIỆN », phía trên có dán mười mấy đạo linh phù.

Thái-Úy xem thấy, động tánh háo kỳ, nên chẳng nghe lời thủ hạ, cứ mở toang cửa lớn, chỉ thấy giữa điện sừng sững một tấm bia đá, phía dưới là một con quì, cũng bằng đá, quì bốn chân. Thái-Úy bảo thủ hạ nhắc con quì đá, thì một tấm đá xanh lớn liền bật lên. Mọi người nhìn xuống chỉ thấy hang sâu thăm thẳm, trong hang tiếng gió gào thét rợn người. Ai nấy còn đang ngơ ngác, bỗng nhiên từ trong hang xông ra một lảng khói đen, vọt thẳng lên nửa lưng trời, tỏa thành một trăm lẻ mười đạo kim quang, bay khắp bốn phương tám hướng. Những đạo kim quang đó nguyên là ba mươi sáu vị Thiên-Cang-Tinh và bảy mươi hai vị Địa-Xác-Tinh mà Thiên-Sư Lão-Tổ đem nhốt dưới

hang ấy. Một trăm lẻ tám vị Thiên-Cang, Địa-Xác đó được thả ra mới đầu thai thành 108 vị anh hùng Lương-Sơn-Bạc sau này (2)



Các vị anh hùng Lương-Sơn-Bạc đều là những tay hào kiệt tứ xứ, hoặc vì bị quan lại, cường hào áp chế, hoặc vì đứng ra bênh vực lẽ phải bị triều đình bắt tội, mà bức phải « thượng Lương-Sơn », dần dần tụ họp lại thành một đại gia đình, già trẻ trai gái cộng tất cả là 108 người. Lúc đầu, họ đều chẳng quen biết, thân thuộc gì với nhau, nhưng về sau, chỉ vì :

« Ngàn dặm xuôi sớm chiều gặp mặt,
« Một tấc lòng sanh tử thề cùng.
« Tướng mạo, ngôn ngữ, nam bắc tây
 đông, tuy có khác,
« Tâm tình, gan mật, trung thành tín
 nghĩa, quyết chẳng sai,

« Trong chúng ta :

« Tuy có kẻ là con vua cháu chúa,
phú hào quan lại, cùng là tam giáo, cửu lưu, cho đến thợ săn ngư phủ, khoái tử đồ nhi, xưng hô huynh đệ, chẳng luận sang hèn.

« Lại có kẻ cùng là đồng bào thủ túc,
« hoặc trăm năm chồng vợ, hay chú cháu
« cô cậu, cho đến tùy tùng, nô bộc...
« hoặc khôn ngoan, hoặc thô鄙, hoặc
« chất phác hoặc phong lưu... hoặc bút

(2) Vì Triệu-Cái và một người nữa chết trước, nên 110 đạo kim quang mà sau rốt tính lại chỉ có 108 vị anh hùng. Hồi này trong bản dịch của Danh-Nho không có.

« lưởi, hoặc đao thương, hoặc chạy giỏi,
« hoặc cướp hay, mỗi mỗi đều có chỗ
« hay...



CA O - Cầu vốn là một tên du côn, cò
bạc, trộm cắp, nhưng nhờ giỏi đá
cầu, khéo nịnh hót, nên được vua Huy-
Tông cho làm đến chức Thái-Úy. Vì thù
riêng, Cao-Thái-Úy tìm cách hãm hại
Trương-giáo-dầu. Vì thế, Trương-giáo-
dầu phải bỏ kinh thành trốn đi. Trên
đường đào vong, Trương-giáo-dầu gặp
Sử-Tấn, trác hiệu là Cửu-Vân-Long, vốn
là con của một đại trang viện (tức đại
diền chủ), tánh tính hào hiệp, thích võ
nghệ. Nhân kết thân với một vị đầu lãnh
trên sơn trại gần đấy, Sử-Tấn mới bị
quan binh vây bắt. Thoát được hiềm nạn,
Sử-Tấn bèn trốn qua Quan-Tây để tìm
thầy học là Vương-giáo-dầu, giữa đường
gặp một vị Đề-hạt Kinh-Lược-phủ họ
Lỗ tên Đạt, hiệu Trí-Thâm, Lỗ-Trí-Thâm
vốn người ngay thẳng, nhưng lại nóng
nảy, hay gánh vác chuyện bất bình, nên sau
khi cùng Sử-Tấn chia tay, vì binh người
cô thế mà phạm tội sát nhơn, phải bỏ xứ
trốn đi. Thời may, gặp được Triệu-Viên-
Ngoại, bèn nghe lời lên Ngũ-Đài Sơn
cạo đầu nương cửa Phật, nhưng rồi lại
không giữ được ngũ giới, nên bị đưa
qua chùa Tướng-Quốc ở Đông-Kinh.
Nơi đây, Trí-Thâm gặp một vị giáo đầu
tên là Lâm-Xung. Lâm-Xung vốn là
người ngay, nhưng lại bị Cao Nha-Nội,
con của Cao-Thái-Úy hãm hại. Nguyên
Cao-Nha-Nội thấy vợ Lâm-Xung có nhan
sắc, nên động tánh tà dâm, toan làm điều
ô nhục mà chẳng được, bèn vu cho
Lâm-Xung phải tội trọng, đến nỗi bị

khắc tự lên mặt, đày đi Thương-Châu.
Tay sai của Cao-Nha-Nội là Lục-Ngu-
Hầu khiến người bí mật lo lót với sai
quan, bảo nửa đường phải kết liễu tánh
mạng Lâm-Xung. Bọn công sai vừa muốn
xuống tay thì Lỗ-Trí-Thâm đến cứu kịp.
Hai người chia tay, Lâm-Xung và hai
tên công sai đi lần đến gia trang của Sài-
Tấn. Vị Sài-Quan-Nhơn này vốn là tay
hảo hớn, thường chiêu hiền nạp sĩ. Ông
ta đối đãi với hai người công sai rất
hậu, và yêu cầu họ đưa Lâm-Xung đến
nơi cho tử tế. Lâm-Xung đến Thương-
Châu làm phối quân, được giao cho việc
giữ Thảo-liệu-trường. Không ngờ Lục-
Ngu-Hầu lại theo đến đấy, lập mưu nửa
đêm đốt Thảo liệ trường để hại Lâm-
Xung. May thay ! Lâm-Xung thoát khỏi
chết thiêu, giết thác cừu nhơn, rồi tuốt
lên Lương-Sơn. Bấy giờ, Lương-Sơn-
Bạc còn do một tên đầu lãnh vô danh
là Vương-Luân chiếm cứ. Hắn buộc Lâm-
Xung phải đem lên một đầu người làm
« danh trạng » ra mắt thì mới được nhập
bọn. Bất đắc dĩ, Lâm-Xung phải trở
xuống núi, chờ khách qua đường để lấy
thủ cấp. Lúc đó thì gặp Dương-Chí.

Dương-Chí, trác hiệu là Thanh-Điện-
Thú, vốn giòng ba đời làm tướng, đã
thăng đến chức Điện-Ty chế sứ, nhân vì
phụng mạng hoàng đế qua Thái-Hồ
chuyên vận Hoa-Thạch Công (tức những
thứ đá hoa kỳ lạ) về kinh sư giao nạp,
đến Hoàng-Hà bị gió lớn chìm ghe, sợ tội
trốn. Nay nghe triều đình đại xá, đang
lo tiền bạc, lễ vật xuống kinh phục chức,
không dè lại gặp Lâm-Xung toan cướp
giật. Nhờ đó, hai vị hảo hán mới biết
nhau, Lâm-Xung cùng Dương Chí lên
Lương Sơn một đêm. Bữa sau, Dương

Chí lai trầy kinh. Về đến kinh sư, Dương-Chí chẳng những không được phục chức, mà lại còn bị đuổi ra khỏi Điện Soái Phủ. Trong lúc lưu lạc tại kinh, nhân chuyện bắt bình, Chí bèn giết tên côn đồ Ngưu-Nhị. Theo lẽ, không tránh khỏi tội đầy, nhưng nhờ trừ mối hại cho bá tánh tại đây, được bá tánh đồng tình, nên Chí chỉ bị đầy qua Đại-Danh Phủ Bắc-Kinh hầu hạ dưới trướng Lương-Trung-Thơ. Lương-Trung-Thơ là rề của đương trào Thái-Sư Thái-Kinh. Ngày rằm tháng sáu năm ấy là ngày sinh nhật của Thái-Sư. Lương-Trung-Thơ bèn sai người đem mười vạn quan tiền mua sắm đồ trân châu bảo ngọc để đưa về kinh chúc-thọ nhạc-gia. Đang lúc Trung-Thơ còn lo sợ nửa đường tiền bạc lễ vật bị quân cường đạo cướp mất, thì thời may được Dương Chí vốn là tay võ nghệ cao cường. Trung-Thơ bèn sai Dương-Chí đốc lãnh một số binh sĩ, áp giải lễ vật về kinh.

Hào hớn Lưu-Đường được tin đó, bèn tuốt qua Đông-khê-thôn cho Bảo-chánh Triệu-Cái hay, yêu cầu bố trí đoạt số hàng ấy. Triệu-Bảo-Chánh vốn nhà giàu, bình sanh rất trượng nghĩa sơ tài, chuyên kết thân với hào kiệt trong thiên hạ. Phàm những anh em đến chơi thường được lưu lại ít lâu, khi ra về lại còn được cấp tiền bạc làm lộ phí. Bản thân ông ta cũng rất thích luyện tập côn bổng. Được tin tốt của Lưu-Đường, ông ta bèn bàn với một người học trò tên Ngô-Dụng, trác hiệu là Trí-Đa-Tinh, tự Học-Cứu. Ngô-Dụng nhận thấy những lễ vật ấy toàn là của phi nghĩa do vợ vét của bá tánh mà sắm ra, dù cho cướp đi cũng không sai quấy gì, bèn đến thôn Thạch-Yết, gần

Lương-Sơn-Bạc, thuyết phục ba anh em họ Nguyễn tức Nguyễn - Tiều - Nhị, Nguyễn-Tiều-Ngũ, Nguyễn-Tiều-Thất — cùng hiệp lực ra tay. Vừa lúc đó, lại được thêm sự giúp sức của Nhập-Vân Long, Công-tôn-Thắng. Chuyến « làm ăn » được thành công dễ dàng.

Dương-Chí mất « Sanh-thần-Cương » (tức những lễ vật mang đi chúc thọ), không dám trở về ra mắt Lương-Trung-Thơ, chỉ còn đường thẳng lên Nhị-Long-Sơn, nhập bọn với phe cường đạo Châu-Fử-Tự. Giữa đường, gặp Lỗ-Trí-Thâm cũng đi nhập bọn với phe Nhị-Long-Sơn không được thu nhận, còn đang vất vơ chẳng nơi nương tựa, hai người lập kế đoạt Nhị-Long-Sơn, rồi cùng làm chủ sơn trại.

Lương-Trung-Thơ bị cướp lễ vật, sợ biết bọn Triệu-Cái là thủ phạm, bèn phái sai nhơn Hà-Đào đi bắt. Hà-Đào gặp Áp-Ty Tống-Giang, vốn là bạn thiết của Triệu-Cái. Được tin, bọn Triệu-Cái, Ngô-Dụng, Lưu-Đường, Công-tôn-Thắng và mấy anh em họ Nguyễn bèn tom góp tài vật kéo rốc lên Lương-Sơn-Bạc. Bọn anh hùng được Lâm-Xung tiếp đãi nồng hậu, nhưng đầu lãnh Vương - Luân lại nhỏ nhen, ganh tị. Bọn anh hùng bèn theo kế của Ngô-Dụng, sắp đặt cho Lâm-Xung giết Vương-Luân, rồi thỉnh Triệu-Cái lên làm trại chủ, phân định lại ngôi thứ, tổ chức lại sơn trại. Từ đó, thanh thế của Lương-Sơn-Bạc ngày càng hùng lẫy.

Đoạn trước nói qua Tống - Giang. Người này vốn là một chức áp-ty Huyện-Thành quận, tỉnh Sơn - Đông, vốn hay trượng nghĩa sơ tài, thường giao kết với hào kiệt bốn phương. Bọn giang hồ

đều gọi là « Cặp-Thời-Vô Tổng-Công-Minh ». Ông ta thường giúp đỡ anh em và cứu người hoạn nạn. Cũng nhờ đó, mà ông ta có khá nhiều bạn thiết trong giới lục lâm. Tại huyện, ông ta đã gá nghĩa với một ả ca nhi tên Diêm-Bà-Tích. Không ngờ nàng này lại tư tình với một tên áp-ty đồng liêu là Trương-văn-Viển, đâm ra lạnh nhạt với Tổng-Giang. Tổng-Giang vốn là người chẳng mê nữ sắc, nên cũng chẳng quan tâm đến việc ấy. Đêm kia, Triệu-Cái sai Lưu-Đường từ Lương-Sơn-Bạc xuống Huyện-thành trao cho Tổng-Giang một phong thư và một số vàng bạc để tạ ơn cứu mạng. Tổng-Giang viết thư hồi âm, từ chối không nhận vàng bạc, lại bảo Lưu-Đường phải trở về núi gấp gấp kéo bị quan phủ vây bắt. Tổng-Giang vừa muốn về chỗ ở thì lại gặp mẫu thân của Diêm-Bà-Tích là Diêm-Bà. Vì lâu nay Tổng-Giang không tới lui với Bà-Tích, nên Diêm-Bà khăn khăn mời thế nào cũng phải đến. Bất đắc dĩ, Tổng-Giang phải chịu ý Diêm-Bà, và dĩ nhiên là không được Bà-Tích tiếp đãi tử tế như trước. Sáng hôm sau, vì hấp tấp ra về, Tổng-Giang lại bỏ quên sợi dây nịch, cây đao và trứ chiêu văn, trong đó có thư của Triệu-Cái. Đến chừng trở lại kiểm thì không còn, Tổng-Giang bèn hỏi Bà-Tích. Bà-Tích đã chẳng trả, lại còn lớn tiếng hăm dọa. Tổng-Giang cá giận, giết thác Bà-Tích nên bị thích tự đầy đi làm phối quân. Trên đường đi đầy, ông ta gặp khá nhiều tay anh hùng hảo hán, trong đó có một vị danh vang bốn bề, tức là « Vô-Tòng Cảnh-Dương-Cương đả hồ ». Người này, sau đó, vì chị dâu lang tâm, tư thông với Tây-Môn-Khánh, lại còn mưu giết chết

Vô-Đại-Lang, nên nổi giận, giết hết gian phu dâm phụ, bị đầy qua Mạnh-châu-đạo, lao đao lận đận nhiều phen, mới trốn lên Nhị-Long-Sơn, nhập lỏa với bọn Lỗ-Trí-Thâm và Dương-Chí.

Trong lúc đi đường, Tổng-Giang rất có thể lên nhập lỏa với phe Lương-Sơn-Bạc, nhưng vì không muốn « mang tiếng bất trung bất hiếu », làm « điểm nhục cho ông cha », nên cứ đề cho tấm thân lưu lạc. Qua nhiều gian nan, mới đến chỗ bị đầy là Giang-Châu. Tại đây, Tổng-Giang gặp vị quan giữ tội phạm là Tiết-Cấp Đái-Tông, vốn là bằng hữu của Ngô-Dụng, Đái-Tông hết lòng nuôi dưỡng, giúp đỡ Tổng-Giang. Cũng tại đây, Tổng-Giang lại gặp được Hắc-Triển-Phong Lý-Quy. Nào dè một ngày kia, nhân lúc một mình du ngoạn nơi Tân-Dương-Lầu, rượu ngà ngà say, Tổng-Giang bèn cao hứng đề một bài phản thi trên tường, rồi vì đó mà mang đại họa, bị quan phủ lên án tử hình. Đái-Tông cũng bị liên can. Vừa lúc hai người bị đưa ra pháp trường hành quyết, thì bọn anh hùng Lương-Sơn-Bạc đến kịp cứu thoát. Từ đây, Tổng-Giang mới chịu lên Lương-Sơn-Bạc. Ở được một độ, Tổng-Giang vì quá nhớ cha là Tổng-Thái-Công, nên mạo hiểm về thăm nhà. Thời may, gặp em là Tổng-Thanh mới hay nhà cửa đã bị quan binh ngày đêm canh chừng rất nghiêm ngặt, Tổng-Giang bèn vội vã quày gót trở đi. Nhưng quan binh đã biết được tin, phân quân rượt theo rất gắt. Trong lúc nguy cấp, Tổng-Giang chạy vào một tòa cò miếu để ẩn mình. Nhờ thần lực của Cửu-Thiên Huyền-Nữ che chở, Tổng-Giang thoát được nạn lớn, còn được Huyền-Nữ Nương-Nương ban

cho ba quyền thiên thơ. Vừa ra khỏi miếu thì gặp bốn anh hùng Lương-Sơn-Bạc, Lý-Quy, Lưu-Đường... đến cứu, đưa Tống-Giang và cả gia quyến lên núi.

Đến đây, Tống-Giang mới chánh thức thành người của Lương-Sơn và được anh em đưa lên ngồi ghế giao ý thứ nhì, bên cạnh Triệu-Cái.

Từ đây, thế lực của Lương-Sơn-Bạc ngày càng thêm mở rộng, nhiều lần đánh phá thành công các kho lương, các dinh trại của quan binh và cường hào, thồ phiệt, lấy tiền của, lúa thóc, vải sớ phân phát cho dân nghèo. Dân chúng các nơi đều nhiệt liệt hoan nghinh và ủng hộ Lương-Sơn-Bạc.

Đến sau, Triệu-Cái đánh Tăng-Đầu-Thị, bị tên mà thác, Tống-Giang được anh em đưa lên làm thủ lãnh.

Lo sợ trước uy thế càng ngày lớn mạnh của Lương-Sơn-Bạc, triều đình nhiều phen sai binh tướng thảo phạt. Nhưng lần lượt trước sau, các danh tướng như Hồ-Diên-Chước, Quan-Thắng, v.v... đều hiểu được việc làm quang minh chính đại của nhóm Lương-Sơn, mà bỏ triều đình về với Thủy-Bạc.

Hào kiệt tứ xứ mỗi ngày nhập bọn thêm đông, trong số đó, nổi danh hơn hết là Ngọc-Kỳ-Lân Lư-Tuấn-Nghĩa, người Bắc-Kinh. Người này vốn là một vị đại viên ngoại, vô cùng giàu sang,

bản thân rất thích võ nghệ, mà tài còn bằng quả là thiên hạ không hai. Tống-Giang và nhóm anh hùng Lương-Sơn đã phải tốn rất nhiều mưu kế và công phu, còn Lư-Tuấn-Nghĩa cũng trải qua vô số hiểm nạn, cuối cùng, mới đánh lui được quan binh, cứu Lư-Tuấn-Nghĩa đưa về Lương-Sơn, đưa lên ngồi ghế giao ý thứ hai, cạnh Tống-Giang.

Sau đó, nhóm Lương-Sơn đánh được Tăng-Đầu-Thị, trả thù cho Triệu-Cái, và giải thoát được một số dân lành.

Bảy giờ, đã đủ 108 vị anh hùng. Tống-Giang bèn cùng anh em chọn ngày lành tháng tốt, tế trời đất, dựng nghĩa kỳ, nêu cao « THẾ THIÊN HÀNH ĐẠO ». Bỗng đâu, nghe tiếng nổ vang, anh em chạy lại thì thấy hiện ra một tấm bia đá lớn, ghi rành rạch tên hiệu 36 vị thiên cang và 72 vị địa xác.

Nguyên bản đến đây là hết. Nhưng có bản còn thêm 71 hồi sau, chép việc cha con Trần-Hi-Chơn và Trần-lệ-Khanh (phụ nữ) phụng chỉ dẹp giặc Lương-Sơn, bắt được 108 vị anh hùng, đem ra pháp trường chém sạch. Thật tế, đoạn sau này chỉ là chuyện bịa, và vốn là « Đàng khấu truyện », chứ không phải truyện Thủy-Hử, như có người nhận lầm.

✽

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Thống nhất « THOẠI »

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

LỜI NÓI ĐẦU. — Bài này vốn là hai chương trong tập cổ văn, có tánh cách giáo khoa, tập « Chiêu hồn » và « Tiếc thay duyên Tấn phạn Tần » của Nguyễn-Du do chúng tôi giới thiệu, chú thích và bình giải; chúng tôi có lược bỏ vài câu, đôi đoạn cho hợp với một bài báo. Và bài này đã được rao ở Bách-Khoa, từ số 1, ngày 15-1-1957, (nghĩa là cách đây đến 15 tháng), và sẵn sàng để đăng vào số 2. Nhưng lại không đăng vì nhà xuất bản tỏ ý muốn giữ « hương vị đầu mùa » cho tập sách: sách sắp in. Chúng tôi chiều theo ý muốn của nhà xuất bản. Song mãi đến nay, vì nhiều lý lẽ, sách kia vẫn còn nằm trong bản thảo, mà chúng tôi thấy có bổn phận cho ra mắt những ý kiến mình về một vấn đề liên quan mật thiết đến văn học và giáo dục nước nhà. Nhà xuất bản cũng thấu hiểu « nỗi lòng » của chúng tôi, nên phá lệ nhà mình. — Chúng tôi xin có lời cảm ơn; và mong rằng những ý kiến dưới đây, tuy phải để trên 15 tháng mới ra mắt độc giả, cũng chưa lỗi thời và mong sẽ được nhiều tiếng vang, nhất là trong giáo giới.

I. — VẤN ĐỀ « THOẠI »

THÁNG sáu dương lịch năm nay (1956), vụ kiện Trê-Cóc của thời đại xảy ra vừa đúng ba mươi năm. Một phần ba thế kỷ đã qua mà vụ kiện cứ kéo cù cưa, chưa ngã ngũ ra sao cả. Đó là vụ tìm cha và giành cha cho bản dịch « Chính phụ ngâm ».

Tất cả những nhà học giả hoạt động trong vụ này đều có công lớn đối với văn học nước nhà, và họ đều đáng cho ta kính phục vì công phu to của họ và vì sự thành thật của họ.

Nhưng quanh vụ kiện, nổi lên hai điều đáng tiếc.

Điều thứ nhất là những đám « đánh hôi ». Đó là những bài báo viết đề

binh vực phe này, đả kích phe nọ, viết với thiên kiến rõ rệt khiến cho lòng người, đang hoang mang vì một vụ rắc rối, càng mờ thêm vì nhân dục.

Điều đáng tiếc thứ nhất kéo theo khả hận thứ nhì, tai hại rất lớn, là : mắng bần cãi về tác giả của bản dịch, người ta đâm ra quên lửng trọng tâm chánh của mỗi lo nghĩ. Làng văn quên, giáo giới cũng quên, còn học sinh và sinh viên thì đành phải diên đầu.

Việc quan trọng bị bỏ quên ấy là vấn đề « *thoại* ».

Thoại là gì ?

Ông Hoàng-Xuân-Hãn đã mượn danh từ Nhật-bồn ấy để dịch tiếng « *version* » của Pháp mà trước kia ta tạm dịch bằng danh từ *bản*, không đúng.

« *Version* » là gì thì chắc ai cũng biết, nhưng chúng tôi cũng xin giải sơ lược ra đây :

a) Thường thường những bài văn truyền khẩu hay bị sửa đổi, nên mỗi người đọc bài văn ấy mỗi khác, tức là mỗi người có mỗi thoại riêng.

b) Những áng văn cổ, bị « *tam sao thất bản* » nên cũng lưu lại nhiều thoại khác nhau, tùy theo người sao. Trường hợp thứ nhì này xảy ra gần như là kinh niên ở xứ ta vì cái tật bất tri của ta là ưa sửa văn người khác với tham vọng làm hay hơn bản cũ.

c) Một tác phẩm được xuất bản rồi, lắm khi chính tác giả nó sửa lại, rồi cho tái bản. Mặc dầu không bị « *tam sao* », tác phẩm ấy cũng có hai thoại.

Vậy thoại là lối chép một văn phẩm (theo định nghĩa của ông H.X. Hãn).

Biết chắc ai là tác giả hoặc dịch giả của một văn phẩm cũng là điều hay thật đó. Nhưng điều hay ấy chỉ hay một cách tương đối thôi.

Trong khi một áng văn có hơn chục thoại, thì trọng tâm thật của mỗi lo nghĩ ta phải là thỏa thuận với nhau để chọn lấy một thoại độc nhất cho khỏi rối trí người đọc và khổ sở thêm học sinh.

Hiện nay tác phẩm cổ nào của ta cũng có nhiều thoại. Lấy quyển « *Chinh phụ ngâm* » làm thí dụ.

Tất cả các bản in quốc-ngữ đều khác nhau, không khác nhiều, cũng khác vài mươi chữ.

Tai hại của sự bất nhất kia là đây : học sinh trường A, học :

Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao,
còn trường B thì học :

Gieo Thái-sơn bằng độ hồng-mao,

Nếu ông giám khảo lại hỏi nghĩa chữ *nhữ* trong thoại :

Gieo Thái-sơn nhẹ nhữ hồng-mao
thì có phải là chết cử tử hay không ?

Trong khi ấy người lớn muốn giải buồn, người thì ngâm :

*Nước có chảy mà phiền chẳng giả,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*
kể lại ngâm :

*Nước có chảy mà phiền khôn rửa,
Cỏ có thơm mà nhớ khó quên.*
kể khác lại :

*Nước trong chảy, lòng hiền chẳng rửa,
Cỏ xanh thơm, dạ nhớ không quên.
Có phải là lộn óc người ta hay không ?*

Giá trị thật của một bản in cò văn là thoại. Bình-chú, giảng luận, vân...vân... chỉ là phụ thuộc thôi, dầu bản in ấy dành riêng cho học sinh cũng vậy.

Nên chi, trong khi chưa có thoại thống nhất, những bản in cò văn nào được hiệu đính một cách khoa học, thì bản ấy được tín nhiệm. Nói rõ là : *hiệu đính một cách khoa học*, chớ hiệu đính hàm hồ thì cũng chẳng còn giá trị gì.

Nếu vì lẽ gì mà người soạn sách không tiện hiệu đính, sách của họ cũng vẫn được tín nhiệm, nếu họ *chịu nói rõ xuất xứ của thoại mà họ dựa theo*.

Cho dầu soạn giả làm, dùng thoại không đúng, người đọc cũng tha thứ được, vì nhờ thế, ít ra người đọc cũng được *biết chắc* rằng thoại họ đang đọc là sai.

Những bản in không đã động lai lịch của thoại, bị nghi ngờ và làm cho người đọc hoang mang, khó chịu vô cùng.

Và có nói rõ căn nguyên của thoại mình, các học giả mới cân nhắc mà thống nhất thoại được, việc thống nhất này cần thiết và cần kíp biết bao, như ta vừa thấy trên, thấy sự lộn xộn do tình cảnh nhiều thoại gây ra.

II.— VÀI Ý KIẾN NHỎ VỀ VIỆC THỐNG NHẤT « THOẠI »

Thống nhất thoại phải là một công việc tập thể của nhiều khuynh hướng để tránh áp bức của một bản in nào đó.

Và quyết định của ban nghiên cứu thống nhất phải được bộ *Quốc-gia Giáo-dục* nhìn nhận và toàn thể đồng bào biết đến. Nếu không, các trường sẽ tiếp tục dùng nhiều thoại khác nhau, và quyết định trên không được thi hành.

Văn nghệ sẽ tự do hết sức, ai muốn tin theo thoại nào thì tin, ai thích thoại nào cứ đọc, nhưng bộ *Giáo-dục* không thể rộng rãi như vậy được, vì có hại cho học sinh. Các trường sẽ chỉ dùng những bản in nào mà thoại là thoại vĩnh viễn, từ quyết định của ủy ban trên mà ra.

Ủy ban nghiên cứu thống nhất thoại sẽ làm việc với *tinh thần* nào và theo phương pháp nào ?

Trước hết, xin loại trừ nguyên thoại ra không nói đến nó nữa, vì nếu còn nguyên thoại thì đâu có chuyện thống nhất, mà sự còn ấy, thật ra, không có.

Ủy ban phải hết sức khách quan, không vì thích riêng thoại này hay thoại nọ mà bình vực nó.

Ủy ban cũng không được phép bình vực *thoại* hay. Lý lẽ hay đứng không vững ở đây. Thoại X hay hơn thoại Z, đành là thế, nhưng thoại X có phải là thoại gần nguyên thoại nhất hay không ? (tức là ít bị sửa chữa nhất, tức là của tác giả nhất).

Trừ phi khi ta nhìn nhận nguyên tắc sửa áng văn một cách tập thể, thì muốn sao cũng được, chớ nếu còn nhìn nhận tác giả áng văn ấy, thì áng văn là của tác giả, dầu có thoại mới hay hơn mười mươi cũng mặc, không dùng đến được.

Mục đích ta là tìm ra áng văn của ông A, ông B chứ có phải làm áng văn tương tự, và hay hơn đâu.

Trên đây là tinh thần làm việc của ủy ban.

Còn phương pháp làm việc thì cố nhiên là phải khoa học rồi, không còn ai chối cãi nữa được.

Nhưng cũng thỏa thuận nhau về cái tinh từ khoa học này.

Thế nào gọi là khoa học ?

Một bản Nôm giấy cũ, có thể gọi là rất cổ được chăng ? Bề ngoài của sự cũ, mới, thật là gặt găm. Nếu không có phương pháp cụ thể đo mực cũ của nó thì cũng không thể xét đoán mà không sai.

Tất cả công việc của ủy ban, có thể chia ra năm phần :

- a) Tìm ra cho thật nhiều thoại.
- b) Tìm xuất xứ các thoại ấy.
- c) Định sự trước sau của các thoại, rồi lấy thoại cổ nhất.
- d) Hiệu đính thoại cổ nhất đó nếu có thể được.
- e) Nếu không thể hiệu đính, thì dùng nguyên vẹn cái thoại cổ nhất ấy, tức là thoại gần nguyên văn nhất.

Cả bốn công việc đầu đều rất khó. Nhưng khó nhất là hiệu đính.

Vì làm cho xong, không khó, mà khó là làm cho khỏi lầm.

Thường thường ta thấy vài học giả hiệu đính « *Chinh-phụ-ngâm* » hay chưa ở dưới :

« Chúng tôi thấy chữ X sai nghĩa với Hán-văn, nên đổi lại là Y ».

Làm như vậy tức là biến hình sự thật rồi.

Chữ X quả sai nghĩa thật, nhưng dịch giả đã dịch sai như vậy thì trên đời này không một ai có quyền sửa đổi cả. (trừ phi khi nào bản dịch ấy là một công trình tập thể). Ta phải dùng nguyên vẹn bản dịch, hay là chê nó dở mà không dùng, chỉ có thế thôi, ta không quyền sửa đổi một cái phết nhỏ. Nếu ta giỏi hơn thì cứ việc dịch lỗi khác, và người đời sẽ truyền tụng bản dịch của ta.

Có nhà học giả lại dung hòa nhiều bản khác nhau, đúc lại làm một thoại, lấy chữ hay ở bản này ráp với chữ hay ở bản khác.

Văn chương không phải là *sáp* mà *nhập* ba bốn làm một rồi nhồi nắn lại.

Làm như thế càng đi xa nguyên thoại hơn bản nào hết, và tức là một mình dám đảm đương công việc tập thể của nhiều thế hệ.

Công trình tập thể cũng hay. Nhưng tác giả không cho phép bao giờ, ta không nên làm. Phương chi, ta có một mình, chứ không phải đông người của nhiều thế hệ, sao cho đủ thẩm quyền.

Lỗi làm việc ấy rất tai hại vì nếu ta có quyền sửa, thì người sau ta cũng có quyền sửa, và càng ngày càng thêm lầm thoại ra (1).

(1) Người ta cứ viện lẽ rằng cổ văn là của chung rồi mạnh ai nấy nhuận sắc. Đành rằng đó là của chung dân tộc. Nhưng chỉ chung đến mực nào đó thôi. Mặc tình cho ta in, ta sử dụng, không ai đòi hỏi bản quyền gì cả. Bấy giờ ta lại áp nhau mà nhuận sắc thì thà là đừng đề tên tác giả còn hơn, xem nó như là ca dao vậy.

Nếu ta không trồng một hàng rào bảo vệ mấy nguyên tắc nói trên thì ngày kia các bản cổ văn sẽ đi xa vạn dặm.

Người hiệu đính không nên vượt ra khỏi phạm vi của mình. Nếu không có bằng cứ rằng bản văn chép sai thì không được sửa chữa gì cả, dầu gặp câu văn dở, câu dịch sai, đáng cho ta bực mình cũng phải ôm bụng chịu.

Trên đây chỉ là ý kiến của chúng tôi, mong được nhiều người bài bác, và tha thiết mong bài này sẽ được hân hạnh chiêm ngời phong trào thống nhất thoại.

Phong trào này cấp bách hơn cả phong trào thống nhất thổ âm, thổ ngữ.

Xin nhấn lại là công việc phải tập thể.

Cái tập thể này sẽ đánh đổ được cái tập thể sửa danh văn của cổ nhân, cái tập bất trị nó đã làm khổ trí ta ngày nay.

Thủ-đo nước Việt, cuối mùa mưa năm 1956

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

(2) Chúng tôi tưởng cần chép lại những dòng này của Vũ-Ngọc-Phan :

« Đến nay chưa có quyền quốc văn hợp tuyền « nào biên rõ những bài văn cổ trích ở đâu ra, ở « sách in hay ở sách viết, sách chữ nôm hay sách « quốc ngữ. Ngày nay là lúc ta cần phải biết những « bài văn cổ xuất xứ ở bản nào để so sánh, kiểm « diểm, họa may mới giữ cho đúng được « nguyên văn ».

Mười lăm năm sau, đọc lại những dòng trên đây của tác giả « Nhà văn hiện đại », chúng ta thấy điều nhận xét của tác giả vẫn còn đúng, và điều tác giả mong mọi công vẫn còn là điều chúng ta mong chờ.

Danh ngôn, danh lý trong số này quý về ý chính :

NHIỆM VỤ CỦA MỖI NGƯỜI, KHI ĐÃ LÀ NGƯỜI

TỰ CHẾ, KHẮC KỶ

I. — CƯƠNG QUYẾT

★ Lúc nhỏ khí huyết chưa sung túc, phải giữ gìn sắc dục ; lúc lớn khí huyết đang hăng hái, phải giữ gìn việc tranh đấu ; lúc già khí huyết đã suy kém, phải giữ gìn việc tham lam.

LUẬN-NGŨ

★ Kẻ có tài cao, tất có tình dục nhiều ; có tài cao và có tình dục nhiều mà không có đạo đức hơn người để tự kiểm chế thì chỉ làm tội tở tình dục.

LƯƠNG-KHẢI-SIÊU

BÁCH-KHOA SỐ 1 đã được in lại

Đáp lại lòng tin yêu của các bạn đọc thân mến thường ngỡ ý muốn có trọn bộ Bách-Khoa từ số 1 đến số mới, Tòa-soạn Bách-Khoa đã bắt đầu cho in lại số 1, và sẽ tiếp tục cho in lại dần dần các số sau mà Tòa-soạn đã hết hoặc còn rất ít.

Vậy những bạn nào hiện thiếu số 1 hay các số sau, xin liên lạc ngay với Tòa-soạn Bách-Khoa (hộp thư số 339) để tập Bách-Khoa của bạn chóng được đầy đủ mọi số.

Hộp thư Bách - Khoa

- Ô. PHAN-KHOANG: Đã nhận được « Chế độ Phong Kiến » sẽ đăng trong những số tới.
- Ô. NGÔ-CƯỜNG: Đã nhận được « Sư Vạn-Hạnh ». Đương xem.
- Ô. THANH-Ý: Đã nhận được những vở kịch của ông. Đương xem.
- Ô. VÕ-ĐOAN, Chợ lớn: Đã nhận được Lý-hồng-Chương và Bismark cùng mấy bài thơ dịch. Đương xem.
- Ô. NGUYỄN-TRUNG: Đã nhận được Joshua Reynolds.
- Ô. KIÊM-ĐẠT: Đã nhận được « Ô. Bạch-Thái-Bưởi ». Sẽ có thư riêng để góp ý kiến với Ông về bài này.
- Ô. NGUYỄN-TỬ-QUANG (Bạc Liêu): Đã nhận được thêm « Tiến hóa luận » của ông. Xin sẽ có thư riêng để góp ý kiến với ông.
- Ô. NGUYỄN-ĐỒNG (Cần thơ); Đã nhận được « Trương-Vĩnh-Ký » của ông sẽ đăng vào một số gần đây.

Đã nhận được « Thơ » của các bạn: Đỗ-Tấn, Diên-Nghị, Mạc-ly-Châu, Vũ-Quỳnh-Bang, K. C Thanh - Trung, Ô. Thuần - Phong, Xuân - Hương, Chương-Vũ, Xuân-Huy, Thái-hoàng-Thị, Vân-Diên, Trần-tinh, Diệu-Anh, Hồng-Xuyên, Kim-Tuấn, Tạ-Ký, Diệu-Thanh, Chế-Vân, Nguyễn-Hữu, Nam-Ngọc, Mai-Đình, Xuân-Như. Sẽ xin lựa đăng dần dần.

— Cùng các bạn gửi « Thơ ». Vì thể tài của tờ báo nhỏ hẹp mà số « Thơ » các bạn gửi đến quá nhiều, nên Bách-Khoa không thể đăng ngay mọi bài của các bạn được, vậy mong các bạn thông cảm mà lượng thứ cho.

TIN HỘI HỌA

Phòng triển lãm hội họa của các họa sĩ Lê-thị-Quang, Tôn-nữ Thượng-Khanh, Đào-sĩ-Chu, Ngọc-Dũng, Vị-Ý, Thái-Tuấn, Duy-Thanh đã khai trương ngày 15-4-58 tại phòng Thông-Tin đường Tự-Do.

NHỚN NGÀY GIỖ THỨ 22
NGUYỄN VĂN-VĨNH TIỀN SANH



NGUYỄN - VĂN - VĨNH

(1882 - 1936)

Người có công to với nền
Quốc-Văn lúc mới phôi thai

TÁN-FONG-HIỆP

Ngày 1 tháng 5 năm 1936, ở nước
ta, ghi hai kỷ niệm :

— Phong trào *Đông-dương đại hội* làm
sôi nổi bầu không khí chánh trị và đem
lại cho giới lao động ý thức rành rẽ
về quyền lợi và nhân phẩm của mình
cùng những tự do căn bản của con người.

— Cái chết âm thầm của nhà văn kiêm
nhà báo kiêm nhà tìm vàng *Nguyễn-Văn-
Vĩnh* giữa núi cao, rừng rậm, trong chiếc
thuyền con đang phăng phăng rẽ nước
ở quê người : lời tiếc thương, mến phục
khắp nước đã làm ấm lòng ba kẻ mất
một người cha : bác sĩ *Nguyễn - Hải*,
họa sĩ *Nguyễn - Giang*, thi sĩ *Nguyễn-
Nhược-Pháp*.

Gặp nhau chỉ một lần, cùng nhau chung
một chuyến xe, rồi mỗi tương tri kết
chặt đã khiến người chí sĩ bốn ba góc
biên chân trời phải chôn chân tại bờ
một con sông lơ lửng, gởi trong mấy
hàng sau đây cảm tình nồng hậu đối với
nhà văn, nhà báo, nhà chánh trị phải bỏ
mình vì mạo hiểm quê người.

« Ngày tôi — *Phan - Bội - Châu* —
mới về Huế, được gặp ông chủ báo
« *Trung-Bắc* » vào Huế thăm tôi, cùng
một xe với tôi đi thăm cửa Thuận. Xe
nhà ông, ông cầm lái ; nhân duyên
xa lạ chưa trải bao nhiêu mà đường
lối Bắc, Nam chốc thành vĩnh biệt, tôi
đau cảm quá nên có mấy hàng chữ điệu
ông :

I.— Duyên tương tri nhớ trước
mười năm, xe tự do chung lái, sóng
biển vui tai, mộng hồn há lẽ hững hờ,
quang cảnh còn in mấy Thuận-tần ;

Tài bác học trôi trong hai nước, đôn
ngôn luận phát cờ, làng văn nở mặt,
công nghiệp tuy còn lỗ dờ, thanh âm
từng giọt gió Ba-lê.

II.— Văn học dục an chi, y ngô hữu
ngũ châu tân nảo, kim khánh bất lằng
huyền khởi hữu như kim sơn, năng
đoạt ngã tài nhân dĩ khứ ;

Hải đào do tục dã, ức lão phu thập
tải liên duyên, xa thanh y cựu họa, hà
đương tái xa lập, đồng dữ nhi tạo hoá
giả du ».

Tư tưởng, hoạt động cùng khí khái
của người xấu số được tác giả « Với
sơn hà », thi sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-
Khải gói ghém gần đầy đủ trong
hai câu đối khốc người cùng một
lửa.

« Mấy mươi năm xoay trở một trò
đời, nào khi vào nghĩa đảng Đông-kinh,
lúc từ hay chương Bắc-dầu, khi hò hét
Ấu-Tây tư tưởng, lúc giảng diễn Niên-
lịch thông thư, vang lừng giọng nói câu
vần, nóng lạnh trái tim, dậy nấp quan
tài chưa hẳn định.

« Bao nhiêu bạn đi về cùng lớp trước,
nay đã Thượng-thư, Tổng-đốc, kẻ còn
Tân-đảo, Côn-lôn, người ca tụng Pháp-
Việt đề huê, kẻ theo đuổi quân dân hiến
pháp, rộn rịp đường ngang lối dọc, sang
hèn cuộc thế, trông chừng dân nước
vẫn đang say. »

Nhắc công người chẳng còn, buồn cho
lớp sẽ tới, nhà mô phạm Lê-Thước nhờ
hai mươi tám chữ :

« Đồng bào hai mươi triệu thơ ngây,
chỉ lối đưa đường nào mấy kẻ ;

« Tò quốc bốn nghìn năm cũ kỹ, to
son diêm phẩn biết rày ai ? »

Công nghiệp ấy, chí khí kia, còn có
nhà nho Mai-Đặng-Đệ nhắc :

« Rút ruột một tấm trả nợ non sông,
nào Đồng-văn, nào Đặng-cổ, nào Đông-
dương tạp chí, nào Trung-Bắc tân văn,
giấy trắng bao lần hoen máu đỏ ;

Vững cột đá chống cơn sóng gió, khi
ngoài Bắc, khi trong Nam, khi đấu xảo
Mạt-xây, khi băng rừng Vạn-tượng,
lòng son rắp những óa trời xanh ».

Ông Hoàng-Song-An tiếc kẻ « mở
đường » hàng trước nhất :

« Phát bình dân sau đó đã là ai ? danh
làm chi mà lợi nữa làm chi ? bề rộng
sông dài, ngọn bút vẩy vùng tay chí sĩ.

« Đường giúp nước mỗi người riêng
một ngã, thời khó nhĩ mà tài khó nhĩ !
chuông khua trống giống, đèn văn nhớ
tiệc tướng lên phong. »

Ngậm ngùi hơn hết, có lẽ là hai câu
viếng của « Khuyến học tuần báo » :

« Đàn văn vùng vầy, già nửa trăm
năm, óc gan Ấu Á chen đua, đầu bạc
còn treo gương mạo hiểm ;

« Đất khách xa xăm, ngoài nghìn muôn
đậm, đường lối Ngô Lào lặn dận, non
vàng khôn chuộc dấu liên tri ».

Mà an ủi nhất, có lẽ là điều nhận xét của cụ Dương-Bá-Trạc :

« Mạng vậy biết làm sao, tài trí thông minh trời vẫn ghét ;

« Danh kia còn thọ chán, văn chương sự nghiệp đất không vui ».



Sự nghiệp văn chương của ông, đất khôn vui được ; mà người Việt không bao giờ quên câu bất hủ của ông, một câu nói đầy tin tưởng ở sức sống của giống nòi, ở khả năng của chữ Việt, ở tương lai phải rực rỡ của thứ quốc tự còn chấp chứng này, khác nào chú bé con chưa rời vú mẹ giữa cụ già quắc thước là chữ Tàu và cậu trai dũng mãnh là chữ Tây.

« Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ. »

Nói một câu lịch sử như thế, rồi chẳng buồn mặc cho những tình cờ của lịch sử đưa nó tới đâu thì tới, mà đem cả sức, cả tài, cả chí mình để mà góp phần làm cho nó phải là một câu lịch sử. Và ông để vào đó gần trọn một đời ông.

Làng báo miền Bắc nước Việt đã kính ông như vị thi tổ của báo giới Bắc-hà, một thi tổ nhiệt thành và quả cảm.

Làng văn nước Việt đã trọng ông như một người có công to với quốc văn : lối văn nghị luận nhờ ông phần lớn mà rạch ròi giản dị, lối văn dịch thuật nhờ ông mà được đồng bào dễ ý và thêm tin tưởng những cái « có thể » của tiếng nước nhà, « Đông-dương tạp chí » do ông chủ trương, một cơ quan văn học

có uy thế, lúc quốc văn đang còn ở vào thời lặn bước, đã gây được phong trào tin yêu tiếng mẹ trong lớp thanh niên tân, cựu học bấy giờ.

Giới chánh trị còn nhớ con người uết mặt răn rồi mà vui vẻ, đi đứng nhanh nhẹn, nói năng bất thiệp, biện luận hùng hồn, con người vóc vạc trung bình mà mập mạnh ấy đã từng được đồng bào miền Bắc tín nhiệm cử làm đại biểu mấy phen, người ấy đã hết lòng bình vực quyền lợi đồng bào — nhất là giới bình dân —, đã từng chủ trương chánh sách Pháp-Việt cộng tác, bàn về Đông-dương tự trị, xướng thuyết trực trị để chống lại thuyết lập hiến của Phạm-Quỳnh, chống lại chế độ bảo hộ ở Trung và ở Bắc.

Những ai yêu nước thương nòi làm sao quên được người dạy tiếng Pháp và diễn thuyết bằng tiếng Việt tại trường « Đông-kinh nghĩa-thực », người Việt thứ nhất vào hội Nhân-quyền đã cùng bốn người Pháp chẳng thực dân ký đơn xin Chánh phủ ân xá cụ Phan-Chu-Trình, để được một ông quan tai to mặt lớn nào đó đòi đến mà ban cho hai câu... bất hủ : « Ở Côn-lôn còn rộng chỗ !... Chú hãy liệu lấy ! » Phải, «chú» hãy liệu lấy, vì trước đó, người cầm bút can đảm này đã chẳng dịch và đăng vào phần Pháp-văn của tờ « *Đấng cồ tồng báo* » bức « **Đầu Pháp chính phủ thư** » là gì ?

Càng không quên ông hơn nữa là khi bao người chạy đầu này, chột chỗ kia để ngực mình tòn ten cái kim tiền, kim khánh, bài ngà, mề đay, cái Hàn-lâm chi chi, cái Hồng-lô gì đó, để mà lên mây lên mặt với ai ai, thì ông đã không nhận huy

chương « Bắc-đầu bội-tinh » mà chính Chánh phủ Pháp ban cho.



Về con người chánh trị của Nguyễn-Văn-Vĩnh, nhiều người cho rằng lập trường ông không mấy vững, và do đó mà sự nghiệp ông về chánh trị chẳng có gì đáng kể. Nhưng ngàn người như một đều công nhận sự nghiệp làm báo và dịch văn của ông.

Như Phan-Chu-Trinh, ông sớm thấy rằng dùng bạo lực để đòi lại độc lập cho nước nhà chỉ làm cho nước nhà thêm tan nát, nên ông chọn con đường văn hóa. Khí giới của ông, ông thiết tha mài cho sắc, nhọn. Ngòi bút ông chuyên găm đủ các loại văn, mà loại nào cũng trên cái trung bình.

« Một tấm lòng, một ngọn bút, một tờ báo », còn sức mạnh nào hơn, hẳn ông đã nghĩ thế,

Nên đúng mười năm làm công chức cho người — dù là công chức được biệt đãi —, năm 1906, sau khi đi dự cuộc đấu xảo ở Marseille về, nghĩa là sau khi thấy tận mắt cái văn minh Tây phương, ông bèn từ chức. Từ đó, ông không còn là một đơn vị bị động của guồng máy cai trị thực dân, mà là một phần tử hoạt động, tích cực hoạt động cho nghề văn nghiệp báo nước nhà.

Hết sớm vác ô đi tối vác về, ông bước ngay vào đời kinh doanh. Theo ngành ông thích. Ngành ăn loát.

Nhà in tư nhân đầu tiên ở Bắc chào đời, do sự hợp tác của ông và một người Pháp, ông Dufour.

Chủ nhà in với chủ nhà báo vốn thường đi đôi. Mà đó là sở nguyện của ông, người thông Hán học lại rành Pháp văn và thiết tha với tiếng Việt.

Khi dịch sách Pháp, lúc dịch văn Tàu, khi chủ trương báo Tây, lúc điều khiển báo Việt, ông xứng với vai trò của kẻ đi tiên phong, ông vui chịu nhọc nhằn của người khổ vì « đạo ».

Năm 1907, năm ông vừa hăm lăm tuổi, tên Nguyễn-Văn-Vĩnh xuất hiện trên trường văn trận bút, và đứng mãi trên đàn ngôn luận, trót ba mươi năm, cho đến ngày nhắm mắt. Những bút hiệu sau đây cũng được người đọc nhớ ghi: Tân-Nam-tử, Múi-tết-tử, Lang-già, Tồng già, Đào-Thị-Loan, mà ông ký tùy theo thể văn ông viết.

Bảng liệt kê này cho ta thấy sức hoạt động của ông về mặt báo chí.

1907.— Chủ bút tờ « *Đăng cổ tùng báo* », phụ phần tiếng Pháp với nhan « *Tribune indochinoise* » (số đầu ra ngày thứ năm 28-3-1907; tờ này vốn tờ báo trước nhất ở Bắc đổi tên, tờ « *Đại-Nam đồng văn nhật báo* »).

1908.— Chủ trương tờ « *Notre journal* ».

1909.— Chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ « *Notre revue* ».

1910.— Chủ bút tờ « *Lục tỉnh tân văn* » ở Nam, do ông F.H. Schneider sáng lập.

1913.— Chủ bút tờ « *Đông-dương tạp chí* » ở Bắc, cũng do ông F.H. Schneider sáng lập.

1915.— Chủ bút tờ « *Trung-Bắc tân văn* », mỗi tuần xuất bản ba kỳ, cũng do ông F.H. Schneider làm chủ nhiệm.

1919.— Kiêm luôn chủ nhiệm, xuất bản hằng ngày, vẫn giữ tên « *Trung-Bắc tân văn* ».

— Tờ « *Nam học niên khóa* » biến thành tờ « *Học-báo* » được các trường dùng; tờ này vốn do ông hợp tác với ông Trần-Trọng-Kim, ra đời từ năm 1916, mục đích là giúp các giáo chức có đủ tài liệu dạy và đặt phương pháp mới dạy chữ quốc ngữ.

1931.— Chủ trương tờ « *Annam nouveau* ».

Điều đáng ghi là óc thực tế và canh tân của ông đã khiến ông đề xướng việc cải cách chữ nước nhà để tiện lợi nghề ấn loát. Chúng ta hãy đọc lại đoạn này của Hồ-Lân-Trình nhắc lại đề nghị của Tân-Nam-tử (1).

« Muốn cho chủ và thợ nhà in áp dụng những tiến bộ về kỹ thuật ấn loát cho chữ Việt, thì phải cải cách chữ viết thế nào cho có ít dấu chữ chùng nào hay chùng nấy. Đi từ ý này và đưa ý đó đến chỗ cùng tột, Nguyễn-Văn-Vĩnh đề nghị hạn chế các dấu chữ lại còn có hai mươi sáu: đó là số người Anh dùng. Như vậy bất cứ máy sắp chữ mua ở thị trường nào trên thế giới cũng có thể « phụng sự » chữ Việt được. Nhưng mà làm sao để nhốt bảy mươi hai nguyên âm Việt vào trong phạm vi chật chội của

lấy nguyên âm Anh? Nguyễn-Văn-Vĩnh bèn đề nghị hai ước lệ: thay thế một số nguyên âm bằng những nguyên âm đôi và đánh dấu giọng thấp cao bằng những phụ âm không ở cuối vần mà người sẽ đề ở chót tiếng.

« Người chủ xưởng cò động đề nghị của mình bằng lời thuyết phục và bằng việc làm. Song sự cải cách văn tự của ông không thể thâu nhiều kết quả, vì một lẽ dễ hiểu: chánh phủ thực dân chẳng hề nâng đỡ. »

Trong tờ « *Trung-Bắc tân văn*, mỗi ngày ra một số, mỗi số hai xu », số 4880, ra ngày chủ nhật 2-7-1933, chúng tôi được thấy tên mục: « *Haif damf* », tên tác giả mục này: *Hif-dinhf Nguyễnw-va'n-Tôi*, mục « *Tin thêz-thao* », cái khung đựng mấy chữ:

KUOCQ-NGU'W MO'IQ

ă ơ ư thì viết a' o' u'
đ viết d, đ viết y, q viết k.

Na'm yâuq:

sa'cq, huyênf, na'ngj, hoiz, ngaw.

q f j z w

Và ở số ra ngày 6-7-1933, bài xã thuyết lại mang cái tên:

NANJ KHUNGZ-HOANGZ SEW
COQ NGAYF QUA (đáng lý phải KUA cho đúng với nguyên tắc đã viết).

Đề nghị cải cách của ông chỉ đứng về phương diện tiện và lợi cho nhà in,

(1) Hồ-Lân-Trình. — Sự cải cách văn chữ Việt, trong « Phê bình văn nghệ », tập 1, ngày 8-2-1958

nên sau này — và ngay lúc đó — lắm nhà cải cách khác đứng về mặt âm ngữ học đã nặng lời chỉ trích.

Chữ Việt chúng ta còn lắm phiền hà, rắc rối, phi lý, khuyết điểm. Phải cải cách, ai cũng nhìn nhận là cần; sau ông, có lắm đề nghị khác. Song mãi đến nay — vừa đúng 30 năm — chẳng có gì là thay với đời cả. Ông là người trước tiên đưa ra đề nghị, hô hào cải cách, và thực hành ngay trên báo mình — tự nhiên là thực hành trong một phạm vi hẹp, — hai điều này: *thấy trước, dám làm* cũng đủ chúng ta mến, trọng. Đó cũng vì ông chẳng lúc nào quên rằng hồn nước nằm trong chữ nước:

« Nước Nam ta mai sau hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ »



Dối, mài tiếng nước nhà trên trường ngôn luận, lại thử thách nó trong việc dịch thuật các tác phẩm văn chương và tư tưởng của Pháp, ông đã tỏ ra có đặc tài về điểm sau này.

Và không biết vì vô tình hay do cố ý mà bài đầu tiên của ông đăng ở « *Đông-dương tạp chí* » (số 2, ngày 22-5-1913) lại là một bài văn dịch, mà bài văn dịch này dường như nói giúp cho ông con đường ông đã chọn, công việc ông quyết theo, quan niệm ông về sự « gieo hạt mai sau ».

Trước bài dịch một đoạn văn của *Anatole France*, có lời nói đầu, chúng tôi tưởng nhân đây cũng nên trích lại:

« Mỗi kỳ bản báo lựa văn hay Lang-sa, dịch ra quốc âm một bài, in vào mục này, để cho các bậc tài hoa nước Nam xét cái thần tình văn chương Đại-Pháp, và để gọi là thử chơi xem các tư tưởng Lang-sa mà đem diễn ra Nam âm đúng được đến đâu. Không dám quyết rằng chơi được từng chữ từng ý ».



« Người thì nói xã hội sắp có đại biến, người đợi xã hội sắp có đại biến, người thì đã thấy xã hội có đại biến rồi »

« Đó là cái trí tiên tri cứ hay lắm thế mãi.

« Cuộc sinh trưởng thì tất nhiên thế nào cũng phải có hoán cải; phàm vật gì sống, là hoán cải đi luôn luôn, nhưng mà hoán cải từ từ, ta không trông thấy mà thường không biết ».

« Phàm việc tiến hóa, dù tiến hay dù tiến dở, cũng khoan hòa tuần tự mà tiến. Không bao giờ có được đại biến, từ xưa đến giờ chưa từng có khi nào, là đại biến nhanh, hoặc đại biến thành linh.

« Phàm các cuộc kinh tế trong xã hội hoán cải đi, thì cứ dần dần như sông cạn đá mòn. Trăm việc hiện ra, dù hay dù dở cho ta, việc gì cũng là đáng phải hiện ra làm sao thì hiện ra làm vậy.

« Trình độ xã hội ta ngày nay, là « nhân » những trình độ đến sau, là « quả » những trình độ đã qua rồi. Thời này liên can với thời trước, cũng như thời sau lại liên can với thời này. Sự liên can ấy làm cho định được một

lỗi, còn lâu mới có lỗi khác. Thứ tự ấy làm cho cuộc sinh trưởng được thuận hòa.

« Thế thì không được thỏa những trí hay ưa mới, và những lòng khô héo vị thương người.

« Nhưng mà lẽ thiên địa đã ra như thế. Thì phải chịu một bề chớ biết làm sao.

« Thôi thì lòng ta cứ phấn chấn, bụng ta cứ mơ màng, vì mơ màng phải có.

« Ta cho thế nào là ích, thế nào là hại, thì cứ mà làm, nhưng chớ cậy nên ngay và thần hiệu, mà cũng đừng mơ tưởng có cõi cực lạc đến nơi. Phàm trong cực lạc hay chói mắt lại, hay bị hững hờ. Ta cũng đừng đợi Giờ làm đặc cách.

« Thôi cứ đành đem chút may may phần ta vào việc gieo hạt mai sau, hoặc hay, hoặc dở, ta cũng chẳng trông thấy nào. »



Chúng ta có thể nói: bước chân vào làng văn, là ông tỏ ra thiết tha ngay với việc dịch thuật.

Trên tờ « *Đăng cổ tùng báo* », ông kêu gọi thành lập « *hội dịch sách* », tại hội quán *hội Trí-tri* (ngày 4-8-1907), ông lại hô hào:

(...) « Nước Nam ta muốn chóng bước lên đường tiến hóa thì phải mau thu thái lấy những tư tưởng mới. Muốn cho những tư tưởng mới trong văn hóa Âu-Tây truyền bá khắp trong dân gian, thì phải cần phiên dịch những sách chữ nước ngoài ra chữ Việt-nam (...) »

Rồi ông đứng chủ biên tờ sách « *Âu-Tây tư tưởng* ».

Và đến ngày nay, chưa ai hơn ông về số sách dịch.

Ông dịch chữ Tàu ra chữ Việt, chữ Việt ra chữ Pháp, chữ Pháp ra chữ Việt, ông phiên dịch chữ Nôm ra chữ quốc ngữ; ông dịch truyện có, tiểu thuyết có, kịch có, ngụ ngôn có, sách bình dân có, sách thông thái có, bằng văn xuôi có, mà bằng thơ, cũng có. Thật là cả một sự nghiệp!

I.— Phiên dịch chữ Nôm ra quốc ngữ:

« *Đoạn trường tân thanh* » của Nguyễn-Du.

II.— Dịch ra Pháp-văn, và chú thích:

« *Đoạn trường tân thanh* » của Nguyễn-Du.

III.— Dịch Hán-văn ra Việt-văn:

« *Tam quốc chí* » (cộng tác với Phan-Kế-Bính).

IV.— Dịch Pháp văn ra Việt văn:

1.— « *Thơ ngụ ngôn của LaFontaine* » (Fables de La Fontaine).

2.— « *Truyện trẻ con của Perrault* » (Contes de Perrault).

3.— « *Trưởng giả học làm sang* » của Molière (Le bourgeois gentilhomme).

4.— « *Giả đạo đức* » của Molière (Tartuffe; vở kịch này có 5 hồi, ông mới dịch 2 hồi đầu).

5.— « *Người bệnh tưởng* » của Molière (*Le malade imaginaire*).

6.— « *Người biền lận* » của Molière (*L'avare*).

7.— « *Tục-Ca-Lệ* » của Lesage (*Tucaret*).

8.— « *Truyện Gil Blas de Santillane* » của Lesage.

9.— « *Mai-Nương Lệ-Cốt* » của Abbé Prévost (*Manon Lescaut*).

10.— « *Truyện ba người ngự lâm pháo thủ* » của Alexandre Dumas cha (*Les trois mousquetaires*).

11.— « *Những kẻ khốn nạn* » của Victor Hugo (*Les misérables*).

12.— « *Truyện miếng da lừa* » của Honoré de Balzac (*La peau de chagrin*).

13.— « *Qui-Li-Ve du ký* » của Jonathan Swift (*Voyages de Gulliver*).

14.— « *Tê-Lê-Mặc phiêu lưu ký* » của Fénelon (*Les aventures de Télémaque*).

15.— « *Truyện các danh nhân Hi-lạp và La-mã đối nhau* » của Plutarque (*Vie des hommes illustres de la Grèce et de Rome*).

16.— « *Tiểu sử Rabelais* » của Émile Vayrac (*Notice sur Rabelais*).

17.— « *Đàn cừu của chàng Panurge* » của Émile Vayrac (*Les moutons de Panurge*).

18.— « *Dân ước* » của Jean-Jacques Rousseau (*Le contrat social*).

19.— « *Vạn pháp tinh lý* » của Montesquieu (*L'esprit des lois*).

20.— « *Tinh thần luận* » của Helvétius (*De l'esprit*).

21.— « *Truyện thần Hi-lạp và La-mã* » (*Mythologies gréco-romaines*).

22.— « *Luân lý học*, dịch các sách luân lý Âu-châu ra (*La culture morale. — Extraits de moralistes anciens et modernes d'Europe*).

Nhân đây, chúng tôi xin đính chính một điều sai lầm của ông Nhất-Tâm trong cuốn « *Nguyễn-Văn-Vĩnh* » : kê cuốn « *Hai mươi năm về sau* » vào bảng sách dịch của ông Vĩnh.

Thật ra, dịch giả bộ tiểu thuyết này là con ông Vĩnh, ông Nguyễn-Hải.

« *Trung-Bắc tân văn* » số 1.520, ngày 10-4-1922, bắt đầu đăng « *Truyện mười năm về sau* », tức là « *Truyện Ba-La-Gia-Luân tử tước* » (*Le vicomte de Bragelonne*); đăng truyện này xong, ông Nguyễn-Hải mới cho đăng tiếp truyện « *Hai mươi năm về sau* » (*Vingt ans après*).

Vậy Nguyễn-Văn-Vĩnh chỉ dịch có bộ đầu của ba bộ tiểu thuyết nối nhau này, của Alexandre Dumas cha, là bộ « *Ba người ngự lâm pháo thủ* » (*Les trois mousquetaires*).



Về loại văn dịch thuật, ông chủ trương dịch thoát, cốt lấy sự lưu loát, dễ hiểu, cố đúng cái tinh thần, nên tránh sao khỏi lầm chữ sai lầm, lầm đoạn ngây ngô, gượng ép nữa. Điều này, chính ông nhận thấy trước hơn ai.

Song ai cũng nhận tài Việt-hóa câu truyện cũng như tài Việt-hóa các tên nhân vật. Tôi còn nhớ lúc mới lên chín, say mê truyện Tàu: « Phong thần, Tây du, Thủy hủ, Thuyết Đường, Ngũ hồ bình Nam... » vì đêm đêm phải đọc cho một bà chủ trọ hiền từ nghe, mà rồi bắt gặp bộ « Ba người ngự lâm pháo thủ » của ông dịch trong thư viện trường Phú-lâm, tôi lại say sưa đọc, chẳng thấy lạc lõng chút nào với những tên « A-Tổ, Bô-Tổ, A-La-Mĩ, Đắc-Ta-Nhan, Huỳnh-Tê bá tước phu nhân... » với câu chuyện mạo hiểm ly kỳ của bốn người bạn thân nọ ở tận trời Tây.

Xin trích ra đây vài đoạn văn dịch mà ông đã thành công, hoặc sát nghĩa, hoặc hay, hoặc khéo, hoặc có duyên.

Chúng ta hãy chứng kiến một cảnh Giu-Đăng (Monsieur Jourdain) học làm sang trong hài kịch « *Trưởng giả học làm sang* » của Molière, dưới ngòi bút dịch của Nguyễn-Văn-Vĩnh :

Ông Giu-Đăng,
(bảo đứa ở)

« *Bây hãy đưa áo dài đây để tao mặc mà nghe... Thong thả, có để dừng mặc áo dài thì nghe tiện hơn... Ừ mà đưa đây, để mặc áo thì hơn.* »

Con đầu

Từ khi lòng đã biết lòng,
Bồi hồi luống những nhớ mong đêm ngày.
Người yêu mà đãi đường này,
Vị chẳng thù ghét chẳng hay thế nào ?

Ông Giu-Đăng

« *Bài ca này ta nghe buồn lắm, tựa như ru ngủ. Tôi muốn rằng bác sửa đi một đôi chỗ cho nó vui.* »

Thầy dạy nhạc

« *Thưa ông, từ phải hợp với điệu mới được.* »

Ông Giu-Đăng

« *Độ trước họ dạy tôi một bài thú lắm. Khoan... để ta đọc cho mà nghe. Này !... Thế nào mất rồi nhỉ ?* »

Thầy dạy múa

« *Nào tôi được biết ?* »

Ông Giu-Đăng

« *Có văn cừ.* »

Thầy dạy múa

« *Cừ ?* »

Ông Giu-Đăng

« *Ừ. Đây rồi ! (hát).* »

Tôi vẫn tưởng cô Thiều,
Vừa lành lại vừa đẹp,
Tôi vẫn tưởng cô Thiều.
Hiền lành như con cừ,
Không ngờ cô Thiều tẻ,
Tẻ khác nào như thề,
Con cạp ở trong rừng.

« *Hay đấy nhỉ ?* »

Thầy dạy nhạc

« *Hay thiệt là hay !* »

Tiếp theo, chúng tôi xin trích hai đoạn dịch rất hay, rất khéo trong bộ « *Gil Blas de Santillane* ».

— (...) « *Tên một đen thì đau nằm một xó đã ba hôm rồi. Nó vừa phải bệnh cốt khí, lại vừa có chứng thấp, chân tay liệt trụy. Duy chỉ còn cái lưỡi là lung lay được đề mà chửi trời rửa đất một cách dữ tợn quá...* »

— « Nhỏ, nghe tao bảo đây. Cha tao sai mày đo thăm tao, tao biết chắc rồi. Nhưng mày liệu hồn. Nghề mật thám là một nghề nguy hiểm lắm đấy, con ạ. Tao mà bắt được mày rình mò gì tao, thì gậy này vào lưng, không còn chệch cái nào ra ngoài. Ví bằng mày là thằng khôn, mà lại giúp đỡ tao, thì ân ấy về sau có thưởng. Tao tưởng không ai nói rõ hơn tao nữa thì phải... »

Và đây, hai đoạn dịch rất mực tài tình trong cuốn tiểu thuyết mà ai cũng nhận là cuốn ông dịch hay hơn cả, cuốn « Mai-Nương Lệ-Cốt » (Manon Lescaut) :

— « Tôi cúi đầu nghe mà không dám thưa câu gì. Cha tôi nói :

« — Thương hại cho tôi, để được con ra, yêu mến như châu như ngọc, tận tâm tận lực mà gây dựng cho con nên được bậc người lương thiện, ngờ đâu công phu ấy đã kết quả nên một thằng đại gian ác nó làm xấu tiếng cho cả một nhà, một họ thế này ! Người ta lúc vận không hay, trời làm mất của, nạn ấy cũng chẳng đau lâu, ngày qua tháng lại, nó khuấy dần đi được ; đến như cái tai nạn này là mỗi ngày thêm lớn, như là tai nạn phải một đứa con đam mê sắc dục như anh, đến nỗi quên cả liêm sỉ, thì phỏng còn có thuốc nào chữa được ?... Ừ, tao bảo thế mà mày không nói gì, thằng khốn nạn kia ! Kìa kìa, ai thử xem cái mặt thùy mị giả dối, cái vẻ chịu lụy điều ngoa kia, thoát nhìn ai mà chẳng bảo đó là một người lương thiện nhất ở trong dòng giống nhà nó. »

— « Tấm lòng kẻ làm cha là một mỹ công tuyệt tác của con Tạo. Bao nhiêu

cái từ cái hậu, Tạo-hóa đem cả vào đó, làm cái mối sinh lực cho người ta ăn ở. Như cha tôi đã là đấng từ bi quảng đại, lại là một người trí giả, biết phân hay dở phải chẳng, cha tôi nghe tôi phân biện một cách lạ lùng như thế, thì đương giận lại hóa ra thương tình, mà đã thương thì không thể làm mặt giận được nữa. »

Trong văn văn, đức tánh trôi chảy lại càng thấy rõ. Bài « Con Ve con Kiến » sau đây dịch « La Cigale et la Fourmi » của La Fontaine, đã có lắm người cho là bài thơ mới đầu tiên ở nước ta, trước bài thơ mới « Tình già » của Phan-Khôi :

Ve sầu kêu ve ve

Suốt mùa hè...

Đến kỳ gió bắc thổi,

Nguồn cơn thật bồi rồi.

Một miếng cũng chẳng còn,

Ruồi bọ không một con.

Vác miệng chịu khúm núm,

Sang chị Kiến hàng xóm,

Xin cùng chị cho vay

Dăm ba hạt qua ngày.

— Từ nay sang tháng hạ,

Em lại xin đem trả.

Trước thu, thề Đất Trời !

Xin đủ cả vốn lời. »

Tính Kiến ghét vay cậy,

Thói ấy chẳng hề chi.

— Năng ráo chú làm gì ?

Kiến hỏi Ve như vậy.

Ve rằng :

— Luôn đêm ngày,

Tôi hát, thiết gì bác. »

Kiến rằng :

— Xưa chú hát !

Nay thử múa coi đây. »

Lo cho người lớn, ông không quên trẻ em. Và ngòi bút ông trở nên duyên dáng mặn mà khi dịch « Truyện đời xưa của Perrault », mà đây là một ví dụ :

« Ngày xưa có một con bé nhà quê xinh thật là xinh. Mẹ nó yêu nó lắm. Bà nó lại yêu nó hơn nữa. Bà nó cho nó một cái khăn quàng đỏ, nó quàng vào đầu, vừa xinh vừa xinh, cho nên đi đến đâu, ai cũng gọi là con bé quàng khăn đỏ... »



Hai mươi hai năm trước, tại nước Ai-lao, trên đường về Tchépone, thuộc địa phận làng Ban-san-khup, Nguyễn-Văn-Vĩnh từ già chúng ta trên một con thuyền độc mộc, khi hoàng hôn xuống... Nay kỷ niệm người, chúng ta xin mượn lời Vũ-Ngọc-Phan (2) :

« Nguyễn - Văn - Vĩnh là một người rất có công với quốc văn (...). Ông có công lớn với quốc văn là vì ông đã đứng chủ trương một cơ quan văn học vào buổi mà đối với văn chương mọi người còn bỡ ngỡ. Ông lại hội họp được những cây bút có tiếng, gây nên được phong trào yêu mến quốc văn trong đám thanh niên trí thức đương thời, vì ngoài một vài quyển tạp chí có giá trị, thanh niên hồi xưa không làm gì có những sách quốc văn như bây giờ để đọc. Mà Đông-dương tạp chí hồi đó như thế nào? Người Tây-học có thể thấy trong đó những tinh hoa của nền cổ học Trung-

hoa mà nước ta đã chia ảnh hưởng lâu đời; người Hán-học có thể thấy trong đó những tư tưởng mới mà người Việt-nam ta cần biết rõ để mà thấu thái. Những bài bình luận, những bài tham khảo về Đông-phương và Tây-phương đăng liên tiếp trong Đông-dương tạp chí, ngày nay giờ đến, người ta vẫn còn thấy là những bài có thể dựng thành những bộ sách biên tập rất vững vàng và có thể giúp ích cho nền văn học Việt-nam hiện đại và tương lai. »

Hai mươi hai năm trước, tại nước Ai-lao, trên đường về Tchépone, thuộc địa phận làng Ban-san-khup, Nguyễn-Văn-Vĩnh từ già chúng ta trên một con thuyền độc mộc, khi hoàng hôn xuống... Nay, kỷ niệm người, chúng ta xin mượn lời Phan-Khôi (3) :

« Nói từ trong con tim nói ra, tôi có phục Nguyễn-Văn-Vĩnh thật. Tôi phục ông ở chỗ có chí tự lập, ở chỗ không mộ hư vinh (...).

« Trong con mắt tôi, ông Nguyễn-Văn-Vĩnh là một trang hào kiệt, Mạnh-Tử có nói: « Đến như kẻ sĩ hào kiệt thì dù không có Văn-vương cũng dậy lên. » Trong câu nói ấy thấy người hào kiệt đầy cái khí phách tự lập đúng như các khí phách của ông Nguyễn-Văn-Vĩnh chúng ta. »

Hai mươi hai năm trước, tại nước Ai-lao, trên đường về Tchépone, thuộc địa phận làng Ban-san-khup, Nguyễn-Văn-Vĩnh từ già chúng ta trên một con thuyền

độc mộc, có ông Clémenti ở bên, người bạn Pháp cùng ông đi tìm mỏ vàng, khi hoàng hôn xuống... Nay, kỷ niệm người, chúng ta xin mượn lời ông Tirard, người thay mặt báo giới Pháp ở nước ta, đọc trước khi đặt đèn che lấp một quan tài (4):

« Nguyễn-Văn-Vĩnh sang Lào để chinh phục vàng. Có lẽ ông tưởng sẽ khám phá ra cái Thiên-đường ấy, cái khối kim nguyên chất thần thông rồi sẽ cho ông những phương tiện để hoàn toàn tự do mà nói lên tư tưởng mình, và để nói những gì mà ông không biết giấu giếm, khi mà ông tin rằng mình bình vực một lý lẽ đúng đắn và ngay thẳng.

(...) « Cái chết của bạn đồng nghiệp Nguyễn-Văn-Vĩnh của chúng ta phải là một bài học cho những bạn đồng nghiệp Pháp và Việt trẻ tuổi của chúng ta. Các bạn này sẽ nhớ rằng cái nghề cầm bút nuôi sống vừa đủ kẻ đeo đuôi nó, nếu kẻ ấy muốn còn lương thiện, muốn còn tự do, muốn còn độc lập. » (5)



Hai mươi hai năm qua, nhớ Người, khi người Pháp thực dân rút lui về xứ họ, khi nước nhà đã dựng chế độ cộng hòa, chúng tôi mong tên họ Người sẽ được chọn đặt tên cho một con đường ở thủ đô, một con đường gần đường Alexandre de Rhodes hay Tân-Đà, chẳng hạn.

Chí-hòa, ngày 2-4-1948
TÀN-FONG-HIỆP

PHỤ LỤC

Nhân ngày kỷ niệm ông, xin trích đăng thêm một đoạn văn sáng tác của nhà văn nổi tiếng về dịch thuật, một đoạn văn viết theo thể du ký, và một đoạn văn nghị luận, tương cũng như chiêu hồn người quá vãng...



« Trên Hồng-hải, ngày 2-4-1922

« Vừa ở bến Djibouti đi ra thì hai bên coi thấy đất, vì tàu đi qua eo biển Coromandels. Nhiều trái núi hình thù thật kì (6) khu, mà bắc ống dòm xem thì toàn là núi trọc cả, không có cây cỏ mà cũng không có nhà cửa gì hết.

« Qua eo vào Hồng-hải, thì hai bên bờ lại xa ra lắm, thỉnh thoảng đi gần bên nào thì coi thấy bên nấy mà thôi.

« Vùng này thì êm sóng gió. Tàu đi bằng phẳng như là ở trên bộ vậy. Duy ban ngày thì mặt trời nóng dữ, vô ý mà không đội mũ thì nóng đầu ngay. Nhưng được một điều là khi lặn mặt trời rồi thì không khí lại mát mẻ dễ chịu lắm.

« Đi biển có một điều nên dặn những khách chưa đi bao giờ, là đừng nên tắm nước mặn, hoặc có tắm nước mặn thì khi tắm xong, phải gội nước ngọt cho kĩ (6), kéo mà phần nhiều người tắm nước mặn bị ngứa, hề không nhin được gãi thì hóa lở ghẻ khó chịu lắm. Trong lâu hạng nào cũng có phòng tắm,

- (6) Chúng tôi xin trọng cách viết của tác giả.
(2) Trong « Nhà văn hiện đại », quyển I, 1942.
(3) Trong tuần báo. « Sóng Hương », số 1, ngày 1-8-1936).
(4) Điều văn đọc ngày 8-5-1936
(5) Chúng tôi cho in đậm

có vòi nước nguội và vòi nước nóng, nhưng là nước biển lấy vào cả. Nước ngọt thì qua bến nào lấy ở bến ấy, rồi chứa trong tàu mà dùng cho đến bến. Khi tàu đông khách như tàu này (7) thì nước ngọt phong được dồi dào lắm.

« Tàu này người hầu hạ toàn là người Pháp cả. Duy có một vài người Trung-hoa dùng trong những việc nhỏ mọn chỗ bếp núc và các phòng tắm. Nhân chúng tôi có nghiệm ra một điều rằng người Tây tuy làm những việc hầu bàn, hầu phòng mà có một tư cách rất hay, người Tàu với người ta thật ít kẻ theo đòi được.

« Lúc nào người ta hầu mình thì thật là lễ phép, mà dầu công việc nặng nhọc nhưng người ta coi là một việc bổn phận, vui lòng mà làm chứ không có coi là việc dè tiện mà làm, miễn cưỡng bao giờ. Lúc giờ làm thì người ta hầu hạ mình ở chỗ mình có quyền sai bảo mà thôi; hết giờ, lại bận quần áo bánh bao, trò chuyện với khách một cách rất tự nhiên bằng đẳng.

« Đến như người Trung-hoa với người Việt-nam mà coi các việc mọn thì khi mình sai bảo đến hình như họ miễn cưỡng mà làm vậy. Gọi đến thì thừng thỉnh mà lại, chứ không thưa gửi cho có phép tắc như là các người hầu Âu-Tây. Tựa hồ như là họ muốn rằng mình có việc gì sai bảo thì phải vì tình đồng chủng mà sẽ nói:

« Tôi nhờ bác bùng cho tôi chậu nước, bác quét cho tôi cái phòng, v.v... »

« Còn như người hầu Âu-Tây thì tuy rằng, ngoài giờ hầu hạ, trò chuyện

với mình như mọi người, nhưng lúc nào mình cần sai bảo thì cứ gõ chuông, hoặc gọi « *garçon* » thì họ vâng dạ làm ngay... » (8)

Văn nghị luận của ông giản dị, rạch ròi, thẳng mạnh. Loạt bài « *Xét tât mình* » đăng ở *Đông-dương tạp chí* cho ta thấy tấm lòng ưu ái của ông đối với nước non nhà. Xin chép lại một đoạn trong bài mở đầu.

(...) « Vậy thì đạo tu thân ngày nay cốt ở việc xét mình. Như người có bệnh muốn chữa khỏi phải biết mình có bệnh chi, mà bệnh căn ở đâu, thì uống thuốc mới công hiệu. Chớ có bệnh mà lại cứ chuyên học một câu: nên mạnh khỏe, đừng nên ốm, thì học mà làm gì.

« Bởi thế, tôi trộm nghĩ rằng: dân Annam ta ngày nay muốn chóng theo được dấu văn minh, trước hết phải xét học cho kĩ xem mình có những thói xấu gì, căn nguyên bởi đâu mà ra, đề mà đầu tiên hãy cố mà từ bỏ cái tệ đi trước, nhiên hậu mới học cái khôn sau, chớ muốn học văn minh Âu-châu, mà thói hủ vẫn còn giữ, thì e rằng đã chẳng học được điều gì hay, vì điều hay mới, mấy thói hủ xưa không dung được nhau, mà lại còn chỉ chép được cái bề xấu văn minh mà thôi.

(Xét tât mình. — *Đông-dương tạp chí*, số 6, ngày 19-6-1913)

(7) Tàu *Cordillère* có chở phái bộ Việt-Miên Lào đi dự cuộc đấu xảo Marseille. (Lời chú của người trích)

(8) « *Trung-Bắc tân văn* », số 1545, ngày 10-4-1922

Câu danh ngôn của Émile Zola mà ông nêu ở đầu nói rõ nguyện vọng tha thiết và thiết thực của ông :

« Tout dire, pour tout connaître, pour tout guérir ».

(Nói hết, để biết hết, để chữa hết).

Và đây, ông « nói hết » về cái tật « Gì cũng cười » của người mình.

« Annam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì ; phải cũng hì, quấy cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang.

(...) « Nhưng mà xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác ; có cách láo xược khinh người ; có câu chửi người ta ; có nghĩa yên trí không phải nghe hết nhời người ta mà đã rèm trước ý tưởng người ta ; không phải nhìn kỹ việc người ta làm mà đã chê sẵn công cuộc người ta.

« Thực không có cái tức gì bằng cái tức phải đối đáp với những kẻ, nghe mình nói chỉ lấy tiếng hì hì mà đáp. Phản đối không tức, kẻ bịt tai chẳng thèm nghe cũng không tức đến thế, cái tức ấy nó làm cho những người không quen, trong thấy cái mép vô cớ mà loét ra, muốn phát khùng lên mà gia tay thực mạnh, để cho thụt cái cười độc địa, khinh đời ấy vào trong họng kẻ cười.

« Ừ, mà gì bực mình bằng rất cồ bồng hống, mồi lưỡi tề mồi, đề mà hỏi ý một người, mà người ấy chỉ đáp bằng một tiếng hì, khen chẳng ơn, mắng chẳng cái, hỏi chẳng thừa, trước sau chỉ có miệng cười hì, thì ai là không phát tức.

(...) « Ta phải biết rằng khi người ta nói với ta, là đề hỏi tình ý ta thế nào. Ai nói với mình thì mình phải đáp. Tùy ý mình muốn tỏ tình ý cho người ta biết thì nói thực ; không hiểu thì hỏi lại ; mà không muốn nói tình ý cho người ta biết, thì khéo lấy lời lịch sự mà tỏ cho người ta hiểu rằng câu hỏi khí phạm đến một điều kín của mình. Hoặc là có khôn thì lựa nhời mà tỏ cho người biết những điều mình muốn cho biết mà thôi, và khiến câu chuyện cho người ta không hỏi căn vặn được mình nữa. Nhưng phạm người ta hỏi, mình đã lảng tai nghe, là mình nợ người ta câu đáp.

« Nghe người ta hỏi xong, mà cười hì vào mặt người ta, là cách đả kích dưới một lối thô tục, người có giáo dục đả đứ ở cũng không nỡ thế.

(Gì cũng cười.— Xét tật mình.— « Đông-Dương tạp chí », số 22, ngày 9-10-1913).

☆ Muốn phụng sự chính nghĩa, cần tránh bốn điều sau đây : bất định, bất động, bất nhất và bất hòa.

P. BRILLET (?)

Phương pháp sinh tài của Quốc-gia

Có một phương pháp rất hay khiến cho trong nước sinh nhiều của cải: đó là làm sao cho số người sinh lợi càng ngày càng nhiều mà số người ăn tiêu phung phí càng ngày càng ít; những người làm ra của thì làm thật mau mà những người dùng của thì dùng từ từ. Nếu được như thế thì của cải trong nước lúc nào cũng dư dùng vậy.

ĐẠI-HỌC

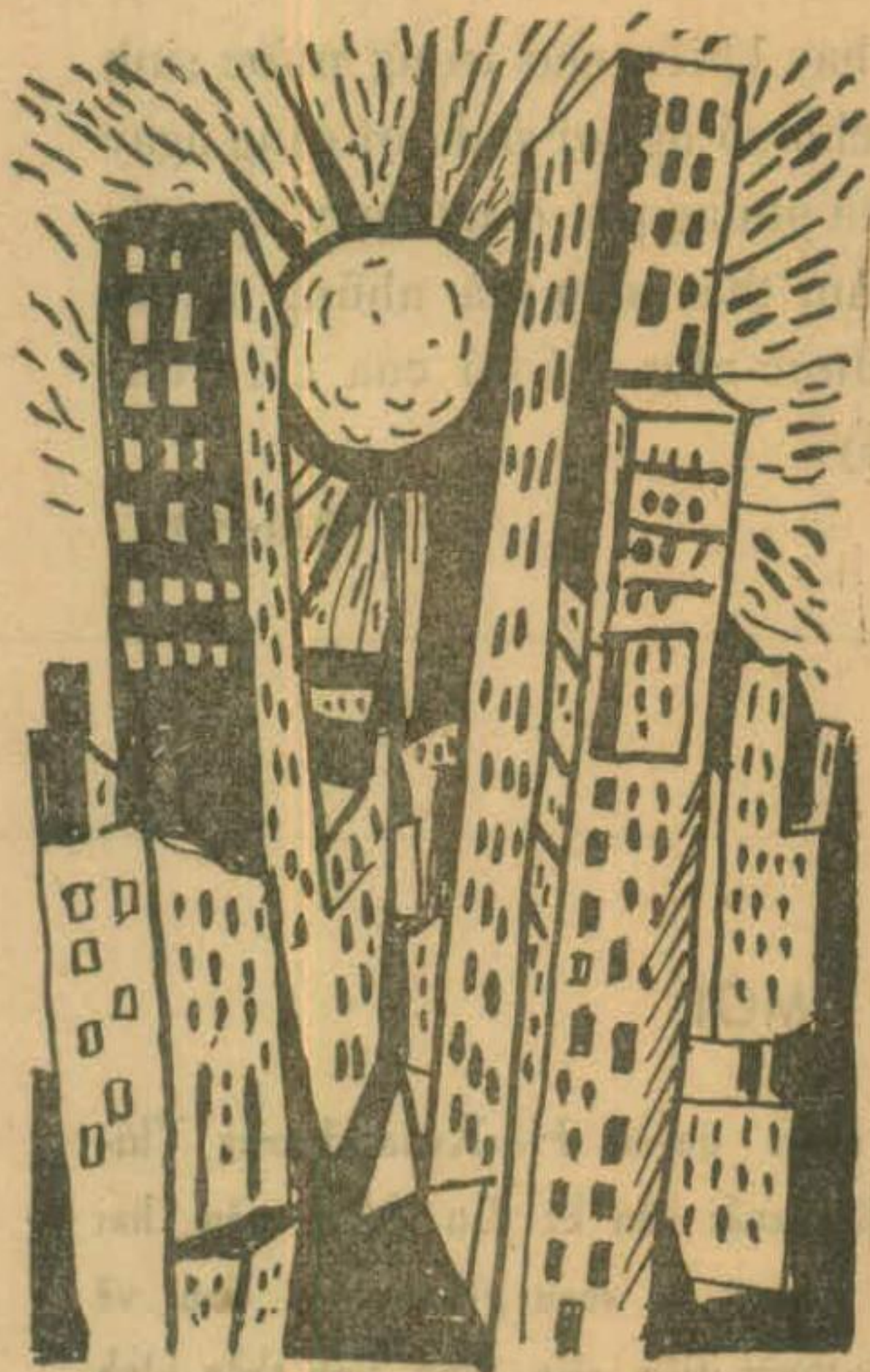
SÁCH MỚI

Chúng tôi rất vui mừng nhận được quyển Hồ-Xuân-Hương Thi-Tập của Thuần-Phong do Đoàn-Văn xuất bản kỳ đầu. Sách gồm hai phần: phần tiểu sử và nghị luận trong đó soạn giả nghiên cứu về thân thể Hồ-Xuân-Hương và nghệ thuật diễn đạt cùng tinh thần bình dân của nữ sĩ.

Trong phần thứ hai, soạn giả trình bày những bài thơ của nữ sĩ thành năm loại: tức cảnh, vịnh vật, vịnh người, tức sự và tâm tình. Cuối cùng soạn giả cũng góp những bài thơ mà có người cho là của Hồ-Xuân-Hương, nhưng chưa được toàn thể văn giới công nhận.

Với nội dung đầy đủ như thế, quyển Hồ-Xuân-Hương Thi-Tập của Thuần-Phong có thể giúp rất nhiều cho học sinh ban Trung-học đệ nhị cấp cũng như cho giáo sư và các bạn nhà văn.

B.K.



THƠ PHAN-LẠC-TUYÊN

NHỮNG HÒANG HÔN TÍM

Mến gửi MẠC-LY-CHÂU
PLT

T A bước đi ...

Giữa lòng ngày nở bóng đêm thăm sâu

Từng bậc thang nắng gục ngã u sầu

Ánh điện đường hăm ngái ngủ rã rời

Cặp mắt bao chuyến tàu không nghỉ ngơi

Đường đan mạch máu trong tim Nieu-Ước

Bâng khuâng hoàng hôn trên bước du khách

Khe khẽ nhìn nhau ngỡ ngàng

Như đã quen từ xa xăm

Nhìn Em màu trời đại dương

Hổ phách mùa thu lá vàng
Có tiếng ca ngời đời tươi thắm
Lửa hồng nhạc biển tím mặt trời
Hôm nay muốn ngã đường đi
Có bước chân Ta và Em
Không gặp nhau trên ga đường hầm lạnh lẽo hoàng hôn
Đã cùng nhìn nhau huyền diệu đẹp ngã tư linh hồn
Làn môi mặt trời và lời thơ Whitman:

« Hãy ở bên Ta trọn ngày hôm nay

« Em có trọn vẹn lời Thơ-Muôn-Đời

« Em có kho tàng Trái-Đất Mặt-Trời... »

Em hẹn một trời tuyết rơi

Có áo thông xanh như cuộc đời

Để đẹp những mùa Xuân hồng tươi

Rời nhau trong giải đường hầm tăm tối

Từng con tàu lạnh lòng không chờ đợi

Ói sởi đường tàu bó chặt tim người

Du khách — Có hoàng hôn trên nụ cười

Nữ-Uớc, Chiều lạnh

Cuối năm 1957

PHAN-LẠC-TUYÊN

Sách mới

Chúng tôi nhận được cuốn sách giáo khoa về văn phạm nhan đề là: Etude du Verbe (Học về động từ) của G.s. Phạm-tất-Đắc do nhà xuất bản A.B.C. giữ tặng. Sách đăng 164 trang chia làm 4 phần:

- những điều tổng quát — Học chia động từ — Cụ pháp
- Cách dùng các động từ khó xử dụng.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản A.B.C. và xin ân cần giới thiệu với các bạn đọc thân mến.

Đính chánh

BÁCH-KHOA, số 31.

- ★ Bài « **Trung-Chắc** hay **Trung-Trắc** ? **Trung-Nhì** hay **Trung-Nhị** ? » của *Cô Thoại-Nguyên* :
 - trang 54, cột 2, dòng 18 : « Đầu thế kỷ thứ I sau Tây-lịch »
 - trang 55, cột 2, dòng 27 ; cùng trang cột 2, dòng 27 ; trang 56, cột 1, dòng 9 : xin thêm chữ « **hơn** » trước « *một ngàn rưỡi năm* »
- ★ Bài « **Phan-Chu-Trình** », *người đứng đầu gió* » của *Phạm-Hoàn-Mĩ* :
 - trang 25, cột 2, từ dòng 9 : « Và hẳn ai ai cũng tán thành việc gán một tấm bản đồng kỷ niệm nơi người nhắm mắt : **nhà số 54**, đường Pellerin cũ (tức đường Pasteur bây giờ).

BÁCH-KHOA số này :

- ★ Bài « **Ngày lễ quốc-tế lao động** » của *Trần-Hồng-Hùng* :
 - trang 16 dòng 14 : « Sau đó, tại Fourmies » (miền Bắc nước Pháp, năm 1891).
 - trang 17 dòng 12 : « ... bị kiệt quệ suốt trăm năm bị trị, »
- ★ Bài « **Liên-hiệp-quốc** » của *Tiểu-Dân* :
 - trang 25, cột 1, dòng 2 : « Tháng 8 năm 1945, »

CÁO LỖI

Vì một lẽ riêng bài « Bảo vệ luân lý dân tộc » của ông Mỹ-Việt, đã ghi trong Mục lục ngoài bìa, phải tạm gác lại đến một kỳ khác. Vậy xin cáo lỗi cùng các bạn đọc thân mến.



CHUNG QUANH TÔ PHỞ

CỎ-LIÊU

Dĩ nhiên chung quanh tô phở có ruồi là những khách hàng được hưởng quyền ưu tiên nhưng mà lại quanh năm ăn quýt, thứ mới đến những khách ăn chúng ta thường thấy. Còn có một hạng khác hay đến vào những giờ bất thường như nửa đêm hay tang tảng sáng. Cứ những lúc sắp đóng cửa hay mới mở cửa là họ đến, co ro như cò phải bão hay bơ phờ như thầy ký mới nướng

trụi tháng lương. Có khi là một thi sĩ bí vận, một cô gái hộp đêm không « ăn khách », hay một nhà văn không « ăn độc giả » mà không chịu giải nghệ. Có khi là một ông tài chỉ đập ga ban đêm.

Mới mấy ngày nay bỗng dưng Hải xung vào hàng ngũ những khách ăn bất thường. Chàng không phải thi sĩ bí vận, không đập ga ban đêm, nhưng miễn cưỡng lập dị từ khi tiệm phở đổi chủ nhân, chủ mới là một người di cư đem phở biến ở Saigon món phở ngẫu pín và ngẫu bạc nạm.

Chủ nhân đáng lẽ gọi Hải là ông như mọi người lại gọi là ông ký, không khao, không vọng gì, tặng chàng một chức tước lỗi thời làm chàng chột dạ tự nhủ :

— Có lẽ hẳn ghép mình vào thành phần trí phú địa hào chắc !

Nhưng may quá, đây là Saigon và năm nay là 1958, chàng vững tâm ngồi khoanh tay trên bàn nhìn làn khói thuốc uốn éo vờn vờn cõi không mờ ảo dưới ánh đèn vàng úa. Qua làn khói Hải cảm thấy hơn là trông thấy bóng dáng cô Rô, cô hàng cà phê bán chung với hàng phở, người xinh xắn gọn ghẽ, điển hình một cô gái ở huyện lỵ Bắc - Việt buôn bán dăm dăng.

Bước chân vào tới đây, Hải lại sống lại bầu không khí quen thuộc của một thời đã xa. Từ chủ nhân đến người làm, người và vật, đều là vang bóng của những khung cảnh Hải đã sống, gợi lên một thứ luyện tiếc êm đềm, một thứ nhớ nhung man mác. Cái thú là chàng ngồi mà phân tách xem mỗi cách xưng hô, mỗi dáng điệu, cử chỉ nặng địa phương

tính ấy nhắc nhở lại những kỷ niệm gì. Lúc ấy là lúc Hải sống một giấc mơ có kiểm soát ngay bằng những sự kiện hiện tại có thật đích xác.

Hải mỉm cười nhẹ nhàng khi nghe giọng nói cô hàng làm rộn lòng vì những hình ảnh xa xôi. Cô vừa phát thanh một hơi những thơ ngữ đặc biệt :

— Nhí ! Về bảo bu thời một bơ vục thôi !

Khách ăn ở đây có lẽ chỉ có riêng Hải hiểu bu là má, bơ vục là lon vơi. Đó là cái thú được thông cảm với người đồng hương, và khám phá ra những mối cảm nghĩ của ông cha mình tích lũy trong cơ cấu tinh thần của một người gặp gỡ trên bước đường xa nơi quê cha đất tổ.

Khi ấy cô Rô hình như ngượng vì không ăn nói như mọi người, vì thơ ngữ của mình có thể得罪 người báng nhạo, nên cần môi suy nghĩ.

Hình ảnh ấy gợi đến một hình ảnh khác mờ mịt quá vì đã chìm trong quá khứ xa lắc, nhưng Hải quyết là có liên can đến quá khứ của mình.

Cửa hàng vắng khách, Hải nhận thấy không làm phiền chủ nhân nên gọi chuyện hỏi han quê quán, làm ăn. Chủ nhân nhè nhè giọng nói nhận hàng, nhận họ :

— Ồ ! thế ra ông ký cũng ở về Bần, tôi ở Thừa đây. Còn cháu Rô nó là cháu gọi bà cả Đẳng bên Lọ bằng bà cái, nhà cách chỗ tôi ở có một cánh đồng, gần ngay sát cây đa Khuốc đó !...

Bà cả Đẳng, làng Lọ, Khuốc... những âm thanh đầy thi vị hoài cổ. Hải đem

ráp lại với những tên khác : Tằng, Tè, Khuốc, Lọ, những tên gọi các thị trấn Hải đã qua khi còn là máy phát thanh thiên tạo cho Ủy Ban kháng chiến 1946. Nhưng quãng đời ấy Hải sống dồn dập và mãnh liệt quá cho nên có nhiều chi tiết rồi beng trong trí nhớ.

— Bà cả Đăng là em ông chánh Ty đó, suốt từ Đăng đến chợ Bần ai không biết, tội nghiệp, bà phúc hậu quá mà bị dẫu tố thật ác nghiệp !

Giữa lúc ấy Cô Rô lại nói với em :

— Nhí ! Mang cái cùi dĩa ra cho ông ký !

Chuyến này thì « ông ký » cười ra tiếng và cái chính giùm :

— Ở đây người ta gọi là muống.

— Chúng tôi nói vậy nó cứ ngượng ngượng, đất có lẽ quê có thói chứ !

Trong câu nói phần nhiều họ tìm cách dẽm được một câu ngắn ngữ, phong dao có thể gọi những hình ảnh mãnh liệt hay biểu lộ tinh thần hải hước phong phú.

Hải thoáng nghĩ đến cách viết, cách diễn ý, trọn lời của mình đều bắt chước lẽ lối Âu-Mỹ. Chàng tự hỏi văn chương ở đâu xuất phát nếu không là ở trong lòng những lối nói hàng ngày của những người bình dị này ? Có một lần Hải trả tiền phở ăn tháng, chàng lúng túng vì phải tính 27 bát 7 đồng, định cầu cứu đến bút chì và mảnh giấy thì Rô tính gọn gàng, mau lẹ rất tự nhiên, thách đố cả khoa tính nhẩm của Hải :

— Cứ gọi đi là 30 bát 210 trừ đi 3 bát 21 đồng vị chi còn 189 đồng.

Khoa học đã làm cho óc Hải lười biếng. Khi suy luận, chàng chỉ suy luận với những công thức có sẵn, không chịu mở tâm hồn ra đón những ngọn gió không quen.

Tối hôm ấy, Hải vẫn bản khoăn bởi tìm trí nhớ, chàng xếp hàng ra một lượt những danh từ thuộc một loại riêng không dính dáng gì với cuộc sống hàng ngày như : Bà cả Đăng, Khuốc, Lọ, Tằng, Tè, Đăng, Thúra. Những âm thanh lạ tai quá cơ hồ không phải tiếng Việt.

« Vậy mà đây là vang âm nơi quê cha đất tổ, nghĩ cũng kỳ ! ». Kỳ hơn nữa là đáng dấp cô hàng cà phê gần như súc tích những phong vị êm ái của đồng ruộng hương thôn, một vùng đất khai triển đã mấy ngàn năm, mà hình như Rô không muốn đề hoa đồng cỏ nội phai màu.

Hải đã có nhiều dịp đem những nét trí khôn thẩm thía, những điểm tế nhị của lòng người thiếu nữ địa phương ra so sánh với màu sắc của thứ văn chương bác học chàng vẫn làm và đọc, thì thấy mỗi đẳng có một thi vị riêng biệt không có gì chênh lệch về giá trị nghệ thuật.

Hải nhớ lại hồi còn ở chiến khu, có một chị phụ nữ có tài xuất khẩu thành chương nhưng lại không biết chữ. Đây là trường hợp một văn sĩ mù chữ, cũng như Hải thường gặp một số người rất thông văn tự mà lại mù văn chương. Ý tưởng rất ngộ, và Hải đề tâm suy nghĩ về vấn đề. Hải còn nhớ của người thi sĩ mù chữ ấy mấy câu về có thi vị một khúc ca dao :

Tưởng rằng cây cỏ bóng cao
Ta ghé mình vào cho đỡ nắng mưa
Nào ngờ cây thấp bóng thưa
Trời nắng rất mặt trời mưa ướt đầu.

Hồi đó Hải khuyên chị phụ nữ thử học chữ coi, thì ồ này lạ ! Khoảng — tên chị phụ nữ — hình như không phải học. Khoảng hỏi một người chỉ cho biết 24 chữ cái rồi trong những phút nhàn khi công tác, tự mình chấp nối lại mà đọc hết quyển truyện Kiều ; đúng hơn Khoảng coi xem ân thanh thế nào thì chấp chữ thế nào, vì Khoảng đã thuộc lòng hết cuốn sách. Nhưng Khoảng không học lối chữ viết tay mà chỉ thuộc mặt chữ in, thành ra Ủy Ban chỉ nhận được những bản viết bằng lối chữ in, nhưng lời lẽ văn vẻ, khúc chiết đáng làm một viên cán bộ giật mình. Câu chuyện của Khoảng đã thành một giai thoại đồn đi khắp vùng.

Hồi đó Hải hoạt động tại làng Lỗ Xá, trụ sở đặt ở nhà bà cả Tòng. Vụt nhớ lại làng Lỗ-xá, bà cả Tòng, Khoái Châu, Hải luận ra Lọ là Lỗ-xá, Đàng là Tòng, Khuốc là Khoái-Châu. Ở đây sự vật đều mang hai tên, một tên bình dân và một tên văn sách.

Phải, điệu bộ căn môi suy nghĩ của Rô trước mặt Hải bây giờ là điệu bộ thường có của Khoảng ngày xưa vì kỷ niệm đã lắng xuống tiềm thức nên chàng nhớ không ra thôi.

Đời của Khoảng đã kết liễu một cách thảm đạm vì Khoảng nặng lòng tồ quốc và tha thiết tự do hơn cả các đồng chí nam nữ khác.

Khi đảng Cộng bắt đầu thanh trừng hàng ngũ, nhóm của Hải bị bao vây nên mọi người sắp đặt mưu trốn về thành. Cán bộ biết cả, nhưng đề yên cho hành động rồi lập mưu bắt giữa lúc trốn đi.

Hồi đó họ đã chạy lên Bắc-Giang ở gần Bồ-Hạ.

Một đêm trời tối tăm lại diêm mưa phùn, họ hẹn nhau tụ họp tại một nơi gọi là quán Ngánh, mặt hiệu là « Đại Hồng Thủy ». Trời tối quá không ai nhận rõ mặt ai nên chỉ nghe thấy Đại Hồng Thủy thì thầm trong đêm dày là được đưa tới nơi định trước để xuyên qua rừng Đấp-Cầu. Nửa giờ sau họ ngạc nhiên mà nhận thấy số người trong nhóm đông tới gần gấp đôi.

Trưởng toán biết là có biến nên quyết liều một trận xung đột họa may có cơ hội thoát thân. Anh rí tai một vài người nhờ tiếng nói nên biết là người trong bọn, đoạn hô to :

— Việc bại lộ, anh em liều chết bắt lấy chúng nó.

Một vài que diêm đánh lên, đồng thời hai ngọn đèn pin lóe, hai người dơ súng lục ra nạt :

— Đứng yên cho trói, không thì bắn chết hết.

Trưởng toán đưa mắt cho Hải, bắt thành linh hai người húc đầu vào bụng hai tên cán bộ và giăng lấy súng.

Đèn tắt.

Một cuộc ẩu đả hỗn loạn trong đêm tối. Họ thừa dịp tối tăm bò lần ra phía sau rồi chạy tới vườn cam. Vườn cam Bồ-Hạ là những khu rừng nhỏ, hàng



trăm mẫu tây, nếu không quen tất phải lạc đường tới sáng mới tìm được lối ra. Nhờ trưởng toán biết ngắm sao định hướng nên họ thoát một cách dễ dàng, để lại đằng sau những tiếng súng bất lực.

Tang tảng sáng, họ kiểm điểm lại hàng ngũ thì thấy thiếu mất 2 người trong số có cả Khoảng. Hải chết lặng người giây lâu khi hay tin, rồi yêu cầu anh em trở lại liêu chết giải thoát cho bạn. Nhưng ai cũng nhận thấy đây là

một việc điên rồ vô ích. Người ta đành coi như người đã chết, vì người ta thừa biết với tính khảng khái của Khoảng và người bạn ấy, họ không thể tránh khỏi sự hãm hại tàn nhẫn. Từ đấy hình ảnh người phụ nữ phi thường ám ảnh Hải cho tới ngày về thành. Việc đời dồn dập xảy ra vùi sâu việc cũ lẫn lẫn vào dĩ vãng, cho đến một ngày kia Hải ở thành nhận được tin Khoảng đã trút linh hồn sau một tháng giam cầm.

Ngày nay linh cảm đã cho Hải thấy bóng dáng người xưa trong điệu bộ của Rô. Rô cũng có những điểm sắc sảo về hình thức và tinh thần nhưng ở một mức độ kém xa so với Khoảnh.

Hải mừng rỡ đã lần ra đầu mối để giải đáp một sự thắc mắc của lòng. Chàng tức tốc đến ngay tiệm phở. Cô hàng cà phê thân nhiên đông bán như bằng lòng cuộc đời của mình, không tỏ ra có thể có những phút say mê lý tưởng, không có ở trong tâm một ngọn lửa thiêng thúc đẩy con người khai thác những khả năng tiềm tàng trong đáy tâm hồn mình.

Có lẽ tại hoàn cảnh. Hải nghĩ đến những thiên khảo cứu tâm lý quần chúng của Lebon. Trong những lúc có đại sự, những lúc quốc biến, những người thường ngày bình thản hiền lành có thể trở nên những chiến sĩ dũng cảm không ngờ. Đã đành thế, nhưng Hải cho rằng trong con người bề ngoài tầm thường ít ra phải có cái gì khác người, chàng muốn tìm hiểu cái khác người ấy.

— Cô Rô ! Cô có phải là em cô Khoảnh ?

— Dạ phải, Chị tôi chết rồi, từ hồi tôi mới 12, 13 tuổi. Gớm ! bu tôi khóc khóc là...

— Cô có được gặp mặt chị cô hồi ấy không ?

— Nào có được chết ở nhà ! Đâu đi theo người ta lên mãi Đông-Triều Chợ Cột gì ấy !

Thế đấy ! Cách cục ấy làm Hải thất vọng ra mặt. Người ấy mà lại là em Khoảnh ! Khoảnh đâu có tâm hồn quá thô sơ như thế ! Hải đợi ít nhất một thứ bụi ngùi nhớ tiếc, đợi những câu hỏi về chị mình, những dáng dấp ủy mị của một tâm hồn có đời sống mãnh liệt bên trong. Rô chỉ có phong vị một tâm hồn quá bình dị một người sống hời hợt và

thỏa mãn với cuộc sống của mình, không nghĩ gì xa hơn ăm cà phê và hàng ly tách trước mặt. Chàng nghĩ : Chắc Rô cho là mình ở Bần thì phải biết chuyện Khoảnh, còn gì đáng hỏi nữa, ngoài những tình tiết đã trở thành giai thoại vì người phụ nữ ấy. Vậy là những phút mãnh liệt đã sống lại chôn chặt xuống đáy lòng không thể tìm được sự cảm thông trong một tâm hồn bạn để cùng miên man trong một cảm giác phiêu bồng. Chàng ngược mắt nhìn Rô. Chỉ có lúc Rô cần moi suy nghĩ là phác lại một cách rất thô sơ hình ảnh tinh anh của người phụ nữ đúng cảm và thông minh ngày trước. Trông lại mẹ con Rô, rồi đứa em trai, Hải chỉ thấy những kiểu người bình thường và đơn giản.

Khó hiểu hơn là Hải không giải thích nổi sự mâu thuẫn trong lòng mình, chàng yêu mến, nhiều khi cảm phục những lớp người bình dân ở một vài cạnh khía mà lại có thể chán ngán đến từ khước một tình thân thiện chớm nở. Nhớ lại đã có khi Hải mến tâm hồn mộc mạc của vài người ở một xóm lao động, tìm đến sống giữa xóm ấy, thì chàng đã phải lẩm phen khó chịu vì cái xấu xa, bần tiện của cá nhân người bình dân cũng như chàng đã điều đứng vì cái xấu xa của người khá giả. Một câu kết luận hiện ra trong trí : muốn làm gì thì cũng phải tìm hiểu con người trước đã. Không biết trong thâm tâm người ta ước vọng những gì, quan niệm sự sống thế nào, thì lý thuyết đạo đức, biện pháp chánh trị, kinh tế chỉ có giá trị từ chương.

Hải lẳng lặng uống cạn ly cà phê rồi đứng dậy đi. Rô cúi xuống thau nước rửa mấy cái « cù dĩa » em mang lại, yên tĩnh, thanh thản như không có chuyện gì ngoài cà phê, ly tách và « cù dĩa ».

CÔ LIÊU

Vọng Bốn Phương

Đêm thu nguyệt lạnh dãi ngoài song,
Sao nhạt chìm châu, lạnh đáy lòng!
Ói! những chân trời không giới hạn,
Những đường vun vút, những con sông...

Ta ở phương này vọng bốn phương,
Có ai bắt được ý sầu thương,
Nói lên một tiếng ngoài xa ấy,
Làm dấu đêm trăng tiếng đoạn trường.

Núi, đồi, rừng, biển dưới trăng thu,
Hồ lặng sương khuya tỏa mịt mù,
Có nghĩ gì không trong tịch mặc?
Có chờ năm tháng, có tương tư?

Nghĩ ngơ xa miền xa cách nhau,
Ngàn đời ta đã sống đâu đâu?
Không gian rộng lắm, trăng thu rộng!
Ai có cùng ai một tí sầu?

NGUYỄN-TẦN-THƯƠNG

Thu, 1948

91000210

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUONG XAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET	Tous les Lundis, Vendredis
— SAMNEUA	Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Vietnam

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

ÁNH TRẮNG TRONG LÒNG ĐÁ

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN thuật

Xin dâng lên một số hồn đã cường diên như người trong một chuyện của những ngày xưa này và xin gởi vào tất cả những lòng đá đến giờ còn chưa cảm ánh trắng trong.

Ở một xứ kia, bên sườn một trái núi cao, có một vách đá dốc ngược, cao độ ba mươi lăm thước Tây, dài ước chừng ba trăm năm chục thước. Trên mặt vách đá toàn là những nếp nhăn lồi lõm xù xì, màu xám tro, không

có mọc một gốc cây bụi cỏ nào cả. Phía dưới vách đá là một dòng sông sâu, nước chảy xiết, đây đó khắp nơi lại vẩn mình thành những chỗ nước xoáy xanh ngắt.



Ấy thế mà trái núi đó lại nằm ngay một nẻo giao thông trọng yếu, cho nên cư dân quanh vùng mới ken những thanh gỗ thông, gỗ sam, dùng dây xích buộc khít lại, làm thành một sạn đạo cheo leo nửa lưng vách đá. Lối đi ngang một chỗ hiểm trở như thế, lẽ đương nhiên là rất khó đi; hành nhân qua lại đến đây, hễ sơ ý một chút là trượt chân rơi xuống ngay, chết đắm dưới dòng nước. Vì thế hằng năm mất mạng ít nhất cũng trên mười người.

Nhà sư Liễu-Hải vân du qua ngã đó, trông thấy nằm sóng sượt bên mé nước có cái cây người, không ai nhặt, giùm lo chôn cất; sư hỏi người ở gần đó, thì được biết là một hành nhân đã sảy chân rơi xuống nước mà chết. Sư liền đi rảo theo sườn núi, hết phía trước lại quành ra phía sau, để quan sát hình thế trái núi cho thật kỹ. Xem vừa xong, thì lòng sư liền nảy ra một chí nguyện to tát:

Sư thầm nghĩ: « Ví phỏng xoi được một đường hầm xuyên ngang khối đá dốc ngược, dài có hơn ba trăm thước Tây này, để cho khách thập phương, kẻ qua người lại, khỏi phải men theo sạn đạo gập ghềnh nữa, thì mỗi năm ắt sẽ cứu được mười mạng người, mười năm cứu được trăm mạng người, rồi trăm nghìn năm sau, sẽ cứu được nghìn vạn mạng người, thế chẳng phải là làm nên công đức vô song hay sao! »

Kể từ hôm ấy, sư bèn tìm đến ở trọ một ngôi chùa trong vùng gần bên, ngày ngày du hành các xóm phụ cận, khăn cầu người trong xóm quỳn tiền lại, giúp sức nhau mà lập nên việc đại công đức ấy. Nhưng bao nhiêu thôn nhân khi nghe

câu chuyện của nhà sư, đều lấy giọng giễu cợt mà kháo nhau: « Lão hòa thượng muốn đục khối đá to tướng, dài hơn ba trăm thước ấy, suốt từ bên này sang bên kia à? Ai đời lại có hạng người không biết lượng sức mình, điên cuồng đến thế? » Rồi họ nhìn nhau cười ha hả.

Không biết làm thế nào, sư Liễu-Hải bắt đắc dĩ đành phải đem búa, đục ra núi, bắt tay vào việc một mình. Sư quyết lấy sức riêng một người, đục suốt khối đá không lỗ ấy. Bao nhiêu người qua đường, trông thấy nhà sư, đều chỉ trỏ y mà chế giễu: « Lão hòa thượng kia quả là đâm khùng rồi! ». Sư Liễu Hải tuyệt không nản chí chút nào, cứ từng nhát, từng nhát mà đục tới; hễ thấy đói, liền đứng lên xách bát đi xin ăn; ăn no, tức thì lại cầm búa lên, rồi búa lại đánh đục, đục lại đánh vào hông đá chí cha chí chất. Và muốn cho việc làm có thể lâu bền, sư dựng một túp lều tranh gần bên vách đá, để làm chốn nghỉ ngơi.

Mỗi sáng sớm, lúc dòng nước dưới sâu kia còn lấp lánh ánh sao, thì nhà sư đã thức dậy, cầm cúi làm việc, làm mãi cho đến chiều hôm, lúc vạn vật đều im hơi chỉ còn tiếng dòng sông cuộn cuộn chảy, bấy giờ nhà sư mới chịu dừng tay mà nghỉ. Nhưng sự khổ hành của nhà sư không cảm động người trong xóm một chút nào cả, nên họ vẫn chế giễu sư như thường: « Cái lão hòa thượng điên quả không biết liệu sức! ».

Chớp mắt mà đã trôi qua một năm. Sự nỗ lực của sư Liễu-Hải không phải lọt vào hư không: ở đầu này khối đá to tướng, ai dè đầu là đã xoi được

một cái hang sâu chừng ba thước rưỡi. Người trong xóm gần đó vẫn một mực chể giễu nhà sư như trước : « Coi kìa, coi cái lão hòa thượng điên kia kìa ! Công phu một năm trời đằng đằng, mà chỉ khoét được một chút đó thôi ! » Nhưng riêng phần sư Liễu - Hải khi đưa mắt nhìn cái hang đá nông cạn ấy, nhà sư thấy trong lòng rất vui thỏa, cho đó là bước thứ nhất lần đến thành công.

Sư Liễu - Hải lại đục thêm hai năm nữa. Người trong xóm dần dần chuyển thái độ, từ giễu cợt biến thành kinh ngạc, rồi dần dần lại đem lòng cảm mến nhà sư. Lắm lúc, hễ sư Liễu-Hải nhìn ra mười mười lăm phút để đi ăn cơm, là thường thường người ta thấy ở miệng hang đá có một thổ cơm đặt sẵn. Nhưng tuy người trong xóm có tỏ ý kinh dị trước cái nghị lực hiếm có ấy, tuy họ có chạnh niềm thương xót về sự khổ hạnh bền chặt ấy, dầu vậy mặc lòng, họ cũng vẫn y như cũ, cho công việc làm của ông ta rốt cuộc rồi chỉ là công dã tràng, nên chẳng bao giờ họ nảy ra ý định hợp tác với nhà sư.

Hết năm này sang năm khác, cứ như thế mà đục tới cho đến cuối năm thứ chín, cái hang đá kia đã đục sâu có đến bốn mươi bốn thước. Lúc bấy giờ thôn nhân các vùng phụ cận mới nghĩ rằng sự nghiệp của sư Liễu-Hải rất có thể thành công. Họ nghĩ bụng chỉ dùng sức riêng một người trong chín năm mà đã đục sâu đến ngần ấy, thì giả sử thêm người, và cứ như thế mà làm tới, chắc khối đá khổng lồ kia sẽ rất có thể đục suốt từ bên nọ sang bên kia đây chứ. Nghĩ thế họ bèn tự động đi mượn

vài người thợ đá đến tiếp tay hòa thượng Liễu-Hải.

Nhưng được một năm, người trong xóm ghé mắt thử ước lượng xem công việc đã tiến hành đến đâu, thì thấy vẫn chưa được một phần tư khối đá. Họ tiếc rẻ món tiền thuê nhân công, lãng phí không nên trò trống gì. Và mấy người thợ đá ở bên cạnh Liễu-Hải cũng thấy dần dần giảm số, rốt cuộc lại hoàn như cũ, chỉ vồn vện còn có một mình nhà sư, làm nốt công việc của mình. Hang đá đục càng ngày càng sâu, và bóng Liễu-Hải cầm búa đánh đục ở trong hang cũng dần dần xa cách tầm mắt những dân cư trong xóm. Ban sơ còn có những khách qua đường, thò đầu vào cái hang vừa sâu thăm vừa tối om mà nhìn qua một lượt, ra vẻ hoài nghi mà rằng : « Hòa thượng Liễu-Hải vẫn còn làm trong ấy sao ? » Nhưng rồi về sau, thì đến cả một sự ghé mắt thoáng qua như thế cũng dần dần tiêu mất ; ngay cái điều Liễu-Hải còn sống hay không, cơ hồ cũng đã bị người đời quên bẵng.

Sư ở trong hang không dè đã hơn mười năm trời. Vì không hề được ánh nắng soi đến, gia dĩ phải ngồi trường kỳ trên đá, ngoài hai tay ra, các bộ phận khác trong thân thể đều có thể gọi là không vận động, cho nên sắc mặt nhà sư trắng nhợt, hai mắt lõm sâu, bao nhiêu thịt trong mình đều đã sút đâu hết cả, chỉ còn trơ lại một bộ xương, xem ra thì đã không còn giống người.

Rồi qua ba năm nữa, người trong xóm mới trở lại chú ý đến hòa thượng Liễu-Hải. Họ mới nảy ý tò mò, thử ước lượng chiều dài cái hang, thấy đã được chừng một trăm hai chục thước. Thì ra nhà sư



đã đục thủng hết một phần ba khối đá to tướng kia. Bấy giờ bao nhiêu thôn nhân lại tròn xoe đôi mắt kinh ngạc mà dòm, hồi tưởng sự nòng nòi trước kia của mình mà hồi tiếc vô cùng. Chẳng bao lâu, có tiếng búa của mười mấy tay thợ hòa lẫn tiếng búa của sư Liễu-Hải. Nhưng chỉ được một năm, rồi thì lại giống hệt như lần trước, người trong xóm lại tiếc

rẻ món tiền thuê nhân công, lãng phí không nên trò trống gì. Bọn thợ đá dần dần lãng đi đầu mất, rốt cuộc chỉ vòn vện còn có tiếng búa của một mình Liễu-Hải, tiếng búa đơn độc vang trong lòng đá tối om om.

Rồi qua năm năm, cánh tay gầy dẹt của Liễu-Hải, trông giống như đúc bằng sắt, vẫn cứ không nao không núng, vẫn đều đều

bồ tới đưa lui. Từ ngày bắt tay vào việc đến nay, tính ra vừa đúng mười tám năm trời, và khối đá to tướng kia, ai có cè đầu đã bị nhà sư đục thủng hết phân nửa. Người trong xóm bưng mắt nhận thấy cái kỳ tích ấy, rất thẹn cho mình hai lần trước đã nửa chừng bỏ cuộc, hữu thi vô chung, bây giờ lại thành tâm thành ý đến hợp tác với Liễu-Hải. Bao nhiêu thợ đá trong miền lân cận, đầu chừng ba chục người, thôn nhân đều mượn đến làm chung, nên công việc tiến hành rất chóng.

Lúc bấy giờ, Liễu-Hải vì suốt mười tám năm nay, ngày nào cũng ngồi trong cùng thâm hang đá tối om lạnh ngắt, nên chẳng những sắc mặt tái mét, sút thịt trơ xương, mà đến cả hai chân vì ngồi lâu quá thành ra cũng không thể nào co duỗi dễ dàng được, động đi mấy bước cũng phải dùng gậy; gia dĩ bao năm thường không trông thấy ánh sáng mặt trời, lại phải hứng lấy bụi đá nát không lúc nào ngớt, nên đôi mắt cũng hóa ra mờ dần, không còn chút thần nào cả. Sư Liễu-Hải kiên nghị là thế, mà trước sự suy tàn của thân thể, cũng thấy thống khổ phi thường. Không phải là sư tham sống sợ chết, nhưng đường hầm đục chưa thông, nay rủi thác đi, thì nỗi tiếc ắt sẽ vô cùng. Nhà sư có lúc không khỏi vái thầm: « Lạy trời xin đề cho tôi sống thêm hai năm, xin đề cho tôi được nhọc mình thêm hai năm nữa ! »

Bước qua năm thứ mười chín, giữa lúc cái việc công đức ấy sắp sửa viên mãn, thì bỗng đâu có một người xa lạ, đến rình rập định sát hại sư Liễu-Hải. Thì ra khi chưa xuất gia, Liễu-Hải đã

từng giết người. Nên bây giờ con trai của kẻ địch tìm đến báo cừu.

Thật-Trợ, người thanh niên ấy, đã phí bao nhiêu năm trời đề dò la tin tức cừu nhân. Một hôm, đề đầu sự tình cờ xui khiến cho y nghe thấy người ta bảo nhau ở xứ kia, trên núi cao có một vị hòa thượng tên là Liễu-Hải, đã phát nguyện như thế nào, đục đường hầm như thế nào, làm bao nhiêu năm trời vẫn một mực kiên trì như thế nào, việc gì y cũng đề ý lắng tai nghe rành rẽ, rồi giắt một thanh bảo kiếm theo mình, y chiếu theo địa chỉ mà tìm đường.

Vừa đến miệng隧 đạo, Thật-Trợ may mắn gặp một người thợ đương gánh đá vụn ra khỏi hang. Y bèn hỏi thăm: « Hòa thượng Liễu-Hải có ở đây không ? » Người thợ đá trả lời: « Ông ấy ở trong kia kìa ». Thật-Trợ nghĩ bụng người thù mình đã mất công tìm kiếm bao nhiêu năm trời, nay thì có khác nào kiến trong miệng chén, mong gì trốn thoát được, bèn nói với người thợ đá: « Xin phiền bác thưa lại Hòa thượng Liễu-Hải hay có người ở phương xa lại muốn gặp mặt ».

Chẳng bao lâu, Liễu-Hải ở trong hang dò dẫm đi ra, đến ngay trước mặt Thật-Trợ. Bảo y là người tưởng không đúng bằng bảo y là một bộ xương khô, tóc dài lòa xòa rủ xuống trán nhăn nheo bần thiêu; y hấp háy cặp mắt đã biến ra màu xám tro như đề nhìn người đối diện. Thật-Trợ thốt trông thấy một vị lão tăng hình thù cổ quái dường ấy, lấy làm kinh ngạc bèn hỏi rằng: « Có phải ông là Liễu-Hải không ? » Nhà sư đáp: « Thưa phải, mà ông là ai ? » Thật-

Trợ bước sấn tới một bước, nói dần từng tiếng một : « Tôi chính là Thật-Trợ đây. Này ông Liễu-Hải, ông còn nhớ không ? Lúc thiếu thời ông đã giết chết cha tôi, hôm nay tôi đến đây chỉ có mỗi một việc là để trả thù ».

Hòa thượng không tỏ vẻ sợ hãi chút nào cả, trả lời bằng một giọng rất mực thản nhiên : « Ông nói không sai. Giết chết thân phụ của ông, chính là tôi vậy. Thưa ông Thật-Trợ, ông đến đây thật là phải lúc quá. Con đường hăm này, tôi đã mất mười chín năm trời rong rã đề đục, nay đã làm xong được chín phần mười. Ví phỏng tôi giờ có chết đi nữa, chút công việc còn sót lại đó, đâu phải mất mấy năm nữa cũng có thể hoàn thành, và điều tâm nguyện của tôi cũng có thể gọi là viên mãn được. Thưa ông Thật-Trợ, xin ông hãy cứ giết tôi ngay đi ! »

Thật-Trợ nghe hết câu nói, ra dáng trù trù. Ý nghĩ : « Giết một nhà sư già không đủ sức chống cự, mà cũng không có ý chống cự như thế này, phỏng gọi được là báo cừu hay sao ? Mà nếu tha hân, thì làm sao khỏi túi vong hồn cha ».

Ngay lúc ấy, có nhiều người thợ đá từ trong tụy đạo đi ra, định bụng giải vây cho Liễu-Hải ; trong số những kẻ đi đường dừng chân lại xem, cũng có đôi ba người xen vào hòa giải hộ. Nhưng chính vì có người ngoài cuộc can thiệp, nên chí phục thù của Thật-Trợ cảm thấy như bị gàn trở, bèn bưng bưng cháy lại. Ý một tay vỗ khẽ vỗ gươm nói rằng : « Cái tội ác giết cha tôi, một nghìn lần không thể nào khoan thứ được ». Người thợ cả thấy sự thế nguy cấp

bèn hết sức thành khẩn mà van xin Thật-Trợ : « Thưa ông, con đường hăm này quả là cái đại công đức mà pháp sư Liễu-Hải phải phí trọn một đời mới làm nên. Sư đã dày thân đến thịt nát xương mòn, chịu nhọc nhằn tận khổ đã gần hai chục năm trời, nay sự thành công đã sờ sờ trước mắt. Giả sử ông mà giết chết pháp sư ngay bây giờ, khiến cho sư không thể làm tròn công đức, thì nỗi tiếc hận đó quyết sẽ không bao giờ tan được. Cho nên chúng tôi cầu xin ông hãy đợi cho con đường hăm này hoàn thành, rồi sau sẽ báo cừu tường vắn còn kịp chán ». Trong quần chúng ai nấy cũng đều tán thành mà rằng : « Bác nói phải lắm. Cái biện pháp đó, không còn gì bì kịp ».

Thật-Trợ nghĩ ý định của mình đã bị người ngoài cuộc gàn trở như thế, thì chỉ bằng đợi cho tụy đạo hoàn thành, rồi sau sẽ báo cừu. Với lại đề cho nhà sư già này làm xong việc đại công đức của hân, âu cũng là một sự hay. Nghĩ thế, y bèn nói : « Ừ được, nhưng mà đến lúc đường hăm đục xong, xin các bác làm ơn đừng can thiệp nữa ». Người thợ cả nói : « Chúng tôi quyết chẳng nuốt lời. Vậy trong lúc con đường hăm chưa đục thông, xin ông vui lòng tạm ở đây mà đợi ».

Liễu-Hải, khi sự bàn tán xôn xao đã ngã ngũ, nhận thấy mình đã lãng phí bao nhiêu thì giờ quý báu, lấy làm tiếc rẻ vô cùng, bèn lật đặt chui trở vào hang làm nốt công việc bỏ dở.

Thật-Trợ nhờ một người thợ đá dẫn đến túp lều tranh của Liễu-Hải, vào đấy ở trọ ba bốn ngày nhặt phèo. Sang ngày thứ năm, vào khoảng hai giờ khuya, y thao

thức dẫn lòng căm tức không được, bèn lồm cồm nhồm dậy, thò tay dưới gối rút thanh bảo kiếm, lặng lẽ mò ra khỏi lều, bước vào cửa động, lần dò đi đâu được chừng một trăm thước, chỉ nghe thấy tiếng búa nện chan chát đồng vọng từng hồi, từ trong cùng thẳm hang đá vắng đưa ra. Y càng đi tới, tiếng búa càng rền. Cuối cùng tiếng búa chuyển thành tiếng vang, dội bốn bề vách đá. Thật Trợ nghe thấy lòng không khỏi bị những tiếng búa bi tráng kia làm cho rung động bồi hồi. Trong thoáng chốc, y như người nằm mơ sự tỉnh, nhận biết hành vi của mình quả là lầm lỗi. Y ngẫm nghĩ: « Hòa thượng Liễu-Hải phát nguyện cứu nhân, xả thân theo đuổi chí hướng hết nửa đời y. Một người quyết tâm làm tròn việc công đức to tát đường ấy, có cái nghị lực bền vững đường ấy, nay ta định thừa dịp nào y sơ ý, đề dâm y chết giữa đêm tối, hành vi ấy xét kỹ lại không phải là hèn nhất đó sao? » Nghĩ thế, cuối cùng y quỳ gót ra khỏi hang đá.

Cách đó mấy hôm, người ta thấy chính Thật-Trợ cũng ngồi lẫn với bọn thợ đá, tham gia công việc đục đường hầm. Y đã bỗng dưng giác ngộ, thấy rằng qua cho hết chuỗi ngày chờ đợi chán ngắt sao bằng giúp một tay vào việc công đức lớn lao ấy. Nó hoàn thành sớm được một ngày, thì việc báo cừu của chính mình cũng sớm được một ngày. Còn riêng phần Liễu-Hải, trông thấy Thật-Trợ lúi húi giúp mình, nghĩ rằng sự nghiệp của mình sớm hoàn tất được ngày nào thì tâm nguyện của người hiếu tử kia cũng sớm thành toàn được ngày ấy, nên hòa thượng cực kỳ nong nả, hăng hái đục vách đá, tưởng chừng như nòi cơn điên. Những lúc đêm khuya canh vắng, bọn thợ đều ngủ cả, hai người

ấy, cừu nhân bên cạnh cừu nhân, thường vẫn còn ngồi khua đục múa búa, từ công phu làm cho xong việc lớn.

Cứ thế ngày qua ngày lại, Liễu Hải khởi công đến nay thắm thoát mà đã hai mươi một năm trường, còn Thật-Trợ tìm được Liễu-Hải tính ra đã được một năm rưỡi. Một đêm kia, bọn thợ đá đã lui cả về lều tranh, chỉ còn lại Liễu-Hải với Thật-Trợ hai người vẫn kể tục công việc. Đến nửa đêm, Liễu Hải đương múa búa, thì bỗng thấy cái đục giống như là xấn vào gỗ mục, không gặp một sức cản trở còn con nào: thì ra — ai có dè đâu — vách đá đã bị xoi thủng một lỗ nhỏ.

Lúc bấy giờ, chính sư Liễu Hải, tuy mắt đã lòa, mà cũng còn nhìn được sự lạ: cảnh vật sau núi chan hòa ánh trăng đã theo lỗ hồng vừa mới xoi ấy mà giọi tới mắt nhà sư. Liễu-Hải kêu hoảng lên một tiếng: « Ủa! » dị thường, không thể nào miêu tả cho rõ ràng âm điệu và ngữ khí được. Tiếp theo là tiếng cười mừng ra nước mắt: « ông Thật-Trợ ơi, ông coi đây này, hai mươi một năm nhọc nhằn tân khổ, việc công đức lớn lao đến đêm nay thật là trọn vẹn! » Liễu-Hải vừa nói vừa kéo tay Thật-Trợ, chỉ cho y ngó xuyên qua lỗ hồng nhỏ trên vách đá để ngắm giò nước lấp lánh chảy sau núi.

Một lát sau, Liễu-Hải xích lại gần Thật-Trợ mà rằng: « ông Thật-Trợ, ngày giờ ước định nay đã đến rồi. Xin ông cứ thản nhiên thành toàn điều tâm nguyện của ông, là báo cừu cho phụ thân ông đi, để cho tôi được lìa thế gian ngay giữa lúc tôi vui sướng thế này. Xin mời ông xuống tay ngay phút này. Sáng mai bọn thợ đá lại đến ngăn trở. Mau lên đi ông! xin ông

ra tay mau lên, sớm được phút nào hay phút ấy ! »

Nhưng Thật-Trơ chỉ ngồi im như phỗng trước mặt Liễu-Hải, khoanh tay lại, cổ nuốt nước mắt, không thốt một tiếng nào. Đăm đăm nhìn gương mặt khô khan của vị lão tăng, y nghe thấy từ trong đáy lòng trào lên một nỗi vui lạ thường đến biến thành nước mắt. Y tuyệt không còn cái ý xem vị hòa thượng như cừu nhân nữa, tuyệt không còn cái ý định giết chết người kia nữa. Lúc bấy giờ tràn ngập cõi lòng Thật-Trơ không phải là chí báo cừu, mà là một nỗi cảm động lẫn kinh ngạc: không bờ bến về cái sức mong manh của đôi cánh tay người, mà lại có thể hoàn thành một sự nghiệp vĩ đại dường ấy. Y quì gối bò lăn tới, đưa tay siết chặt lấy bàn tay của vị lão tăng. Hai người cùng như nhau, quên

bằng mọi sự, chỉ còn biết là đương cùng nhau tay nắm tay, bốn mắt cùng rung rung dòng lệ sướng vui ấm, sáng tuyệt vời.

YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN thuật
(*Những chuyện của ngày xưa*)

Lời dịch giả :

(1) Truyện « *Ánh trăng trong lòng đá* » này, nguyên văn bằng chữ Tàu ; chúng tôi được đọc trong một độc bản bực Cao-Trung (ta gọi là ban Tứ Tái) ; truyện nguyên đề là « *Tạc tượng đạo* » (Đục đường hăm), mà chẳng có ghi tên tác giả hoặc lời gì thêm, nên chúng tôi không biết đây là truyện sáng tác hay là truyện dân gian, mà của Trung-hoa, của Cao-ly hay của Nhật-bեն. (Mà biết đâu lại chẳng là của một người Việt lưu vong nào ?).

Bạn đọc nào biết hơn, tin cho chúng tôi rõ, chúng tôi thăm tạ.

Thế nào là lấy « Nghĩa » làm lợi cho Quốc Gia ?

Mạnh-hiến-tử đại phu nước Lỗ nói : Kẻ có xe bốn ngựa (chỉ quan sĩ, quan đại phu) không nên để ý đến việc nuôi gà, nuôi heo. Kẻ dùng nước đá để ướp thịt (chỉ quan đại phu, quan khanh), không nên để ý đến việc nuôi bò, nuôi dê. Nhà có hàng trăm cỗ xe (chỉ quan khanh, vua chư hầu), không nên nuôi bề tôi thu thuế quá nặng của dân. Thà nuôi bề tôi ăn cấp của mình còn hơn là nuôi bề tôi thu thuế quá nặng của dân. Đó là nghĩa câu : Lấy « nghĩa » làm lợi cho quốc gia hơn là lấy « lợi » làm lợi cho quốc gia.

ĐẠI-HỌC



THOMAS ALVA EDISON

Người có 2.500 bằng phát-minh

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

CÁCH đây chín mươi năm, một nhật báo nọ đăng tin một nhà giáo ở Nam-Việt kiện người cha của một học sinh. Cậu này làm biếng, lại nghịch ngợm, bị thầy học rầy và bắt quỳ gối, mắc cớ với bạn, uất ức về mách ba, và ba cậu — mà địa vị trong tỉnh hình như cao hơn ông giáo một chút — nổi cơn lôi đình lên, dắt cậu con lại nhà ông giáo để mắng ông giáo, làm ông này mất mặt. Nhà giáo đưa đơn kiện, và vị thẩm phán, hồi đó còn là người Pháp, xử ông giáo thắng, lại tặng thêm cho người cha nóng tính nọ một bài luân lý về phép cư xử với thầy học của con. Tờ báo đó kết luận đại ý như vậy : Dân tộc mình nổi tiếng là biết trọng ông thầy, nên có câu « quân sư phụ »; mà bây giờ có

kẻ dễ cho người Pháp dạy lại bài mình học kính thầy đó thì thực là xấu hổ quá.

Chắc bạn cũng trách người cha đó là lỗ mãng, vô lý, mười phần có lỗi cả nửa. Nhưng xin bạn đọc một câu chuyện tương tự dưới đây, xảy ra ở Mỹ cách nay khoảng một thế kỷ, vào năm 1854.

Bạn biết tên Edison chứ, nhà phát minh kỳ tài đã sáng chế ra đèn điện và máy hát ? Hồi bảy tuổi, ký tính ông rất kém, học cái gì quên cái đó, luôn luôn « đội sỏ », ở trong lớp thì hoặc mơ mộng, hoặc nói chuyện làm cho thầy giáo thất vọng. Nhiều bác sĩ coi đầu ông lớn dị thường, đoán rằng ông sẽ đau óc.

Một buổi chiều, ở trường về, ông hỏi bà mẹ :

— Má, thế nào là « trật đường rầy », má ?

Bà cụ phì cười :

— Một chuyến xe lửa trật đường rầy, mà con không hiểu sao ?

— Hiểu chứ, má ; nhưng một đũa nhỏ trật đường rầy là nghĩa làm sao ?

— Nghĩa là nó hơi khùng, chứ làm sao ?

— Và thế nào là « không bình thường », má ?

— Không bình thường ? Nghĩa là... Nhưng con nghe ai nói vậy ?

— Chiều nay ông Thanh tra tới thăm trường, má ạ. Ông có hỏi thầy về các học trò. Con thấy thầy chỉ con cho ông Thanh tra, rồi bảo rằng con « trật đường rầy » con « không bình thường » như những trò khác, và dạy dỗ con chỉ là tốn công vô ích.

Tức thì bà cụ la :

— A, thầy giáo bảo con như vậy, hả ? Đi ngay với má, má lại làm một trận cho thầy ấy biết.

Và bà cụ, mắt long lên, nắm tay cậu con lôi đi, hùng dũng tiến lại nhà ông giáo. Tới nơi, bà hỏi :

— Thầy nói những gì với ông Thanh tra về thằng Al của tôi — Edison chính tên là Thomas Alva Edison, trong nhà thường gọi là Al — tôi đã biết hết. Thầy bảo nó là « trật đường rầy » ; tôi cho thầy hay : có kẻ nào trật đường rầy thì là thầy, chứ không phải nó. Tôi chỉ cầu cho thầy thông minh bằng nửa nó thôi.

Rồi bà lớn tiếng :

— Thầy nhớ kỹ, một ngày kia người ta sẽ nhắc đến tên tuổi nó.

Ông giáo nín thinh.

Nói xong, bà bảo cậu con :

— Thôi, từ nay, con khỏi tới trường nữa, ở nhà má dạy cho », và quay gót bước ra.

Bà đã giữ đúng lời đó. Bà dạy con lấy và Edison sau thành một thiên tài bậc nhất thế giới,

Tôi cũng nhận rằng bà cụ « Trương Phi » quá, nhưng bảo bà là vô lý, thì tôi không dám. Nếu bà cho lời ông giáo là phải, mà rầy con, bắt con tiếp tục đi học, thì có lẽ Edison đã « trật đường rầy » thật, mà ngày nay chưa chắc chúng ta đã có đèn điện để dùng. Và tôi tự hỏi nếu cậu bé đã gây ra vụ kiện tôi kể ở trên, sau này thành một vĩ nhân, thì lời phán đoán của chúng ta về hành vi của thân phụ cậu có thay đổi chút nào không nhỉ ?



Thân mẫu Edison có tánh Trương Phi như vậy một phần do ông nội bà là nhà cách mạng cầm quân dưới thời Washington. Chồng bà cũng có máu hảo hớn. Từ mấy đời trước, giòng Edison vẫn nổi danh là cương cường, bất khuất. Quê quán ở Hòa-Lan, tổ tiên Edison làm nghề đánh cá, có óc mạo hiểm, qua Gia-Nã-Đại lập nghiệp ở tỉnh Vienne.

Thân phụ Edison là cụ Samuel cùng với vợ mở một quán cà phê ở đó, tụ họp các người chống chính quyền của

Anh, nòi giống Huê-Kỳ phất cờ khởi nghĩa để giành độc lập cho Gia-Nã-Đại. Việc thất bại, Samuel phải đào tẩu, qua Huê-Kỳ lập nghiệp ở Milan, trên bờ hồ Erié. Alva Edison sanh tại đó ngày 11 tháng 2 năm 1847.

Mấy năm sau, một đường xe lửa đầu tiên xuyên qua miền ấy. Cụ Samuel tiên đoán rằng đường xe lửa đó sẽ làm cho sự buôn bán ở Milan suy sút, bèn rời nhà qua Port Huron, mở một tiệm buôn lúa. Lúc đó Alva bảy tuổi, vào học trường làng. Nhưng cậu chỉ học có ba tháng, rồi, như trên tôi đã kể, thân mẫu cậu cho cậu học tại nhà. Cụ hồi trước cũng đã dạy học, nên sẵn sóc sự giáo dục cho con rất chu đáo. Edison rất quý mẹ, sau này viết : « Nhờ có má tôi, tôi mới được như ngày nay. Tôi quyết tâm không khi nào làm cho người thất vọng. Người rất thành thực, rất tin ở tôi. Người là lẽ sống của tôi. Luôn luôn tôi nhớ tới người. »

Alva học ở nhà được ba bốn năm. Cậu rất thích môn hóa học, và có óc rất thực tế. Sau nhà có một khu đất. Song thân cậu cho cậu tự ý muốn trồng gì thì trồng. Cậu bèn trồng rau để bán cho hàng xóm, dành dụm được một số tiền kha khá, biếu bà cụ một nửa, còn một nửa dùng để mua sách và các chất hóa học về thí nghiệm.

Người hỏi mua rau mỗi ngày một nhiều mà sức cậu trồng không được mấy. Cậu nảy ý đi buôn rau. Cậu xin phép song thân đi lại Detroit mua rau, chở xe lửa về bán. Hai cụ mới đầu không chịu nghe : « Đồ con nít, mới mười hai tuổi đầu, mà đòi

đi buôn ! » Nhưng cậu năn nỉ quá, song thân đành phải cho.

Alva thích chí lắm. Xe lửa tới Detroit, cậu nhảy xuống đi mua rau xong rồi còn dư thì giờ lang thang hết phố phường, ngắm nhà cửa, hàng hóa, kẻ đi người lại ; gần tới giờ xe về, mới hấp tấp lại ga, leo lên xe với một thùng lớn đầy rau.

Nhưng đi lang thang hoài cũng chán, sau cậu nghĩ cách dùng thì giờ rảnh ở trên xe và trong khi đợi xe, sao cho có lợi. Cậu xin vào một hội thanh niên để được mượn sách ở thư viện. Cậu lại xin chân bán báo cho công ty xe lửa, như vậy khỏi phải trả tiền xe mà lại kiếm thêm được tiền. Cậu bán tờ *Detroit Free Press* cho hành khách trên xe và các nhà ga. Công ty xe lửa cho cậu một khu trong một toa chở hàng để cậu chứa rau, báo, sách và các chất hóa học, vì cậu vẫn mê hóa học, lúc nào rảnh là làm những thí nghiệm hóa học ngay trong toa.

Mới nhỏ tuổi, mà cậu đã có tài đầu cơ nữa chứ. Hồi đó gặp lúc nội chiến đương phát dữ, Detroit mới nhận được tin tướng Johnston tử trận ở Shiloh. Cậu yêu cầu nhân viên điện tín nhà ga đánh điện cho các ga trên đường về Port Huron để dán một tờ báo cáo nhỏ cho hay rằng chiều sẽ có nhật báo đăng đủ chi tiết về trận Shiloh. Rồi cậu lại nhà báo *Detroit Free Press*, xin mua chịu thêm 800 số nữa, cộng với 200 số trả mặt thường lệ là 1000 số.

Giá báo cứ tăng vọt lên từ ga này tới ga sau ; Edison bán hết cả ngàn số.

Hôm sau chàng dùng ngay số tiền đó để mua một cái máy in cũ. Gọi là máy

in, chứ sự thực nó chỉ là một cái máy ép đơn sơ quay bằng tay.

Và đã hùng tâm ghê gớm chưa? Từ hôm đó chàng thành ông chủ báo. Tờ báo lấy tên là *Weekly Herald*, mỗi tuần ra một số. Tòa soạn là toa chờ hàng của công ty xe lửa. Edison, lúc đó mới mười lăm tuổi, vừa làm giám đốc, vừa làm chủ bút, vừa làm thợ sắp chữ, thợ in, vừa lấy tin tức cùng quảng cáo, vừa viết, vừa phát hành. Báo in hai trang, mỗi kỳ bốn trăm số. Chàng khôn lanh, nhận thấy rằng tờ *Detroit Free Press* chỉ đăng tin trong nước mà thiếu tin trong miền, nên nên chỉ lượm toàn những tin trong miền, bán rẻ ba xu một số, và ai mua tháng thì chỉ phải trả tám xu. Không biết báo bán có chạy không, nhưng đã có một tiếng vang tới tận Luân-Đôn. Tờ *Times*, lớn nhất ở Luân-Đôn phải nhắc tới nó, nhận rằng chưa có tờ nào in trong một toa xe lửa như nó.

Nhưng chẳng bao lâu, ông chủ báo Edison bị người xếp xe của công ty hỏa xa bạt tai và xô xuống đường: Một buổi sáng năm 1862, chuyển xe lửa chờ tòa soạn của Edison đương chạy hết tốc lực để khởi trể, thì ở toa chờ hàng, có khói đen bốc lên. Còi xe rít lên rùng rợn. Xe chạy chậm lại rồi ngừng. Người thợ máy nhảy xuống đường, lại toa chờ hàng, rồi hết thấy nhân viên trên xe đều xách nước lại dập lửa. Họ liệng từ trong toa ra nào là rau, sách vở, báo chí, pin điện, máy in, ống thuốc. Một thanh niên độ 16 tuổi, bị xô xuống đường. Người xếp xe mặt đỏ gay, vừa bạt tai thanh niên đó, vừa mắng:

— Mày chưa đốt xe của tao chưa?

Edison vừa xoa tai, vừa lượm đồ, thu lại một chỗ. Tai nạn đó xảy ra vì trong lúc thí nghiệm, chàng sơ ý để cho một thỏi lân tinh rớt trên sàn xe rồi bốc lửa, cháy lan qua đồng báo. Từ bữa đó, chàng nặng một bên tai, không nghe được những tiếng nhỏ.

Nhưng chàng không thất vọng. Chàng không hề biết thất vọng là gì. Lần thất bại đó là lần đầu. Sau này chàng còn thất bại nhiều lần nữa, mà lần nào cũng vậy, cứ sau mỗi thất bại, chàng lại hăng hái thêm một chút.

Về nhà, chàng đặt máy in trong cái hầm của cha, đổi tên báo là *Paul Pry*, không đăng tin vặt trong miền nữa mà viết những mục trào phúng để chỉ trích các nhà tai mắt ở Port Huron. Số độc giả tăng lên mạnh; nhưng những người bị chỉ trích nổi đóa lên, và một kỹ nghệ gia nọ, giận quá, chạy lại nhà Edison, nắm cổ chàng kéo xềnh xệch ra tới bờ sông và liệng chàng xuống nước. Chàng lóp ngóp lội vào và ngưng nghề làm báo.



Cách đó không lâu, một dịp may xảy tới, và chàng tìm được hướng đi cho đời mình. Một hôm, chàng thơ thẩn trong ga Mount Clemens, nhìn một toa xe hàng rời đầu máy mà chạy một mình trên một đường dốc về chỗ tránh của nó. Thành linh chàng hoảng hồn: một em nhỏ đương chơi trên đường rầy mà toa xe sắp tới. Chàng đâm bồ lại, vừa kịp kéo đứa nhỏ ra thì bánh xe chạm vào gót chân chàng. Người xếp ga chạy ra, rất cảm động:

— Cậu đã cứu sống con tôi. Tôi làm cách nào đền ơn cậu được? Tôi giúp cậu được việc gì không?

Edison suy nghĩ một chút, đáp:

— Tôi muốn học nghề điện báo. Ông dạy tôi được không?

— Được lắm! Tôi rất sẵn sàng. Bao giờ cậu lại học? Sáng mai nhé?

Hồi đó điện tín mới được áp dụng ở Mỹ và dọc theo các đường xe lửa, chỗ nào người ta cũng dựng những cột dây thép mới. Edison rất ham nghiên cứu về phát minh mới đó, muốn học thuộc lòng những dấu « Mooc » (Morse) nhất là tìm hiểu xem có cái sức gì làm cho người ta gõ máy ở đầu dây đằng này mà ở đầu dây đằng kia cách cả ngàn cây số, máy cũng chạy.

Trong buổi học đầu, chàng hỏi người xếp ga. Viên này đáp:

— Có gì đâu. Cậu cứ tưởng tượng có một con chó lùn, mình dài cả ngàn cây số, đuôi ở Edimbourg mà đầu ở Luân-đôn. Nếu mình kéo đuôi nó ở Edimbourg thì có phải nó xua lên ở Luân-đôn không? Máy điện tín là vậy.



Ốc của Edison quả là « không bình thường », luôn luôn suy nghĩ, tính toán, tìm tòi. Cậu không tin lời giảng đó, tra cứu thêm và sau bốn tháng, cậu biết căn kẽ về khoa điện tín, được viên xếp ga cho làm việc. Hồi đó cậu mười bảy tuổi, nghĩ ra được một phát minh, nhưng chính vì tài phát minh đó mà cậu bị mất việc.

Bồn phẫn của cậu là phải gác đêm trong một ga nhỏ, ga Stratford. Mỗi giờ cậu phải đánh về ga chánh, dấu hiệu « 6 » đề cho ga chánh biết rằng cậu vẫn thức. Đêm nào, số « 6 » cũng được đều đều truyền đi. Rồi một đêm ga chánh gọi ga Stratford mà không thấy trả lời. Viên kiểm soát tức thì đến Stratford để coi xem vì lẽ gì và thấy Edison đang ngủ khò trong một góc phòng.

Thì ra cậu Edison làm biếng, không chịu thức, chế ra được một cái máy cứ đúng giờ là truyền số « 6 » đi. Máy có một cái đồng hồ, nối với một bánh xe có răng, khi bánh xe quay thì hơi điện khóa, mở, thành một vạch dài và bốn chấm, tức số « 6 ».

Sau vụ đó, Edison xách va li về nhà. Luôn trong năm năm sau, chàng tiếp tục làm điện tín viên cho nhiều Công ty xe lửa khác, vừa làm việc, vừa thí nghiệm về hóa học, vừa phát minh. Một lần, thấy trong phòng nhiều gián quá, chàng đóng vào tường hai miếng giấy bạc nối với hai điện cực của một cái pin, rồi kiên nhẫn ngồi đợi gián bay tới, đậu vào giấy bạc, bị điện giật mà chết.

Chàng học thêm về điện, về hóa học, hí hoáy chế tạo, làm việc gần hai chục giờ một ngày. Chàng nói: « Tôi có nhiều việc làm quá, mà đời thì ngắn quá, nên tôi phải làm gấp! »

Chàng lập một xưởng nhỏ, chế tạo được một kiểu máy ghi số thăm, và trình chính phủ đề xin chứng chỉ phát minh. Chứng chỉ đó là chứng chỉ đầu tiên, và sau này Edison còn xin được hai ngàn rưỡi chứng chỉ khác nữa. Máy ghi số

thăm đó rất tinh xảo ; ta chỉ cần nhận một cái nút, rồi máy sẽ làm lấy hết mọi việc. Nhưng khi đem máy lại Hoa-Thịnh-Đồn, trình quốc hội, thì quốc hội không chịu dùng. Edison ngạc nhiên hỏi :

Tại sao vậy ? Ông cũng thấy rằng máy ghi đúng lắm mà !

Phải. Nó ghi rất đúng. Nhưng chính vì nó ghi đúng quá, nên không thể dùng nó được. Đúng quá thì người ta không thể nghi ngờ về giá trị của cuộc biểu diễn nữa, và như vậy người ta

không thể chống nhau gây lộn với nhau được nữa, chú em hiểu không ?

Edison đứng ngây người một lúc rồi ra về. Chàng nghĩ cách chế một máy điện tín kiểu mới cho các nhà doanh nghiệp dùng, và năm 1869, chàng xa quê, lên Nữ-Uớc làm ăn. Tới Nữ-Uớc chàng chỉ còn có mỗi một Mỹ kim.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Đường lối phải đi để nắm được dân

Ưa thích những điều người không ưa thích ; không ưa thích những điều người ưa thích, đó là ăn ở trái với cái tính của người. Như vậy thân mình tất gặp điều tai họa. Cho nên người quân tử noi theo cái đường lối trọng đại này (là ưa thích điều dân ưa thích và không ưa thích điều dân không ưa thích) (người quân tử biết rằng) có thật trung tín mới giữ được đường lối đó, còn như kiêu ngạo xa hoa thì chắc là sẽ mất đi vậy.

ĐẠI-HỌC

Mọi sự điều có thể trở thành phương tiện cho ta, kể cả những trở lực. Đức hạnh ta trở nên xấu xa như cây leo

trèo lên bức tường vậy.

Hãy cho một dân tộc nhiều bà mẹ mạnh và đảm, ta có thể

đảm bảo dân tộc ấy.

Edison nói khác nữa. Máy ghi số

tươi chứng chỉ khác nữa. Máy ghi số

...

...

...

cái tỏ đầy than cơ
 bỏ vữa cườ, vữa i
 « Man-Ni hãy coi
 đem thức này lại
 « vãn vãn
 Mả cở vi nhĩ c
 là Mọc-Lan vậy. M
 mản vãn mản m
 mản mản mản m

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
 (VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thường, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hong-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mọc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông (vợ) người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dục-dối nên ông Tăng-văn-Phắc, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhận ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mọc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lớn ông bà Tăng-Văn Phắc làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì từ Tô-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mọc-Lan cho cậu Tân-Ao người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mọc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyển họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tỵ-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hủ và nhân Bán-A đã đính hôn với Man-Ny, nên Tăng-gia mời thân mẫu nàng và nàng lai Kinh, làm lễ cưới « Xung-Hi », để hóa may, có cứu được bệnh nhân. Chẳng ngờ Vạn-tông các hội dưới đây, hai mẫu nữ Man-Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần Kinh và sau đó, Bán-A và Man-Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoài bệnh.

... Bước vào bên trong, một cảnh hoang vu, đời phế bầy ra trước mắt và làm cho nàng vừa thấy lạnh cả người, vừa thấy lòng run sợ. Lúc ấy, hình như đương buổi hoàng hôn, nàng tự nghĩ muốn thắp đèn cho sáng lên, nàng liền sờ soạng, vợ được một

lại, cô thêm mấy năm gặp mặt nhau. Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thường, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hong-Châu để lánh nạn. Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mọc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông (vợ) người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích. Cũng là duyên trời dục-dối nên ông Tăng-văn-Phắc, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhận ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mọc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ. Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lớn ông bà Tăng-Văn Phắc làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì từ Tô-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mọc-Lan cho cậu Tân-Ao người con trai út của họ Tăng. Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mọc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyển họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tỵ-chức. Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít. Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hủ và nhân Bán-A đã đính hôn với Man-Ny, nên Tăng-gia mời thân mẫu nàng và nàng lai Kinh, làm lễ cưới « Xung-Hi », để hóa may, có cứu được bệnh nhân. Chẳng ngờ Vạn-tông các hội dưới đây, hai mẫu nữ Man-Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần Kinh và sau đó, Bán-A và Man-Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoài bệnh.

lại, cô thêm mấy năm gặp mặt nhau. Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phỉ, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thường, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hong-Châu để lánh nạn. Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mọc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông (vợ) người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích. Cũng là duyên trời dục-dối nên ông Tăng-văn-Phắc, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhận ông Tăng cũng đem gia-dinh về thăm quê nhà, ông đưa Mọc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ. Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lớn ông bà Tăng-Văn Phắc làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì từ Tô-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngỏ ý muốn xin Mọc-Lan cho cậu Tân-Ao người con trai út của họ Tăng. Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mọc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyển họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tỵ-chức. Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít. Nào ngờ đâu, Bán-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hủ và nhân Bán-A đã đính hôn với Man-Ny, nên Tăng-gia mời thân mẫu nàng và nàng lai Kinh, làm lễ cưới « Xung-Hi », để hóa may, có cứu được bệnh nhân. Chẳng ngờ Vạn-tông các hội dưới đây, hai mẫu nữ Man-Ny, lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần Kinh và sau đó, Bán-A và Man-Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngoài bệnh.

cái rổ đầy than củi. Vị nữ lang đó vừa cười, vừa nói :

« Man-Ni hãy coi đây này, tôi đem thũe này lại cho Man-Ni, đây này. »

Mà cái vị nữ lang coi bộ y như là Mộc-Lan vậy. Man-Ni lại nhớ ra, có thêm mấy năm nay, không gặp mặt nhau. Trong khi vị nữ lang tiến lại gần nàng thì nàng tự nghĩ : « Không biết đi tìm ở đâu ra mấy que diêm bây giờ?... » Cái vị nữ lang đó lại hình như ngầm hiểu được rằng nàng đang nghĩ cái gì ở trong bụng và bảo nàng : « Ở kia, ở trên bàn thờ kia, chẳng có một cây đèn « vĩnh minh », đời cháy tổ là gì, kia ? » nàng nhìn lại thì, trước thần tòa, quả nhiên có một ngọn đèn dầu đang cháy sáng. Thế rồi, hai người liền lấy mấy ngọn rơm nỏ lửa đèn và đốt lên một đồng lửa to, ấm áp. Hai người lại dắt nhau đi; lối đi là một cái hành lang rất hẹp mà ở phía trong lại có đề ngồn ngang mấy cỗ quan tài. Man-Ni sợ quá, run bần người lên. Bỗng ở đầu kia của hành lang có một người đàn bà bận toàn đồ trắng, mặt trái xoan trông rất hiền từ, rất mỹ lệ và giống y hệt đức Quan-âm Bồ-Tát vậy. Người đó gọi :

« Man-Ni! con cứ đi lại đây! »

Man-Ni ý rất muốn đi tới nhưng lại sợ đi qua những cái cỗ áo quan kia, nên cầu khẩn vị nữ lang áo đen cùng đi với mình; nhưng, vị nữ lang này không ưng

thuận, mà bảo nàng rằng : « Để tôi ở đây coi cái đồng lửa này chứ, chị cứ đi đi, tôi đợi chị ở đây, mà! »

Nàng có cái cảm giác hình như có một cái sức dụ hoặc gì lôi kéo nàng, bắt phải đi theo cái hành lang đen tối và đầy đầy những cỗ áo quan kia. Nàng do dự, trù trù, chưa dám quyết định ra sao, thì vị Quan-âm vừa cười, vừa dỗ : « Đừng có sợ! con cứ đi, đi vào đây, rồi ta sẽ dẫn cho con xem cung điện của ta. »

Theo tiếng gọi, Man-Ni đánh liều đi tới, nhưng, khi tới một cái lạch sâu thăm thẳm, mà, để đi qua, người ta đã bắc ngang một chiếc cầu làm bằng một cái nắp quan tài, ; đức Phật-bà vẫn đứng ở mé bên kia đợi, Nàng liền nói : « Con không thể nào sang được đâu! » Đức Phật bảo : « Sang được mà, con cứ mạnh bạo mà bước sang đây, thế nào con cũng sang qua được! » Cái nắp áo quan chỉ hẹp độ nửa thước, ở giữa lại cong vòm xuống; chân của nàng thì bó, đi làm sao cho nổi. Bên kia, tiếng thúc giục vẫn liên liên vọng sang. « Sang được mà, con cứ mạnh bạo mà bước sang đây, thế nào con cũng sang qua được! »

Ấy thế mà, không ngờ, nàng bước sang được thật.

Ô! mé bờ bên kia là cả một cái bồng đảo; chung quanh nàng toàn là cây ngọc, lá vàng; nàng

đạp lên trên những đóa hoa bằng ngọc châu mà đi; bao nhiêu đèn đài, lầu các nguy nga hiện ra trước mắt nàng; rồi ngọc bích, kim hoàn, họa đồ, điều lương, bảo tháp, hồi lang, tất cả chói lòa, ngời sáng rùng rục! Cái cổ miếu ở phía sau đã biến đi đâu mất; ở chung quanh những tòa cung điện này, toàn thị một màu tuyết trắng bằng phẳng; rồi nàng cảm thấy, chính toàn thân nàng, nàng cũng đã mang toàn đồ trắng muốt như băng, và tự nhận thấy mình vô cùng thanh tao, khiết bạch. Những giải băng ở trên các ngọc thụ nhỏ xuống đều lơ lửng, mong manh, huyền ảo.

« Con đã coi đủ cả chưa? » Nàng cứ đi gần mãi lại; càng gần, càng nhận rõ ràng rằng người đàn bà đó chính là đức Quan-thế-âm, không còn hồ nghi được nữa.

Thế rồi, nàng đi theo đức Phật, và cùng với Ngài, đi tới một cái bình đàn, toàn lát bằng đá cẩm thạch và bước vào một tòa cung điện. Cái tòa cung điện này, nàng đã rõ, đó là « Vĩnh-minh-cung ». Bên trong, nàng nhìn thấy vô số là hải đồng, cả nam, lẫn nữ, người nào cũng xách ở tay một cái lẵng đầy hoa; ở đầu kia thì một bọn dương thị phụng hương, trúc, ở một cái bàn thờ; ở đầu này, thì một đám đông, đương trò chuyện với nhau một cách vui tươi và rất tự nhiên, hình như chẳng người nào có vẻ e thẹn, ngượng ngùng, gì cả.

Trong đám hải đồng, bỗng có một cô nương, bận áo màu xanh lục chạy ra đón nàng, cô nương đó niềm nở nói rằng: được thấy nàng trở về thì mừng rỡ vô cùng. Nghe ngần ấy lời, Man-Ni có cái cảm tưởng rằng, thì ra trước đây, nàng cũng đã ở qua nơi này, mà cái cung điện này chẳng hề xa lạ gì đối với nàng, quá ư quen thuộc, là khác nữa. Bởi vậy, tự dưng, nàng không thấy thẹn thùng, bẽn lẽn nữa, và nàng cũng cười nói, chuyện vãn với tất cả, một cách rất tự nhiên.

Cái cô nương bận áo xanh lại hỏi nàng: « Vậy chứ cái người bạn đồng hành hiện bây giờ ở đâu? » Man-Ni ngơ ngác, nghĩ lui, nghĩ tới hoài, mà không sao nhớ được ra cái người bạn đồng hành đó là ai?

Cô nương áo xanh lại hỏi: « Kia, cái người cùng với chị đi xuống dưới ấy khi hai người dời khỏi nơi đây, thôi! » Như vậy, bỗng Man-Ni mới sực nhớ ra tất cả. Thì ra, trước đây, nguyên lai, nàng cũng là một người tiên nữ ở trong cái vườn tiên này. Nàng đã chót đại, yêu thương một người tiên nam cũng cùng ở trong vườn này với nàng. Như vậy là một tội, vì nàng đã vi phạm vào quy luật. Bởi thế, hai người đã bị đuổi ra khỏi vườn tiên và bị đẩy xuống hạ giới để mà yêu nhau, rồi chịu sự đau khổ, để chuộc tội.

Bây giờ thì nàng đã hiểu một cách minh bạch, tại sao nàng cùng với người bạn lòng, đương lâm vào một cái ma nạn cực kỳ đau thương, khốn khổ.

Người đàn bà bạn đồ trắng lại trở lại, dắt nàng đi về, vì người bạn của nàng đương mong đợi nàng. Rồi, bà lấy tay đẩy nàng một cái, nàng thấy như mình bị ngã vào trong không trung. Hốt nhiên, nàng nghe thấy có người gọi : « Man-Ni, tỉnh lại đi ! Man-Ni ! » Nàng mới mở mắt ra, nhìn tứ phía ; ô lạ sao nàng lại đương đứng ở chính ngay cái cồ miếu hồi nãy. Cái cồ bạn mặc đồ đen đương ngồi ở đó để coi đồng lửa, còn nàng thì nàng lại đương nằm ở một bên.

Nàng sẽ hỏi : « Bây giờ, tôi ở đâu, đây nhỉ ? »

Có bạn đáp : « Chị vẫn thì nằm ở đây mà, nhất định chị đã mơ một giấc mơ ; chị có biết không, chị đã ngủ thiếp đi tới nửa giờ rồi ; chị hãy coi đồng lửa đây này, nó cháy gần tàn rồi, kia mà. »

Man-Ni nhìn đồng lửa và nhận ra sự hiển nhiên rằng nàng đã vừa mơ một giấc mơ rất kỳ dị, Nàng nói :

« Mà, thật vậy, tôi vừa nằm mơ thấy đến một nơi đẹp quá !.... Tôi thấy, tôi đi vào một cái lối vừa tối, vừa hẹp ; ở trong đó, lại có đề ngồn ngang những cồ quan tài, tôi phải đi qua một cái cầu

nhỏ làm bằng một cái nắp áo quan.... tôi có yêu cầu chị đi với tôi, nhưng chị không ưng. »

« Cái lối nào, ở đâu ? »

« Ở đằng kia, kia.... » Man-Ni trả lời xong cô áo đen, liền ngẩng lên nhìn về phía trong cùg, ra ý tìm tôi.

« Đích là chị mơ rồi, ở đằng này có lối đi nào đâu, kia chứ.... ngoài kia, là cái sân đấy mà.... »

« Không, tôi không tin.... rõ ràng có mà « lộ », hay là chị mơ thì có, để tôi đi coi xem nào.... »

Cô áo đen vội nắm áo Man-Ni, lôi lại và bảo : « Đừng có nói bậy nào.... chị ngủ mê và mơ mộng lung tung nên bị kích động.... chứ, chúng ta vẫn ở nơi đây từ lúc nãy, tới giờ, ngoài kia, vẫn thì hạ tuyết, kia mà. »

Trong khi đó, cô áo đen lại càng níu áo nàng mà lôi thiệt mạnh. Nàng lại nghe tiếng gọi rất lớn : « Man-Ni ! Man-Ni ! Man-Ni ngủ mơ đấy à ? » Nàng mở choàng mắt ra, tỉnh lại, và trông thấy Quế-Cô đương, vừa cười, vừa níu cửa tay áo nàng mà giựt. Bây giờ nàng mới nhận ra, nàng đương nằm ở trong cái phòng, trong công quán của Tăng-gia.

Quế-Cô nói : « Chắc là em mệt quá thì phải.... »

(còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

BÁCH KHOA XXXII

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VẮN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TẶNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TAN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN

SÁCH MỚI

Nhà xuất bản THẾ GIỚI vừa gửi tặng chúng tôi cuốn **« KỸ THUẬT SÁNG TÁC THƠ »** tác giả TRƯƠNG-LINH-TỬ.

Đây là một cuốn sách gồm đủ luật lệ căn bản dạy làm đủ các loại thơ: Ca-dao, Lục bát, Từ khúc, Song thất lục bát, Tứ ngôn, Ngũ ngôn, Lục ngôn, Thất ngôn, Bát cú ngôn, Cồ phong đường luật, Thơ phối hợp thể, Thơ không niêm luật và Thơ mới, Thơ tự do, Thơ linh động.

Sách trình bày mỹ thuật, ấn loát rõ ràng **Giá 35 \$ 00**

Xin trân trọng cảm ơn nhà xuất-bản và ân cần giới thiệu cùng quý độc giả và nhất là các bạn yêu thơ.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THAT - ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

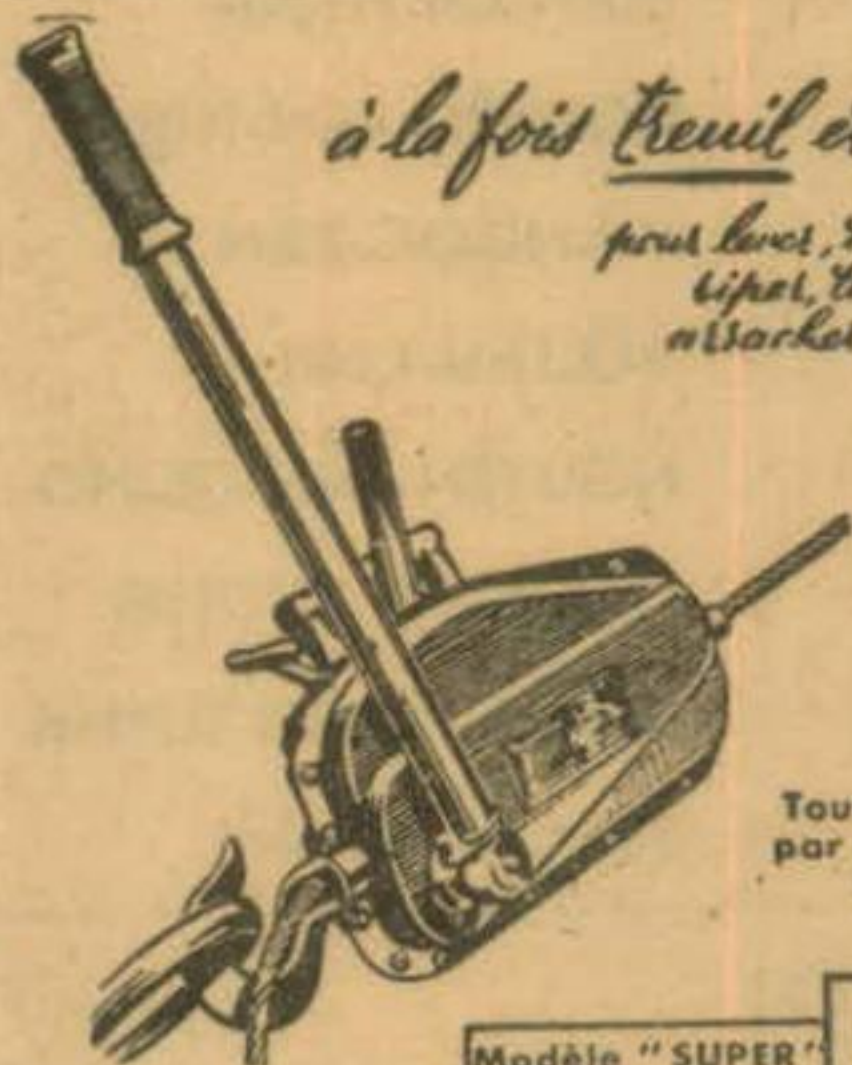
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour lever, tirer
léger, tendre
à l'acier etc...*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B. S. G. D. G.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**1 Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SĨ VÀ LÊ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



Đùng Hộp Quẹt là kinh-tế Quốc-Gia
phụng-sự nên

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân - Đôn  Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe samelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN \$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boîte postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



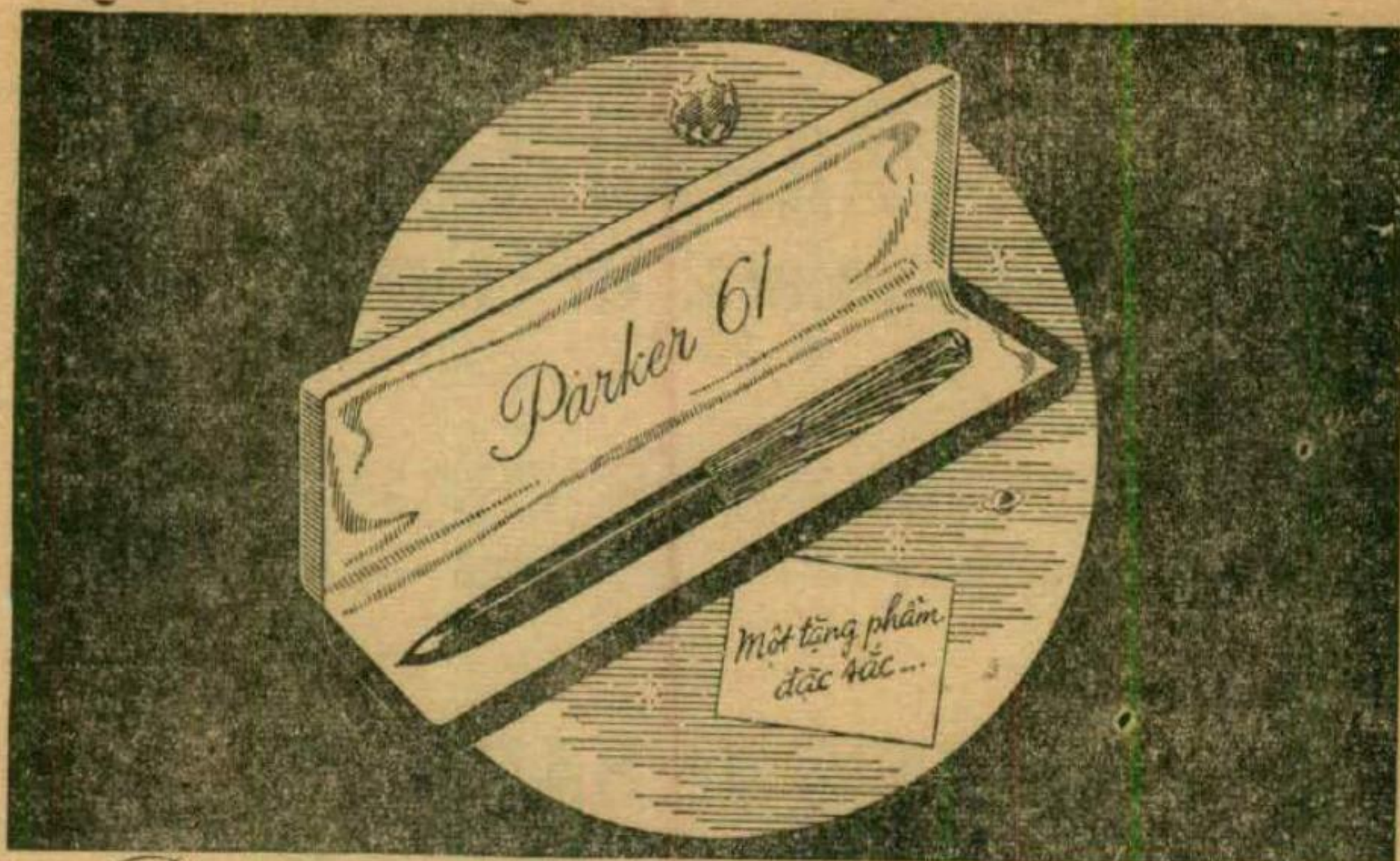
REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON



Parker 61

Bút máy Mennen nổi tiếng và được ưa chuộng nhất ở phần lớn các nước.

Một chiếc bút máy Parker 61, với chiếc nắp bút Parker 61, trở thành một tặng phẩm đặc biệt. Chỉ cần mua một chiếc bút máy Parker 61, và chiếc nắp bút Parker 61, và bạn sẽ có một chiếc bút máy Parker 61 hoàn chỉnh. Chiếc nắp bút Parker 61 là một món quà đặc biệt dành cho người tặng.



Chỉ cần mua một chiếc bút máy Parker 61, và chiếc nắp bút Parker 61, và bạn sẽ có một chiếc bút máy Parker 61 hoàn chỉnh.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L.U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CHL



L.A.P. 56

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

GIAO - THÔNG - NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

HÀNG LA-VE B.G.I

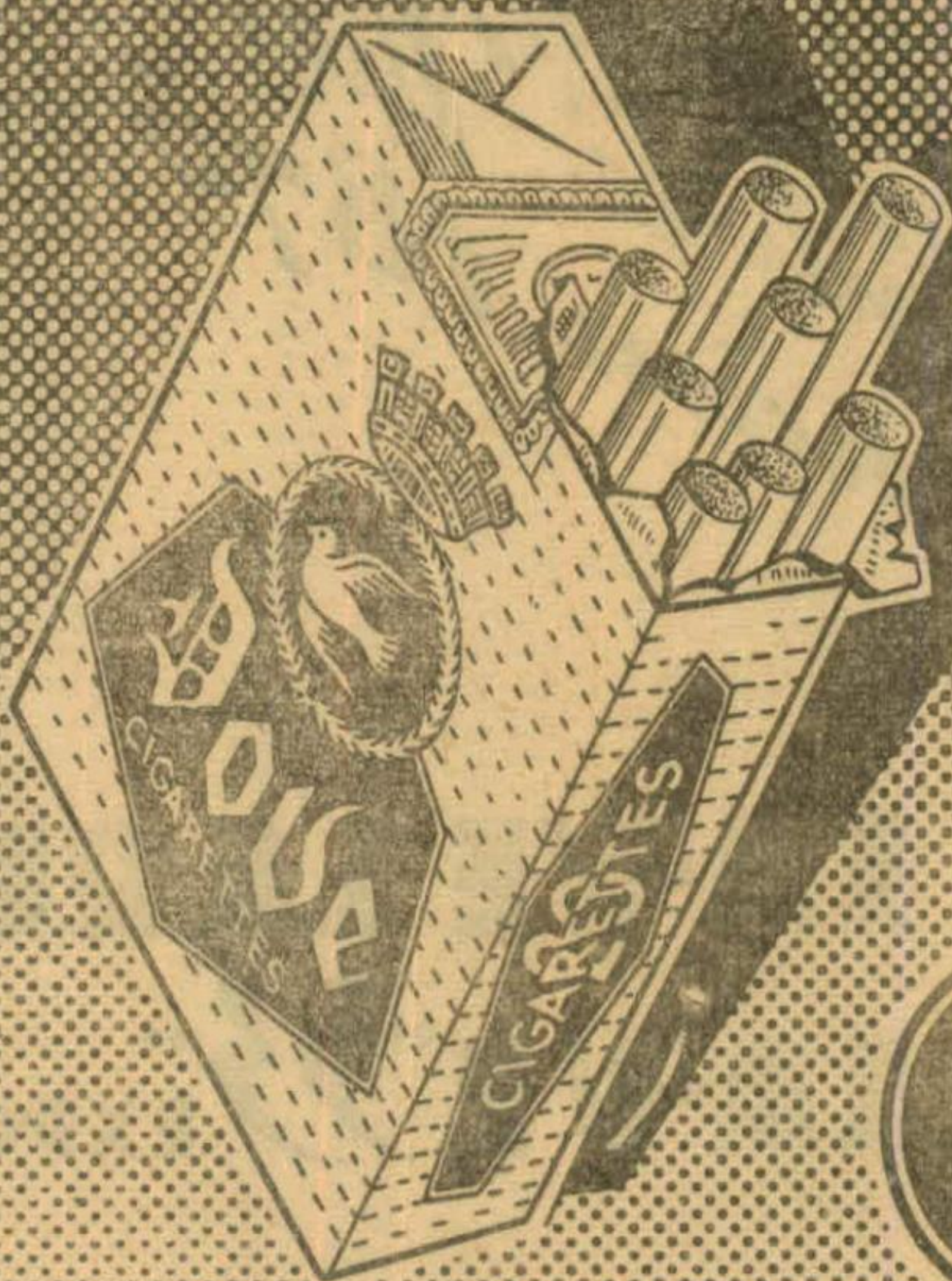
*Phung, Su' nen
Kinh-te Viet-Nam
tu' nam 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

HOOSE



15¢

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH-KHOA TAP CH
 BACH-KHOA TAP CH

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$ 00